

**TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**



BÁO CÁO CUỐI KỲ

MÔN HỌC: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ YÊU CẦU

Mã môn học: 502050

**Đề tài : Phân tích và thiết kế hệ thống quản lý chuỗi cửa hàng
coffee**

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 5 NĂM 2023

**TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**



BÁO CÁO CUỐI KỲ

MÔN HỌC: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ YÊU CẦU

Mã môn học: 502050

**Đề tài : Phân tích và thiết kế hệ thống quản lý chuỗi cửa hàng
coffee**

Người hướng dẫn: ThS.Huỳnh Anh Khiêm

Người thực hiện: Đoàn Trần Quốc Toàn -52100492

Lương Quang Vinh – 52100865

Phạm Đăng Trường – 52101009

Nguyễn Tường An - 52100380

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 5 NĂM 2023

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên với tình cảm sâu sắc và chân thành nhất, cho phép em được bày tỏ lòng biết ơn đến tất cả các cá nhân và tổ chức đã tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ em trong thời gian học tập tại trường Tôn Đức Thắng từ khi em bắt đầu học tập tại trường, đặc biệt là các thầy cô trong khoa Công nghệ thông tin. Trong suốt thời gian từ khi bắt đầu học tập tại trường đến nay, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ của quý Thầy Cô và bạn bè.

Với lòng biết ơn sâu sắc nhất, em xin gửi đến quý Thầy Cô ở Khoa Công Nghệ Thông Tin đã truyền đạt vốn kiến thức quý báu cho chúng em trong suốt thời gian học tập tại trường. Nhờ có những lời hướng dẫn, dạy bảo của các thầy cô nên bài báo cáo cuối kỳ của em mới có thể hoàn thiện.

Đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn thầy Huỳnh Anh Khiêm – giảng viên bộ môn “ Phân tích và thiết kế yêu cầu ” đã tận tâm hướng dẫn chúng em qua từng buổi học trên lớp và truyền đạt những kiến thức hữu ích áp dụng cho bài báo cáo này.

Bài báo cáo này được em thực hiện trong khoảng thời gian trong khoảng thời gian có nhiều bài tập khác nên chắc chắn sẽ có ít hoặc nhiều sai sót, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của quý Thầy Cô để kiến thức của em trong lĩnh vực này được hoàn thiện hơn đồng thời có điều kiện bổ sung, nâng cao ý thức của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

ĐỒ ÁN ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

Tụi em xin cam đoan đây là sản phẩm đồ án của chúng em và được sự hướng dẫn của Thầy Huỳnh Anh Khiêm. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo.

Ngoài ra, trong đồ án còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc.

Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tụi em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo của mình. Trường Đại học Tôn Đức Thắng không liên quan đến những vi phạm tác quyền, bản quyền do em gây ra trong quá trình thực hiện (nếu có).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 05 năm 2023

Tác giả

(ký tên và ghi rõ họ tên)

Đoàn Trần Quốc Toàn

Lương Quang Vinh

Phạm Đăng Trường

Nguyễn Tường An

PHẦN XÁC NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN

Phần xác nhận của GV hướng dẫn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
(kí và ghi họ tên)

Phần đánh giá của GV chấm bài

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
(kí và ghi họ tên)

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	
MỤC LỤC	1
DANH MỤC HÌNH ẢNH	4
TÓM TẮT	6
CHƯƠNG I – KHẢO SÁT	7
1. Khảo sát	7
1.1. Kế hoạch phỏng vấn	7
CHƯƠNG II – ĐẶC TẢ	11
2.2. Tổng quan về sản phẩm	11
2.3. Yêu cầu chức năng	11
2.4. Quy trình thực hiện	21
CHƯƠNG III – PHÂN TÍCH HỆ THỐNG	26
3.1. Phân tích hệ thống	26
3.1.1. Các tác nhân trong hệ thống	26
3.2. Các use case trong hệ thống	29
3.2.1. Usecase 1: Đăng nhập	35
3.2.2. Usecase 2: Đăng xuất	37
3.2.3. Usecase 3: Đăng ký	37
3.2.4. Usecase 4: Thống kê doanh thu chi nhánh	39
3.2.5. Usecase 5: Quản lý nhân viên của toàn hệ thống	41
3.2.6. Usecase 6: Quảng cáo và marketing	42
3.2.7. Usecase 7: Thống kê doanh thu	44
3.2.8. Usecase 8: Quản lý hàng hóa	45
3.2.9. Usecase 9: Đặt hàng	47
3.2.10. Usecase 10: Kiểm tra hàng tồn	48
3.2.11. Usecase 11: Tài khoản quản lý chi nhánh	50
3.2.12. Usecase 12: Xóa thông tin chi nhánh	51
3.2.13. Usecase 13: Thêm thông tin chi nhánh	53
3.2.14. Usecase 14: Quản lý bán hàng của chi nhánh	54
3.2.15. Usecase 15: Quản lý bán hàng	56
3.2.16. Usecase 16: Tạo hoá đơn	57
3.2.17. Usecase 17: Lịch sử bán hàng	58
3.2.18. Usecase 18: Thống kê sản phẩm bán chạy	60

3.2.19.	Usecase 19: Quản lý khách hàng	61
3.2.20.	Usecase 20: Thêm khách hàng.....	63
3.2.21.	Usecase 21: Xóa khách hàng	64
3.2.22.	Usecase 22: Sửa thông tin khách hàng	66
3.2.23.	Usecase 23: Quản lý lương nhân viên	68
3.2.24.	Usecase 24: Lưu thông tin khách hàng	69
3.2.25.	Usecase 25: Thông tin khách hàng	70
3.2.26.	Usecase 26: Xóa thông tin của khách hàng	71
3.2.27.	Usecase 27: Thêm thông tin khách hàng	72
3.2.28.	Usecase 28: Lưu thông tin khách hàng	73
3.2.29.	Usecase 29: Quản lý nhân viên.....	74
3.2.30.	Usecase 30: Sửa thông tin nhân viên	76
3.2.31.	Usecase 31: Thêm nhân viên	77
3.2.32.	Usecase 32: Xóa nhân viên.....	79
3.2.33.	Usecase 33: Đánh giá.....	81
3.2.34.	Usecase 34: Xem đánh giá.....	82
3.2.35.	Usecase 35: Tiếp nhận món	84
3.2.36.	Usecase 36: Đặt món online	85
3.2.37.	Usecase 37: Tiếp nhận yêu cầu đặt bàn	87
3.2.38.	Usecase 38: Yêu cầu đặt bàn	88
3.2.39.	Usecase 39: Thanh toán online	90
3.3.	Usecase hệ thống	92
	CHƯƠNG IV – SƠ ĐỒ HOẠT ĐỘNG	92
4.	Sơ đồ hoạt động của hệ thống	92
4.1.	Sơ đồ tuần tự (Sequence Diagram)	92
4.1.1.	Sơ đồ tuần tự chức năng đăng nhập.....	92
4.1.2.	Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký	93
4.1.3.	Sơ đồ tuần tự chức năng đăng xuất	94
4.1.4.	Sơ đồ tuần tự chức năng quảng cáo và marketing.....	94
4.1.5.	Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý hàng hóa.....	94
4.1.6.	Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý từng chi nhánh	95
4.1.7.	Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý bán hàng.....	95
4.1.8.	Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý nhân viên.....	96
4.1.9.	Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý tiền lương.....	97
4.1.10.	Sơ đồ tuần tự chức năng đánh giá sản phẩm.....	98

4.1.12.	Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý thanh toán.....	99
4.2.	Sơ đồ ERD và Mô hình quan hệ	100
4.2.1.	Sơ đồ ERD.....	100
4.2.2.	Mô hình quan hệ.....	101
4.3.	Sơ đồ hoạt động (Activity Diagram)	101
4.3.1.	Sơ đồ hoạt động chức năng đăng nhập.....	101
4.3.2.	Sơ đồ hoạt động chức năng đăng xuất.....	102
4.3.3.	Sơ đồ hoạt động chức năng thêm ca làm.....	102
4.3.4.	Sơ đồ hoạt động chức năng thêm nhà cung cấp	103
4.3.5.	Sơ đồ hoạt động chức năng thêm bàn.....	104
4.3.6.	Sơ đồ hoạt động chức năng thêm ưu đãi	105
4.3.7.	Sơ đồ hoạt động chức năng thêm hàng hóa.....	106
4.3.8.	Sơ đồ hoạt động chức năng thêm khách hàng	107
4.3.9.	Sơ đồ hoạt động chức năng thêm nhân viên.....	108
4.3.10.	Sơ đồ hoạt động chức năng xóa hàng hóa	109
4.3.11.	Sơ đồ hoạt động chức năng xóa thông tin khách hàng	110
4.3.12.	Sơ đồ hoạt động chức năng xóa nhân viên	111
4.3.13.	Sơ đồ hoạt động chức năng xóa ca làm	112
4.3.14.	Sơ đồ hoạt động chức năng xóa thông tin nhà cung cấp	113
4.3.15.	Sơ đồ hoạt động chức năng xóa bàn	114
4.3.16.	Sơ đồ hoạt động chức năng xóa thông tin ưu đãi.....	115
4.3.17.	Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin ca làm	116
4.3.18.	Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin nhà cung cấp.....	117
4.3.19.	Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin bàn	118
4.3.20.	Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin ưu đãi.....	119
4.3.21.	Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin hàng hóa	120
4.3.22.	Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin khách hàng.....	121
4.3.23.	Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin nhân viên	122
4.3.24.	Sơ đồ hoạt động chức năng đặt đồ uống.....	123
4.3.25.	Sơ đồ hoạt động chức năng thanh toán.....	124
4.3.26.	Sơ đồ hoạt động chức năng lập hóa đơn.....	125

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 0-0-1. Sơ đồ Usecase tổng quát hệ thống	92
Hình 0-1. Sơ đồ tuần tự chức năng đăng nhập.....	93
Hình 0-2. Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký	93
Hình 0-3. Sơ đồ tuần tự chức năng đăng xuất	94
Hình 0-4. Sơ đồ tuần tự chức năng quảng cáo và marketing.....	94
Hình 0-5. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý hàng hóa.....	95
Hình 0-6. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý từng chi nhánh	95
Hình 0-7. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý bán hàng.....	96
Hình 0-8. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý nhân viên.....	97
Hình 0-9. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý tiền lương.....	97
Hình 0-10. Sơ đồ tuần tự chức năng đánh giá sản phẩm	98
Hình 0-11. Sơ đồ tuần tự chức năng đặt bàn	99
Hình 0-12. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý trang thanh toán	100
Hình 0-13. Sơ đồ ERD.....	100
Hình 0-14. Sơ đồ mô hình quan hệ	101
Hình 0-15. Sơ đồ hoạt động chức năng đăng nhập.....	102
Hình 0-16. Sơ đồ hoạt động chức năng đăng xuất.....	102
Hình 0-17. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm ca làm.....	103
Hình 0-18. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm nhà cung cấp	104
Hình 0-19. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm bàn.....	105
Hình 0-20. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm ưu đãi	106
Hình 0-21. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm hàng hóa.....	107
Hình 0-22. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm khách hàng	108
Hình 0-23. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm nhân viên.....	109
Hình 0-24. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa hàng hóa	110
Hình 0-25. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa thông tin khách hàng	111
Hình 0-26. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa nhân viên.....	112
Hình 0-27. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa ca làm	113
Hình 0-28. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa thông tin nhà cung cấp	114
Hình 0-29. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa bàn.....	115

Hình 0-30. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa thông tin ưu đãi	116
Hình 0-31. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin ca làm	117
Hình 0-32. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin NCC	118
Hình 0-33. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin bàn.....	119
Hình 0-34. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin ưu đãi	120
Hình 0-35. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin hàng hóa	121
Hình 0-36. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin KH.....	122
Hình 0-37. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin NV	123
Hình 0-38. Sơ đồ hoạt động chức năng đặt đồ uống	124
Hình 0-39. Sơ đồ hoạt động chức năng thanh toán.....	125
Hình 0-40. Sơ đồ hoạt động chức năng lập hóa đơn.....	126

TÓM TẮT

Môn học Phân tích và Thiết kế Yêu cầu giới thiệu và tập trung vào các khái niệm và kỹ năng liên quan đến việc phân tích và thiết kế yêu cầu trong quá trình phát triển phần mềm. Mục tiêu của môn học này là đào tạo và phát triển các kỹ năng tư duy, phân tích, thiết kế và sử dụng công cụ hỗ trợ để xây dựng phần mềm chất lượng cao.

Môn học bao gồm các chủ đề sau:

- Phân tích yêu cầu nghiệp vụ: Quá trình nghiên cứu và hiểu rõ yêu cầu của doanh nghiệp và quy trình hợp nhất. Tập trung vào việc khám phá, phân tích và tài liệu hóa yêu cầu, cũng như giao tiếp hiệu quả giữa các bên liên quan.
- Chuyển đổi từ phân tích sang thiết kế: Quá trình chuyển đổi yêu cầu nghiệp vụ đã phân tích thành thiết kế hệ thống phần mềm. Sử dụng ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất UML (Unified Modeling Language) và mô hình hóa Use Case để mô tả các tác nhân, hành vi và tương tác trong hệ thống.
- Phân tích và thiết kế yêu cầu thực tế: Áp dụng kỹ thuật và phương pháp phân tích, thiết kế yêu cầu để giải quyết các vấn đề thực tế trong việc xây dựng phần mềm. Tư duy về phân tích và thiết kế yêu cầu của các bài toán cụ thể.
- Kỹ năng và công cụ hỗ trợ: Phát triển kỹ năng tư duy, phân tích, thiết kế và sử dụng các công cụ hỗ trợ để thu thập, phân tích, đặc tả yêu cầu và thiết kế theo quy trình nhằm đảm bảo chất lượng phần mềm.

Môn học này giúp sinh viên hiểu và áp dụng các phương pháp và kỹ thuật phân tích thiết kế yêu cầu trong việc xây dựng phần mềm, từ việc hiểu yêu cầu của doanh nghiệp đến thiết kế hệ thống. Nó cũng giúp phát triển kỹ năng tư duy logic, phân tích và thiết kế, đồng thời sử dụng các công cụ hỗ trợ để đạt được kết

CHƯƠNG I – KHẢO SÁT

1. Khảo sát

1.1. Kế hoạch phỏng vấn

Đối tượng : Nhân viên			
Người phỏng vấn: Nguyễn Tường An		Người được hỏi: Huỳnh Thị Trà My (nhân viên quán café ông Bàu KDC Kim Sơn)	
Câu hỏi 1	Bạn làm ở đây được bao lâu rồi và có thể cho chúng tôi biết thêm về bạn khi làm việc ở đây được không ?	Trả lời	Mình tên My mình làm ở đây cũng được gần 1 năm rồi hiện tại mình đang làm sinh viên Tôn Đức Thắng và mình làm cả tuần trừ 2 ngày thứ 6 và thứ 7. Mình bắt đầu làm từ 6 giờ sáng đến 2 giờ trưa.
Câu hỏi 2	Với số lượng khách lớn cùng vào quán 1 lúc thì chất lượng có được đảm bảo và có ảnh hưởng gì hay không ?		Tất nhiên với số lượng khách hàng đông đồng nghĩa với việc bộ phận nhân viên phải làm hết công suất, có vài việc dẫn đến trì trệ nhưng khách hàng cũng thông cảm và không phàn nàn gì nhiều.
Câu hỏi 3	Thái độ của phục vụ của mọi người khi khách hàng tới là		Thái độ phục vụ là cái rất quan trọng, tính cách, niềm

	như thế nào ?		tin và sự nhiệt tình luôn là những phẩm chất quan trọng của một người bán hàng chuyên nghiệp cần phải biết lắng nghe khách hàng.
Câu hỏi 4	Bạn có thay đổi hoặc muốn quán cải thiện gì không?		Đơn nhiên là có, đó là vấn đề toilet đó là không phân chia nam nữ, toilet sử dụng chung rất bất tiện .

Đối tượng : Nhân viên			
Người được hỏi: Huỳnh Thị Thu Trang		Người phỏng vấn: Nguyễn Tường An	
Câu hỏi 1	Bạn làm ở đây được bao lâu rồi và có thể cho chúng tôi biết thêm về bạn khi làm việc ở đây được không ?		Mình mới làm việc ở đây hồi trước tết, mình cũng là sinh viên Đại Học Tôn Đức Thắng và là sinh viên năm thứ hai.
	Quán có hay gặp sự cố gì trong lúc khách hàng tới đông hay không ?		Sự cố thường hay gặp là khách order món nhiều quá làm cho khách xếp hàng đợi lâu hoặc có nhân viên đem lộn món cho khách.

Câu hỏi 3	Dữ liệu của quán sẽ được lưu ở đâu và kiểm tra như thế nào ?		Khi khách gọi món nhân viên sẽ nhập vào máy và in hoá đơn, trong hoá đơn sẽ ghi ngày tháng và tiền của món đó hàng tháng sẽ căn cứ vào hoá đơn xuất ra mà tính tổng thu chi của tháng đó.
Câu hỏi 4	Bạn có thay đổi hoặc muốn quán cải thiện gì không ?		Chắc là vấn đề toilet và vấn đề về máy tính tiền khi số lượng khách đông quá máy sẽ bị đơ làm cho khâu khách hàng chờ đợi.

Đối tượng : Quản lí nhân viên			
Người được hỏi :Nguyễn Lê Thảo Vy (chức vụ quản lí)		Người phỏng vấn:Nguyễn Tường An	
Câu hỏi 1	Trong quá trình thanh toán hoá đơn có được lưu trữ hay không ?	Trả lời	Có tất cả hoá đơn sẽ được lưu trữ để sau khi hết ca sẽ thu lại và tổng kết, nó được lưu trên máy khi khách hàng gọi món hàng tháng chị chủ tiệm sẽ tổng kết và phát lương cho nhân viên.

Câu hỏi 2	Quán do chị thường gặp những khó khăn nào khi vận hành và quản lý ?	<ul style="list-style-type: none"> - Khó khăn thứ nhất là nguồn cung khi khách quá đông sẽ có lúc nguyên liệu không đủ như đá và các loại trái cây, khi người giao nguồn thực phẩm quá trễ sẽ xảy ra sự đợi chờ từ khách hàng khiến họ khó chịu có khi quay về không gọi món nữa. - Thứ hai là nhân viên là làm sai môn dẫn đến việc làm hao hụt nguyên liệu, đôi khi có vài nhân viên lo bấm điện thoại không tập trung cho công việc.
Câu hỏi 3	Khi nhân viên làm sai chị sẽ làm gì để giải quyết ?	<p>Đầu tiên là đối với những nhân viên bị vi phạm thì lần một lần hai chỉ nhắc nhở những tới lần ba thì phải trừ lương để cảnh cáo cho những nhân viên khác và phê bình nhân viên đó trước mặt những nhân viên khác để cho những người khác không mắc sai lầm tương tự.</p>

Câu hỏi 4	Bạn có thay đổi hoặc muốn quán cải thiện gì không ?		Chị thấy mọi thứ cũng ổn trừ lâu lâu máy tính tiền gặp vài sự cố ra còn lại không đánh nhắc tới.
-----------	---	--	--

CHƯƠNG II – ĐẶC TẢ

2. Đặc tả

2.1. Đặc tả hệ thống

Phần mềm quản lý là một ứng dụng được thiết kế để quản lý quán cà phê, cho phép người dùng thực hiện thao tác quản lý toàn bộ hệ thống gồm có nhiều chi nhánh. Cùng với đó là chức năng đăng nhập, đăng xuất, quản lý bán hàng, quản lý nhân viên, quản lý hàng hóa, quản lý khu vực – bàn cụ thể cho từng chi nhánh.

Mục đích của phần mềm này được thiết kế để chỉ định các yêu cầu chức năng chức năng quản lý quán cà phê. Đối tượng sử dụng cho phần mềm này là các bên liên quan, nhà phát triển, người kiểm thử và quản lý dự án.

2.2. Tổng quan về sản phẩm

Phần mềm sẽ cho phép người dùng thực hiện thao tác quản lý toàn bộ hệ thống gồm có nhiều chi nhánh. Cùng với đó là chức năng đăng nhập, đăng xuất, quản lý bán hàng, quản lý nhân viên, quản lý hàng hóa, quản lý khu vực – bàn cụ thể cho từng chi nhánh.

2.3. Yêu cầu chức năng

2.3.1. Quản lý các chi nhánh : Phần mềm cung cấp vai trò cho người quản trị toàn bộ hệ thống (Administrator) có thể truy cập và kiểm soát toàn bộ hệ thống, bao gồm:

2.3.1.1. Quản lý thông tin chi nhánh: truy cập và kiểm soát thông tin cơ bản về chi nhánh như mã chi nhánh, địa chỉ, số điện thoại, email, loại chi nhánh (loại 1, 2, 3 theo quy định của tổng hệ thống).

- 2.3.1.2. Quản lý hàng tồn kho: truy cập và kiểm soát lượng hàng tồn kho của toàn hệ thống, bao gồm đặt hàng, nhập kho, xuất kho, và kiểm tra hàng tồn kho để đảm bảo sự cân đối giữa cung cấp và nhu cầu.
- 2.3.1.3. Quản lý bán hàng: truy cập và kiểm soát giao dịch bán hàng của các chi nhánh, bao gồm thông tin tạo đơn đặt hàng, xử lý thanh toán, in hóa đơn, và quản lý hồ sơ khách hàng.
- 2.3.1.4. Báo cáo và thống kê: Tạo và phân tích báo cáo về doanh thu, lợi nhuận, doanh số bán hàng, hàng tồn kho, và các chỉ số kinh doanh khác để đánh giá hiệu suất của chi nhánh và đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu thống kê.
- 2.3.1.5. Quản lý khách hàng: truy cập và kiểm soát thông tin về khách hàng, bao gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, lịch sử mua hàng, và tương tác khác.
- 2.3.1.6. Quản lý marketing và quảng cáo: Thực hiện hoạt động marketing và quảng cáo tại chi nhánh, bao gồm quản lý chương trình khuyến mãi, sự kiện, và quảng cáo địa phương để thu hút và duy trì khách hàng.
- 2.3.1.7. Quản lý chi phí và tài chính: Theo dõi, quản lý và báo cáo về các khoản chi phí, thu nhập, và tài chính của toàn hệ thống để đảm bảo hoạt động vận hành hiệu quả và đáp ứng mục tiêu tài chính.
- 2.3.1.8. Quản lý tài khoản ở chi nhánh tổng:
 - 2.3.1.8.1. Thêm tài khoản nhân viên và phân quyền: Quản lý admin có quyền thêm tài khoản nhân viên và cấp phân quyền cho từng tài khoản. Khi thêm tài khoản nhân viên, admin cần nhập thông tin nhân viên như tên, email, số điện thoại, và vị trí công việc. Ngoài ra, admin cũng có thể cấp đặc quyền và quyền hạn cho tài khoản mới, bao gồm quyền truy cập vào các chức năng và dữ liệu trong hệ thống. Thông qua việc cấp phân quyền, admin có thể quản lý quyền truy cập và hạn chế hoạt động của các tài khoản nhân viên.
 - 2.3.1.8.2. Sửa tài khoản nhân viên: Quản lý admin có quyền sửa đổi thông tin của tài khoản nhân viên, bao gồm cả thông tin cá nhân và quyền hạn. Admin

có thể thay đổi tên, email, số điện thoại và vị trí công việc của nhân viên. Ngoài ra, admin cũng có quyền thay đổi các phân quyền và quyền hạn của tài khoản, bao gồm cấp hoặc thu hồi quyền truy cập vào các chức năng và dữ liệu trong hệ thống. Qua chức năng này, admin có thể điều chỉnh thông tin và quyền hạn của nhân viên theo nhu cầu và sự thay đổi trong tổ chức.

2.3.1.8.3. Xóa tài khoản nhân viên: Quản lý admin có quyền xóa tài khoản nhân viên khỏi hệ thống. Việc xóa tài khoản nhân viên sẽ gây mất mọi quyền hạn và thông tin liên quan đến tài khoản đó. Admin có thể chọn tài khoản cần xóa và xác nhận việc xóa. Quá trình xóa tài khoản cần được thực hiện cẩn thận và có thể yêu cầu xác nhận từ admin để đảm bảo tính bảo mật và tránh xóa nhầm tài khoản quan trọng.

2.3.2. Chi nhánh : Phân quyền dành cho 1 chi nhánh cụ thể với các chức năng:

2.3.2.1. Quản lý bán hàng

2.3.2.1.1. Đặt món (Order): Chức năng này cho phép nhân viên có thể tiếp nhận và ghi nhận đơn đặt hàng từ khách hàng. Người dùng có thể chọn các món ăn, đồ uống hoặc sản phẩm khác từ danh sách có sẵn hoặc nhập thông tin đặt hàng từ khách hàng. Chức năng này cũng có thể bao gồm tính năng lưu trữ đơn hàng và thông tin khách hàng liên quan.

2.3.2.1.2. Thống kê doanh thu: Chức năng này cho phép người quản lý chi nhánh xem và phân tích doanh thu của chi nhánh trong một khoảng thời gian cụ thể. Thống kê doanh thu có thể cung cấp thông tin về tổng doanh thu, doanh thu theo loại sản phẩm hoặc dịch vụ, doanh thu theo thời gian, và các chỉ số liên quan khác. Thông qua chức năng này, người dùng có thể đánh giá hiệu suất kinh doanh của chi nhánh và đưa ra các quyết định chiến lược cũng như báo cáo cho tổng hệ thống.

2.3.2.1.3. Xuất hoá đơn: Chức năng này cho phép người quản lý chi nhánh và nhân viên tạo và xuất hoá đơn cho khách hàng. Sau khi đơn hàng được xác nhận và thanh toán, chức năng xuất hoá đơn sẽ tạo ra hoá đơn điện tử

hoặc in hoá đơn giấy chứng từ cho khách hàng. Hoá đơn thường bao gồm thông tin về sản phẩm hoặc dịch vụ đã mua, giá cả, số lượng, tổng cộng và các thông tin thanh toán khác.

- 2.3.2.1.4. **Thống kê món bán chạy:** Chức năng này cho phép người quản lý chi nhánh xem danh sách các món ăn, đồ uống hoặc sản phẩm bán chạy nhất trong một khoảng thời gian cụ thể. Thống kê món bán chạy có thể cung cấp thông tin về số lượng bán, doanh thu từ các món hàng, giúp người dùng hiểu được sự ưa chuộng của sản phẩm và điều chỉnh chiến lược bán hàng tại chi nhánh.
- 2.3.2.1.5. **Đánh giá:** Chức năng này cho phép khách hàng hoặc người dùng khác đánh giá sản phẩm hoặc dịch vụ mà chi nhánh cung cấp. Đánh giá có thể được đánh giá bằng điểm số hoặc bình luận, cho phép người quản lý chi nhánh theo dõi phản hồi từ khách hàng, cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ, và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Chức năng này cũng có thể cung cấp thông tin đánh giá tổng quan về chi nhánh và các nhân viên, giúp người quản lý đánh giá hiệu suất và đưa ra các biện pháp cải thiện.
- 2.3.2.1.6. **Thanh toán:** Chức năng này cho phép người quản lý nhân viên tiếp nhận và xử lý thanh toán từ khách hàng. Đối với các giao dịch trực tiếp tại chi nhánh, chức năng thanh toán có thể bao gồm việc chấp nhận tiền mặt, thẻ ngân hàng, ví điện tử hoặc các hình thức thanh toán khác. Chức năng này đảm bảo quy trình thanh toán được thực hiện một cách thuận tiện, nhanh chóng và chính xác.
- 2.3.2.1.7. **Lịch sử bán hàng:** Chức năng này lưu trữ và hiển thị lịch sử các giao dịch bán hàng tại chi nhánh. Người quản lý chi nhánh và nhân viên có thể xem lại các đơn hàng đã được xử lý, hoá đơn đã xuất, và các thông tin liên quan khác. Chức năng này giúp theo dõi và kiểm tra thông tin giao dịch trước đó, tạo sự minh bạch và đảm bảo rằng mọi giao dịch đều được ghi nhận và xử lý chính xác.

2.3.2.2. Quản lý nhân viên

- 2.3.2.2.1. Thêm nhân viên: Chức năng này cho phép người quản lý chi nhánh thêm mới nhân viên vào hệ thống. Người dùng có thể nhập thông tin cá nhân của nhân viên như tên, địa chỉ, số điện thoại, email, v.v. Ngoài ra, cũng cần xác định vai trò và quyền hạn của nhân viên trong hệ thống.
- 2.3.2.2.2. Xóa nhân viên: Chức năng này cho phép người quản lý chi nhánh xóa thông tin của nhân viên khỏi hệ thống. Thông qua chức năng này, người dùng có thể quản lý danh sách nhân viên hiện có và thực hiện xóa nhân viên không còn hoạt động hoặc đã chấm dứt hợp đồng làm việc.
- 2.3.2.2.3. Cập nhật thông tin cá nhân: Chức năng này cho phép người quản lý chi nhánh và nhân viên cập nhật thông tin cá nhân của mình trong hệ thống. Nhân viên có thể thay đổi thông tin như địa chỉ, số điện thoại, email, và các thông tin cá nhân khác. Người quản lý có quyền kiểm duyệt và xác nhận các thay đổi này trước khi cập nhật vào hệ thống.
- 2.3.2.2.4. Thống kê số lượng nhân viên: Chức năng này cho phép người quản lý chi nhánh xem thống kê về số lượng nhân viên trong chi nhánh. Thông qua chức năng này, người dùng có thể xem tổng số nhân viên, số lượng nhân viên theo từng phòng ban hoặc bộ phận, và theo các tiêu chí khác. Thống kê này giúp người quản lý có cái nhìn tổng quan về nguồn nhân lực trong chi nhánh và quản lý nguồn nhân lực hiệu quả, cũng như báo cáo lên chi nhánh tổng.
- 2.3.2.2.5. Thêm thông tin về lương nhân viên: Chức năng này cho phép người quản lý chi nhánh thêm thông tin về lương của nhân viên vào hệ thống. Người dùng có thể ghi nhận mức lương, các khoản phụ cấp, và các yếu tố khác liên quan đến việc tính toán và quản lý lương của nhân viên. Thông qua chức năng này, người quản lý có thể theo dõi và quản lý chi phí lương và tiền công của nhân viên trong chi nhánh.
- 2.3.2.2.6. Quản lý ca làm việc: Chức năng này cho phép người quản lý chi nhánh lập lịch làm việc cho nhân viên theo từng ca làm việc. Người dùng có thể

gán nhân viên vào các ca làm việc cụ thể, xem và điều chỉnh lịch làm việc theo nhu cầu của chi nhánh. Cụ thể như sau:

- 2.3.2.2.6.1. Tạo và quản lý ca làm việc: Người quản lý có thể tạo ra các ca làm việc theo thời gian và ngày trong tuần. Họ có thể chỉ định giờ bắt đầu và kết thúc của mỗi ca làm việc, cũng như số lượng nhân viên cần thiết cho mỗi ca.
- 2.3.2.2.6.2. Gán nhân viên vào các ca làm việc: Người quản lý có thể gán nhân viên vào các ca làm việc tương ứng. Họ có thể xem danh sách nhân viên và chọn những người phù hợp cho từng ca làm việc. Chức năng này giúp đảm bảo rằng có đủ nhân viên trong mỗi ca làm việc và phân bổ công việc một cách hợp lý.
- 2.3.2.2.6.3. Điều chỉnh lịch làm việc: Người quản lý có thể điều chỉnh lịch làm việc theo nhu cầu thay đổi của chi nhánh. Nếu có sự thay đổi về lịch trình hoặc số lượng nhân viên, họ có thể thay đổi ca làm việc hiện có, thay thế nhân viên hoặc thêm mới ca làm việc.
- 2.3.2.2.6.4. Xem lịch làm việc: Người quản lý và nhân viên có thể xem lịch làm việc của mình. Lịch làm việc cung cấp thông tin về ca làm việc, giờ làm việc và ngày làm việc của mỗi nhân viên. Điều này giúp nhân viên biết khi nào phải làm việc và có thể tổ chức thời gian cá nhân một cách hiệu quả.
- 2.3.2.2.6.5. Thống kê và báo cáo: Chức năng này cung cấp khả năng thống kê và báo cáo về lịch làm việc. Người quản lý có thể xem tổng số giờ làm việc của mỗi nhân viên, số lần thay đổi lịch làm việc, và các thông tin liên quan khác. Thông qua chức năng này, người quản lý có thể đánh giá hiệu suất làm việc và quản lý lịch làm việc một cách hiệu quả.
- 2.3.2.3. Quản lý hàng hóa : chức năng quản lý hàng hoá, người quản lý chi nhánh có thể theo dõi, kiểm soát và quản lý tình trạng hàng hoá trong chi nhánh một cách hiệu quả, đảm bảo đủ nguồn hàng để phục vụ khách hàng và đáp ứng nhu cầu bán hàng:

- 2.3.2.3.1. **Thống kê, báo cáo số lượng nhập:** Chức năng này cho phép người quản lý chi nhánh xem và thống kê số lượng hàng hoá đã nhập về chi nhánh. Thông qua chức năng này, người dùng có thể xem thông tin về số lượng hàng hoá đã nhập theo thời gian, nhà cung cấp, danh mục sản phẩm, v.v. Thống kê và báo cáo này giúp người quản lý theo dõi quá trình nhập hàng và quản lý nguồn hàng một cách hiệu quả.
- 2.3.2.3.2. **Thống kê, báo cáo số lượng tồn:** Chức năng này cho phép người quản lý chi nhánh xem và thống kê số lượng hàng hoá đang tồn kho tại chi nhánh. Thông qua chức năng này, người dùng có thể xem thông tin về số lượng hàng hoá tồn kho theo danh mục, khu vực, hoặc các tiêu chí khác. Thống kê và báo cáo này giúp người quản lý kiểm soát tình trạng tồn kho và đưa ra quyết định về việc tái đặt hàng hoặc điều chỉnh số lượng hàng hoá.
- 2.3.2.3.3. **Thêm, sửa, xóa, cập nhật số lượng:** Chức năng này cho phép người quản lý chi nhánh thực hiện các thao tác thêm, sửa, xóa và cập nhật số lượng hàng hoá trong hệ thống. Người dùng có thể thêm mới thông tin hàng hoá, chỉnh sửa số lượng hàng hoá, xóa hàng hoá không còn sử dụng hoặc cập nhật số lượng hàng hoá khi có các giao dịch nhập hoặc xuất hàng. Chức năng này giúp người quản lý duy trì thông tin hàng hoá chính xác và cập nhật tình trạng hàng hóa trong kho.
- 2.3.2.4. **Quản lý khu vực - bàn:**
- 2.3.2.4.1. **Đặt bàn trực tuyến:** Hệ thống đặt bàn cung cấp chức năng đặt bàn trực tuyến cho khách hàng, với các thông tin về số lượng người, ngày và giờ mong muốn, cũng như yêu cầu đặc biệt khác từ khách hàng.
- 2.3.2.4.2. **Quản lý sơ đồ bàn:** Hệ thống đặt bàn cung cấp sơ đồ bàn cho quản lý chi nhánh, cho phép nhân viên kiểm soát trạng thái và tình trạng sẵn có của các bàn trong nhà hàng. Sơ đồ bàn thường hiển thị các bàn đã được đặt, bàn đang trống và bàn đã được đặt trước đó nhưng chưa xác nhận.
- 2.3.2.4.3. **Quản lý thông tin khách hàng:** Hệ thống đặt bàn cho phép quản lý lưu trữ thông tin khách hàng, bao gồm tên, số điện thoại, địa chỉ và các thông tin

khác cần thiết. Thông qua việc lưu trữ thông tin khách hàng, nhân viên có thể dễ dàng tiếp cận và quản lý các yêu cầu đặt bàn của khách hàng hiện tại và tương lai.

- 2.3.2.4.4. Xác nhận đặt bàn: Hệ thống đặt bàn thông báo cho khách hàng về tình trạng đặt bàn của họ, bao gồm việc xác nhận đặt bàn thành công, xác nhận lại ngày và giờ đặt bàn, hoặc thông báo nếu không thể xác nhận yêu cầu đặt bàn. Thông qua các thông báo này, khách hàng có thể biết chính xác về tình trạng đặt bàn của mình.
- 2.3.2.4.5. Quản lý đặt bàn và thời gian: Hệ thống đặt bàn cho phép quản lý chi nhánh quản lý số lượng đặt bàn và thời gian. Họ có thể xác định số lượng bàn có sẵn cho mỗi thời điểm, quản lý số lượng khách hàng được phục vụ cùng một lúc và đảm bảo phân bổ bàn sao cho hợp lý với khả năng phục vụ của nhà hàng. Hệ thống đặt bàn cũng cho phép quản lý thiết lập thời gian giới hạn cho mỗi đặt bàn, giúp đảm bảo rằng khách hàng không đặt bàn quá sớm hoặc quá trễ. Ngoài ra, hệ thống cũng cung cấp khả năng quản lý thời gian phục vụ cho mỗi bàn, để đảm bảo rằng khách hàng có đủ thời gian để thưởng thức món ăn và tránh xảy ra chồng chéo trong lịch trình phục vụ.
- 2.3.2.4.6. Thông báo và nhắc nhở: Hệ thống đặt bàn có thể gửi thông báo và nhắc nhở cho khách hàng và nhân viên liên quan đến các yêu cầu đặt bàn. Thông qua các thông báo này, khách hàng sẽ nhận được xác nhận đặt bàn, nhắc nhở về thời gian đến nhà hàng và thông tin cần thiết khác. Nhân viên cũng có thể nhận được thông báo về các yêu cầu đặt bàn mới và các thay đổi liên quan để chuẩn bị sẵn sàng phục vụ.
- 2.3.2.4.7. Quản lý danh sách chờ: Hệ thống đặt bàn cung cấp tính năng quản lý danh sách chờ cho khách hàng không có đặt bàn trước. Khi tất cả các bàn đặt trước đã được sử dụng, khách hàng có thể đăng ký vào danh sách chờ. Hệ thống sẽ thông báo cho khách hàng khi có bàn trống và tiến hành xếp lịch đặt bàn cho họ.

2.3.2.4.8. **Thống kê và báo cáo:** Hệ thống đặt bàn cung cấp các chức năng thống kê và báo cáo để quản lý chi nhánh có thể xem xét hiệu suất đặt bàn, số lượng khách hàng phục vụ, thời gian chờ đợi, và các thông số khác. Thông qua các báo cáo này, quản lý có thể đánh giá hoạt động đặt bàn, tối ưu hóa quy trình và cải thiện trải nghiệm của khách hàng.

2.3.2.5. Quản lý khách hàng

2.3.2.5.1. **Thêm và xóa khách hàng:** Hệ thống quản lý khách hàng cho phép người quản lý chi nhánh thêm mới thông tin khách hàng vào cơ sở dữ liệu. Khi khách hàng mới đến chi nhánh, nhân viên có thể nhập thông tin cá nhân của khách hàng như tên, số điện thoại, địa chỉ và các thông tin khác. Ngược lại, khi khách hàng không còn quan tâm trong thời hạn cụ thể là 3 năm kể từ khi lần mua hàng gần nhất hoặc yêu cầu xóa thông tin, hệ thống cho phép xóa khách hàng khỏi cơ sở dữ liệu.

2.3.2.5.2. **Tiếp nhận đánh giá:** Hệ thống quản lý khách hàng cho phép khách hàng đánh giá sản phẩm, dịch vụ hoặc trải nghiệm của họ tại chi nhánh. Khách hàng có thể cung cấp đánh giá bằng cách đánh giá bằng điểm số, bình luận hoặc phản hồi. Đánh giá này có thể giúp người quản lý chi nhánh có cái nhìn tổng quan về chất lượng sản phẩm và dịch vụ, cũng như nhận phản hồi để cải thiện và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

2.3.2.5.3. **Điểm tích lũy:** Hệ thống quản lý khách hàng có thể tích hợp chương trình điểm tích lũy cho khách hàng. Khách hàng được cung cấp điểm tích lũy dựa trên việc mua hàng và sử dụng dịch vụ tại chi nhánh. Điểm tích lũy này có thể được sử dụng để đổi lấy các ưu đãi, giảm giá hoặc quà tặng trong tương lai. Hệ thống ghi nhận và quản lý điểm tích lũy của từng khách hàng để đảm bảo tính công bằng và cung cấp lợi ích cho khách hàng trung thành.

2.3.3. Khách hàng

2.3.3.1. **Đăng ký:** cho khách hàng cho phép khách hàng tạo mới tài khoản cá nhân bằng cách cung cấp thông tin cá nhân yêu cầu và tạo một mật khẩu bảo

mật. Quá trình đăng ký có thể yêu cầu xác nhận thông qua email hoặc số điện thoại để đảm bảo tính chính xác và bảo mật của thông tin.

- 2.3.3.2. Cập nhật tài khoản cho phép khách hàng cập nhật thông tin cá nhân như tên, địa chỉ, số điện thoại, email và mật khẩu. Điều này giúp khách hàng bảo đảm thông tin cá nhân luôn được cập nhật và chính xác trong hệ thống.
- 2.3.3.3. Xóa tài khoản: cho phép khách hàng yêu cầu xóa tài khoản cá nhân. Quá trình này có thể yêu cầu xác nhận và thông qua các quy trình bảo mật để đảm bảo tính chính xác và bảo mật của việc xóa tài khoản.
- 2.3.3.4. Đặt bàn: Khách hàng có thể sử dụng chức năng đặt bàn để đặt trước bàn trong cửa hàng. Khách hàng có thể yêu cầu số lượng người, ngày và giờ mong muốn để đặt bàn. Hệ thống sẽ xác nhận và gửi thông báo về tình trạng đặt bàn cho khách hàng.
- 2.3.3.5. Đặt hàng online: Khách hàng có thể sử dụng chức năng đặt hàng online để đặt món trước và lựa chọn thực đơn từ cửa hàng. Khách hàng có thể chọn món, thêm vào giỏ hàng và tiến hành đặt hàng. Thông qua chức năng này, khách hàng có thể tiết kiệm thời gian và thuận tiện trong việc đặt món.
- 2.3.3.6. Lựa chọn món (Order): Khách hàng có thể lựa chọn các món ăn và đồ uống từ thực đơn của cửa hàng. Hệ thống cung cấp thông tin chi tiết về các món, bao gồm mô tả, giá cả và hình ảnh để khách hàng có thể lựa chọn theo sở thích và nhu cầu cá nhân.
- 2.3.3.7. Thanh toán: Sau khi lựa chọn món và đặt hàng, khách hàng có thể sử dụng chức năng thanh toán để hoàn tất giao dịch. Hệ thống cung cấp các phương thức thanh toán đa dạng như tiền mặt, thẻ tín dụng, ví điện tử và truyền thông điện tử khác. Qua chức năng này, khách hàng có thể thanh toán một cách tiện lợi và an toàn.
- 2.3.3.8. Đánh giá (Feedback): Hệ thống cung cấp chức năng đánh giá để khách hàng có thể chia sẻ nhận xét và đánh giá về trải nghiệm của mình tại cửa hàng. Khách hàng có thể gửi phản hồi, đánh giá bằng điểm số hoặc viết

bình luận về chất lượng sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm chung. Đánh giá này có thể giúp cửa hàng cải thiện chất lượng và đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách tốt hơn.

2.3.4. Chức năng chung

2.3.4.1. Đăng nhập: Chức năng đăng nhập cho phép người dùng truy cập vào hệ thống bằng cách xác nhận thông tin đăng nhập của họ. Người dùng cần cung cấp thông tin đăng nhập chính xác như tên đăng nhập và mật khẩu. Sau khi xác thực, hệ thống sẽ kiểm tra thông tin và cho phép người dùng truy cập vào tài khoản của mình. Chức năng đăng nhập đảm bảo tính riêng tư và bảo mật thông tin cá nhân của người dùng. Phần mềm xác thực phân quyền cho loại tài khoản khác nhau sẽ có những giao diện và chức năng cụ thể.

2.3.4.2. Đăng xuất: Chức năng đăng xuất cho phép người dùng thoát khỏi hệ thống và kết thúc phiên làm việc hiện tại. Khi người dùng đăng xuất, hệ thống sẽ xóa thông tin đăng nhập và người dùng sẽ không thể truy cập vào tài khoản của mình cho đến khi đăng nhập lại. Chức năng đăng xuất đảm bảo an toàn và đảm bảo rằng không có người truy cập trái phép vào tài khoản người dùng.

2.4. Quy trình thực hiện

2.4.1. Quy trình thực hiện order món tại quán khi nhân viên là người tiếp nhận order có thể được mô tả như sau (chưa có đặt bàn trước):

2.4.1.1. Người dùng đến quán: Khách hàng đến quán và lựa chọn món cũng như order với nhân viên.

2.4.1.2. Tiếp nhận order: Nhân viên chào hỏi một cách lịch sự, giới thiệu về menu của quán. Sau đó, nhân viên yêu cầu khách hàng chọn món ăn và đồ uống mà họ muốn đặt, cũng như tiếp nhận order. Nhân viên lắng nghe kỹ yêu cầu của khách hàng về món ăn và đồ uống, bao gồm loại món, kích cỡ, đường, sữa, số lượng và các yêu cầu đặc biệt khác. Họ ghi chép đầy đủ thông tin này để đảm bảo rằng đơn hàng sẽ được chuẩn xác.

- 2.4.1.3. Thanh toán: Khi chọn order được tiếp nhận, nhân viên tiến hành thông báo xác nhận chính xác với khách hàng, cũng như nhập order vào hệ thống quản lý cửa hàng hoặc hệ thống POS (Point of Sale) và tiếp nhận thanh toán. Xác định số tiền khách hàng cần thanh toán dựa trên món ăn và đồ uống đã được đặt. Khách hàng sẽ thanh toán bằng tiền mặt hoặc sử dụng các phương thức thanh toán điện tử như thẻ, ví điện tử, ... thanh toán thành công, nhân viên tiến hành in hoá đơn. Nhân viên hướng dẫn khách vào vị trí bàn phù hợp dựa theo thông tin quản lý bàn của cửa hàng (bàn trống - số lượng ghế phù hợp cho 1 khách hoặc nhóm khách - chưa được đặt trước).
- 2.4.1.4. Thông tin về đơn hàng sẽ được gửi đến khu vực pha chế để nhân viên chuẩn bị món ăn và đồ uống.
- 2.4.1.5. Chuẩn bị món ăn và đồ uống: Nhân viên pha chế sẽ nhận được đơn hàng và chuẩn bị các món ăn và đồ uống theo yêu cầu. Họ sẽ tuân thủ các quy trình và tiêu chuẩn về chất lượng để đảm bảo món ăn và đồ uống được phục vụ tốt nhất.
- 2.4.1.6. Trả order: Sau khi món ăn và đồ uống đã được chuẩn bị, nhân viên sẽ mang đơn hàng đến bàn của khách hàng. Nhân viên sẽ xác nhận lại thông tin order trước khi giao, đảm bảo rằng không có sai sót.
- 2.4.1.7. Cuối cùng: Sau khi khách hàng rời đi, nhân viên có thể cảm ơn khách hàng đã đến và gửi lời chào tạm biệt lịch sự. Đồng thời, nhân viên sẽ thu dọn bàn và làm sạch để chuẩn bị cho khách hàng tiếp theo. Cập nhật lại thông tin quản lý bàn cần thiết.
- 2.4.2. Quy trình nhân viên tiếp nhận order online có thể được mô tả như sau:
- 2.4.2.1. Nhận thông báo đơn hàng: Nhân viên sẽ nhận được thông báo đơn hàng mới thông qua hệ thống quản lý dành riêng cho nhân viên.
- 2.4.2.2. Xem thông tin đơn hàng: Nhân viên sẽ xem chi tiết về đơn hàng bao gồm thông tin khách hàng, địa chỉ giao hàng, các món ăn và đồ uống đã được đặt, phương thức thanh toán, và các yêu cầu đặc biệt khác.

- 2.4.2.3. Xác nhận đơn hàng: Nhân viên sẽ xác nhận đơn hàng để bắt đầu quá trình xử lý. Trong trường hợp cần bổ sung thông tin hoặc điều chỉnh đơn hàng, nhân viên sẽ liên hệ với khách hàng để yêu cầu thêm thông tin hoặc đưa ra lời giải đáp.
- 2.4.2.4. Chuẩn bị món ăn và đồ uống: Nhân viên sẽ chuyển thông tin đơn hàng cho các bộ phận tương ứng trong quầy pha chế hoặc bếp để chuẩn bị món ăn và đồ uống theo yêu cầu. Nhân viên đảm bảo rằng các món ăn và đồ uống được chuẩn bị chính xác và tuân thủ các quy trình và tiêu chuẩn về chất lượng.
- 2.4.2.5. Giao hàng hoặc chuẩn bị để nhận hàng: Trong trường hợp khách hàng đã chọn giao hàng, nhân viên giao hàng sẽ được thông báo về đơn hàng để chuẩn bị và giao hàng đến địa chỉ được chỉ định. Trong trường hợp khách hàng đã chọn nhận hàng tại cửa hàng, nhân viên sẽ chuẩn bị để đón tiếp khách hàng và giao hàng tại quầy.
- 2.4.2.6. Xác nhận giao dịch và thanh toán: Sau khi giao hàng hoặc khách hàng nhận hàng, nhân viên sẽ xác nhận giao dịch và thanh toán. Họ kiểm tra lại thông tin đơn hàng, xác định số tiền cần thanh toán và hướng dẫn khách hàng về các phương thức thanh toán. Khách hàng có thể thanh toán online trước và nhận hàng sau.
- 2.4.2.7. Kết thúc giao dịch: Sau khi thanh toán hoàn tất, nhân viên sẽ kết thúc giao dịch. Họ có thể cảm ơn khách hàng và yêu cầu phản hồi về trải nghiệm của họ.
- 2.4.3. Quy trình tiếp nhận đặt bàn online được mô tả như sau:
- 2.4.3.1. Khách hàng truy cập hệ thống: Khách hàng truy cập vào hệ thống để thực hiện việc đặt bàn online.
- 2.4.3.2. Chọn chi nhánh và thời gian: Khách hàng chọn chi nhánh mong muốn và thời gian đặt bàn. Hệ thống sẽ hiển thị sự khả dụng của bàn trong khoảng thời gian đó.

- 2.4.3.3. Chọn số lượng và thông tin khác: Khách hàng chọn số lượng người và cung cấp thông tin khác như tên, số điện thoại và yêu cầu đặc biệt (nếu có).
- 2.4.3.4. Xác nhận đặt bàn: Khách hàng xem lại thông tin đặt bàn và xác nhận đặt bàn của mình.
- 2.4.3.5. Nhận xác nhận đặt bàn: Hệ thống gửi xác nhận đặt bàn cho khách hàng thông qua email hoặc tin nhắn SMS hoặc nhân viên cửa hàng mà khách đặt sẽ trực tiếp liên hệ với khách, cung cấp thông tin về ngày, giờ và chi tiết của đặt bàn.
- 2.4.3.6. Nhân viên tiếp nhận thông tin đặt bàn: Nhân viên trong chi nhánh sẽ nhận được thông tin đặt bàn trong hệ thống quản lý. Họ kiểm tra và xác nhận đơn đặt bàn của khách hàng.
- 2.4.3.7. Chuẩn bị cho đặt bàn: Nhân viên chuẩn bị bàn và sắp xếp không gian theo yêu cầu của đơn đặt bàn. Họ đảm bảo rằng bàn được chuẩn bị sẵn sàng và sẵn sàng để đón tiếp khách hàng vào thời gian đã đặt.
- 2.4.3.8. Tiếp đón khách hàng: Khách hàng đến chi nhánh vào thời gian đặt bàn. Nhân viên tiếp đón và đồng hành với khách hàng để dẫn dắt họ đến bàn đã đặt.
- 2.4.3.9. Dịch vụ đặt bàn: Nhân viên cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và chu đáo cho khách hàng. Họ đảm bảo rằng khách hàng có trải nghiệm tốt và thoải mái trong suốt thời gian ở cửa hàng.
- 2.4.3.10. Kết thúc đặt bàn: Sau khi khách hàng hoàn thành thời gian ở cửa hàng, nhân viên sẽ đảm bảo rằng mọi yêu cầu của khách hàng được đáp ứng và ghi chú cho lần tới (nếu có). Họ cảm ơn khách hàng đã đến và mong muốn được đón tiếp lại vào lần tới. Sau đó, nhân viên thu dọn bàn và làm sạch để chuẩn bị cho khách hàng tiếp theo. Hệ thống tự động chuyển bàn đã đặt sang trống.
- 2.4.4. Một số trường hợp ngoại lệ trong quy trình order món tại quán, order món online và đặt bàn online:

- 2.4.4.1. Trường hợp món không có sẵn: Trong trường hợp một món ăn hoặc đồ uống không có sẵn trong kho, nhân viên cần thông báo cho khách hàng và đề xuất các món thay thế hoặc thời gian chờ để chuẩn bị lại món đó.
- 2.4.4.2. Trường hợp đặt bàn quá tải: Nếu lượng đặt bàn online hoặc offline vượt quá khả năng chứa của quán, nhân viên sẽ liên hệ với khách hàng để đề xuất thay đổi thời gian hoặc cung cấp các giải pháp khác để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- 2.4.4.3. Trường hợp thông tin đặt bàn không chính xác: Nếu khách hàng cung cấp thông tin không chính xác hoặc thiếu sót trong quá trình đặt bàn, nhân viên sẽ liên hệ để điều chỉnh thông tin hoặc yêu cầu bổ sung thông tin cần thiết.
- 2.4.4.4. Trường hợp mất kết nối mạng: Nếu xảy ra sự cố về kết nối mạng hoặc hệ thống, nhân viên có thể không nhận được thông báo đặt bàn hoặc order món. Trong trường hợp này, nhân viên sẽ cố gắng khắc phục sự cố và liên hệ trực tiếp với khách hàng để xác nhận và xử lý đơn hàng.
- 2.4.4.5. Trường hợp hủy đặt bàn: khách hàng muốn hủy đặt bàn sau khi đã tiếp nhận, nhân viên sẽ tiếp nhận yêu cầu hủy và xử lý theo quy trình hủy đặt bàn của quán.
- 2.4.4.6. Trường hợp hủy món: Nếu như hoá đơn chưa được lập thì nhân viên tiếp nhận hủy món cho khách hàng, ngược lại khi hoá đơn được lập thì không thể hủy.
- 2.4.4.7. Quy trình có thể thay đổi và điều chỉnh tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể và chính sách của cửa hàng. Nhân viên sẽ luôn cố gắng giải quyết mọi trường hợp ngoại lệ một cách chuyên nghiệp và mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.
- 2.4.4.8. Nếu khách có nhu cầu chuyển sang bàn khác, nhân viên sẽ hỗ trợ số bàn khác, và cập nhật thông tin lên hệ thống.
- 2.4.4.9. Quản lý khách hàng theo loại khách hàng. Khách hàng mới: khi khách hàng mới đến cửa hàng, nhân viên sẽ tạo một hồ sơ khách hàng mới trong hệ

thống. Mỗi hồ sơ sẽ bao gồm tên khách hàng, địa chỉ email, số điện thoại và địa chỉ. Hệ thống sẽ cung cấp cho khách hàng một thẻ thành viên mới, được liên kết với hồ sơ của họ. Khách hàng thành viên: sau khi khách hàng đã sử dụng dịch vụ của cửa hàng một số lần, họ sẽ được tích điểm cho mỗi đơn hàng. Điểm tích lũy được tính dựa trên giá trị đơn hàng. Ví dụ, mỗi 10.000 VNĐ sẽ được tính là 1 điểm. Khi khách hàng đạt đủ 200 điểm tích lũy, họ sẽ được chuyển sang trạng thái khách hàng VIP. Khách hàng VIP: khi khách hàng đạt đủ 200 điểm, họ sẽ được chuyển sang trạng thái khách hàng VIP. Khách hàng VIP sẽ được tích điểm như thông thường, điểm tích lũy được tính gấp đôi so với khách hàng thành viên. Ví dụ, mỗi 10.000 VNĐ sẽ được tính là 2 điểm. Khách hàng VIP sẽ được ưu đãi những chương trình khuyến mãi đặc biệt và được xử lý ưu tiên khi sử dụng dịch vụ của cửa hàng. Chuyển đổi điểm tích lũy: khi khách hàng đạt đủ 200 điểm tích lũy và được chuyển sang trạng thái khách hàng VIP, họ có thể yêu cầu chuyển đổi điểm tích lũy thành tiền mặt hoặc sử dụng điểm để mua hàng tại cửa hàng. Các giao dịch này sẽ được thực hiện bởi nhân viên cửa hàng trong hệ thống quản lý khách hàng.

- 2.4.4.10. Quản lý khu vực và bàn: hệ thống sẽ hiển thị giao diện người dùng cho khu vực và bàn để quản lý. Nếu muốn sửa thông tin của khu vực, bàn nào, nhân viên chọn bảng để chỉnh sửa và nhập thông tin cần chỉnh.

CHƯƠNG III – PHÂN TÍCH HỆ THỐNG

3.1. Phân tích hệ thống

3.1.1. Các tác nhân trong hệ thống

STT	Tên actor	Mô tả

1	Khách hàng	Khách hàng là 1 người đưa ra yêu cầu hoặc phản hồi đánh giá và nhận xét về sản phẩm hoặc dịch vụ của một công ty hoặc doanh nghiệp
2	Quản lý	Quản lý đóng vai trò quản lý trong một vai giải quyết tình nhất định trong đó người đó sẽ đưa ra các quyết định, giải quyết các vấn đề và đưa ra các lời khuyên để cải thiện hoạt động của một tổ chức hoặc doanh nghiệp, quản lí thường được chọn để thể hiện những kỹ năng lãnh đạo và quản lý trong doanh nghiệp, từ đó giúp khán giả hiểu rõ hơn về quá trình quản lý và hoạt động của một tổ chức.

3	Ngân hàng	Thanh toán tiền , khi người dùng trả tiền qua các nền tảng như momo, zalo pay
4	Nhân viên	Là người nhận yêu cầu trực tiếp từ khách hàng hoặc gián tiếp qua các dịch vụ qua nền tảng ứng dụng có kết nối Internet.
5	Quản lý chi nhánh	Là người quản lý toàn bộ các hoạt động quản lý chi nhánh bao gồm quản lý chiến lược, tài chính, nhân sự, hoạt động và marketing. Quản lý chi nhánh phải xác định chiến lược tổng thể cho chi nhánh và đảm bảo sự phù hợp với chiến lược tổng thể của tổ chức chính. Nó cũng liên quan đến lập kế hoạch tài chính, quản lý nguồn lực tài chính và theo dõi hiệu suất tài chính.

3.2. Các use case trong hệ thống

STT	Usecase	Mô tả
1	Đăng nhập	Hệ thống cho phép nhân viên đăng nhập vào máy tính tiền để có thể sử dụng các chức năng cũng như tính tiền cho khách
2	Đăng xuất	Khi đăng nhập vào và hết ca làm việc sẽ đăng xuất tài khoản của nhân viên đó để nhân viên ca khác vào đăng nhập
3	Đăng ký	Khi actor chưa có tài khoản đăng nhập chúng ta có thể đăng ký
4	Đăng xuất	Khi người dùng muốn thoát ra

5	Thông kê doanh thu chi nhánh	Thông kê lại các chi nhánh có doanh thu cao nhất
6	Quản lý nhân viên của tất cả chi nhánh	Thông tin cá nhân của tất cả các nhân viên chi nhánh kể cả quản lý của chi nhánh đó
7	Quảng cáo và marketing	Quảng cáo các loại sản phẩm mới ra của quán và những ưu đãi của sản phẩm mới
8	Thông kê doanh thu	Hệ thống cung cấp chức năng thông kê, kiểm tra doanh thu chi tiết theo từng ngày, tháng, năm.
9	Hàng hóa	Là các nguyên liệu đặt hàng từ các nhà cung cấp
10	Đặt hàng	Liên hệ với nhà cung cấp để đặt nguyên liệu

11	Kiểm tra hàng tồn	Kiểm tra lượng hàng tồn có trong kho
12	Tài khoản quản lý chi nhánh	Quản lý tất cả thông tin liên quan đến chi nhánh có quyền hạn cao nhất có thể thêm ,xóa ,sửa
13	Xóa thông tin chi nhánh	Khi chi nhánh không còn hoạt động nữa bộ phận quản lý sẽ xóa nó ra khỏi danh sách quán thuộc chi nhánh
14	Thêm thông tin chi nhánh	Thêm thông tin về địa chỉ số điện thoại ,cũng như
15	Quản lý bán hàng của chi nhánh	Quản lý toàn bộ các hoạt động liên quan dịch vụ bán hàng và kể cả thông tin
16	Quản lý bán hàng	Quản lý tất cả các hoạt động liên quan đến hóa đơn ,thanh toán và cả tiếp nhận

		món
17	Tạo hóa đơn	Cho phép xuất hoá đơn khi khách hàng thanh toán
18	Lịch sử bán hàng	Sẽ được hệ thống ghi lại khi khách hàng mua một món gì đó trong menu
19	Sản phẩm bán chạy	Sản phẩm bán được nhiều nhất trong tháng,ngày,năm
20	Quản lý khách hàng	Quản lý khách hàng có quyền thêm xóa sửa và phân loại các loại khách hàng thường và vip
21	Thêm khách hàng	Thêm khách hàng liên quan ,hoặc khách hàng Vip vào danh sách
22	Xóa khách hàng	Xóa khách hàng khi trong một khoản thời gian nhất

		định ko tham
23	Sửa thông tin khách hàng	Khi thông tin khách hàng bị sai lệch hoặc muốn bổ sung thêm bất kỳ thông tin cá nhân nào
24	Xuất hóa đơn	Cho phép xuất hoá đơn khi khách hàng thanh toán
25	Lương nhân viên	Lương của nhân viên được tính theo số ca làm việc và có quy định về thời gian trong ca làm và lịch đăng ký ca làm
26	Lưu thông tin khách hàng	Lương nhân viên sẽ tính theo thời gian làm việc của nhân viên đó trong vòng bao nhiêu giờ hoặc là tính theo ca làm việc
27	Quản lý nhân viên quán	Quản lý toàn bộ nhân viên của một chi nhánh có thể

		thêm ,sửa và xóa
28	Sửa nhân viên	Sửa thông tin của nhân viên khi nhân viên đó bị thiếu thông tin và muốn bổ sung thông tin
29	Thêm nhân viên quán	Thêm nhân viên vào doanh sách của quán và quản
30	Xóa nhân viên	Xóa nhân viên ra khỏi danh sách của chi nhánh quán đó khi nhân viên không còn làm nữa
31	Xem đánh giá khách hàng	Xem đánh giá và phản hồi của khách hàng
32	Đánh giá khách hàng	Khi khách hàng không hài lòng về dịch vụ hoặc có ý kiến muốn góp ý

33	Tiếp nhận món	Tiếp nhận yêu cầu món từ khách hàng
34	Đặt món	Thực hiện chức năng đặt bàn khi khách có yêu cầu chuyển
35	Tiếp nhận yêu cầu gộp bàn	Tiếp nhận yêu cầu gộp bàn từ phía khách hàng
36	Yêu cầu gộp bàn	Thực hiện chức năng đặt bàn khi khách có yêu cầu chuyển
37	Thanh toán	Hệ thống cho phép khách hàng thanh toán online thông qua tài khoản ngân hàng hoặc trực tiếp

3.2.1. Usecase 1: Đăng nhập

Tên Usecase	Đăng nhập
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng ký vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt

Mô tả	Các actor thực hiện chức năng đăng nhập để hệ thống xác nhận	
Actor	Khách hàng, quản lý, nhân viên	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Người dùng đăng nhập thành công	
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Người dùng nhập đầy đủ hết thông tin	
	4. Người dùng nhấn đăng nhập	4.1. Hệ thống hiện ra thông báo thành công nếu nhập đúng
Ngoại lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng nhập sai hoặc thiếu thông tin - Người dùng quên mật khẩu 	

3.2.2. Usecase 2: Đăng xuất

Tên Usecase	Đăng xuất	
Ngữ cảnh	Khi người dùng hết đã có tài khoản trên hệ thống	
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt	
Mô tả	Chỉ có các actor đăng nhập mới có thể đăng xuất	
Actor	Khách hàng ,quản lý,nhân viên	
Điều kiện	- Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập	
Kết quả	Người dùng đăng xuất thành công	
Luồng sự kiện	Actor 1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	Hệ thống 1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng ký
	2. Người dùng chọn đăng xuất	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
Ngoại lệ	Người dùng chọn không đồng ý	

3.2.3. Usecase 3: Đăng ký

Tên Usecase	Đăng ký	
Ngữ cảnh	Người dùng không có tài khoản	
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt	
Mô tả	Khi actor chưa có tài khoản đăng nhập chúng ta có thể đăng ký	
Actor	Khách hàng ,quản lý,nhân viên	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Người dùng đăng ký thành công	
Luồng sự kiện	Actor 1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	Hệ thống 1.1. Hệ thống hiển thị trang khôi phục tài khoản

	2. Người dùng chọn đăng ký	2.1. Hệ thống gửi xác nhận
	3 Người dùng nhập đầy đủ hết thông tin	
	4 Người dùng nhấn xác nhận	4.1 hệ thống hiện ra thông báo thành công
Ngoại lệ	Người dùng nhập không khớp tài khoản mới tạo	

3.2.4. Usecase 4: Thống kê doanh thu chi nhánh

Tên Usecase	Thống kê doanh thu chi nhánh
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Thống kê lại các chi nhánh có doanh thu cao nhất

Actor	Quản lý chi nhánh	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả		
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang chủ
	2. Người dùng chọn thống kê	2.1. Hệ thống hiển thị thông kê
	3. Người dùng ấn xem thông tin	
Ngoại lệ		

3.2.5. Usecase 5: Quản lý nhân viên của toàn hệ thống

Tên Usecase	Quản lý nhân viên của tất cả chi nhánh	
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản	
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt	
Mô tả	Thông tin cá nhân của tất cả các nhân viên chi nhánh kể cả quản lý của chi nhánh đó	
Actor	Quản lý	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	hiển thị	
Luồng sự kiện	Actor 1. Người dùng phải truy cập vào hệ	Hệ thống 1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập

	thống	
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Người dùng ấn quản lý nhân viên	
	4. Người dùng nhấn xác nhận	4.1. Hệ thống hiện ra thông cáo thành công
Ngoại lệ	Không	

3.2.6. Usecase 6: Quảng cáo và marketing

Tên Usecase	Quảng cáo và marketing
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt

Mô tả	Quảng cáo các loại sản phẩm mới ra của quán và những ưu đãi của sản phẩm mới	
Actor	Quản lý chi nhánh	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Thống kê số lượng thành công	
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Chọn vào mục quảng cáo	2.1. Hệ thống hiển thị mục sản phẩm mới
Ngoại lệ	Không	

3.2.7. Usecase 7: Thống kê doanh thu

Tên Usecase	Thống kê doanh thu theo tháng	
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản	
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt	
Mô tả	Các actor thực hiện chức năng tính doanh thu của ngày, tháng, năm	
Actor	Quản lý, nhân viên	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Thống kê thành công	
Luồng sự kiện	Actor 1. Người dùng phải truy cập vào hệ	Hệ thống 1.1. Hệ thống hiển thị trang

	thống	đăng nhập
	2. Người dùng chọn doanh thu	2.1. Hệ thống hiển thị doanh thu
	3. Người dùng nhập đầy đủ hết thông tin tháng	
Ngoại lệ	Không	

3.2.8. Usecase 8: Quản lý hàng hóa

Tên Usecase	Quản lý hàng hóa
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Là các nguyên liệu đặt hàng từ các nhà

	cung cấp	
Actor	Quản lý chi nhánh	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả		
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1 Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Người dùng chọn vào mục hàng hóa	Hiển thị mục đặt hàng và số lượng hàng

Ngoại lệ	Không
----------	-------

3.2.9. Usecase 9: Đặt hàng

Tên Usecase	Đặt hàng
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Liên hệ với nhà cung cấp để đặt nguyên liệu
Actor	Quản lý chi nhánh
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập
Kết quả	

Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn hàng hóa	2.1. Hệ thống lựa chọn
	3. Hiển thị mục đặt hàng	3.1. Hiển thị danh sách các nguyên liệu cần đặt
Ngoại lệ	Không	

3.2.10. Usecase 10: Kiểm tra hàng tồn

Tên Usecase	Kiểm tra hàng tồn
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt

Mô tả	Kiểm tra lượng hàng tồn có trong kho	
Actor	Quản lý chi nhánh	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Hiển thị danh sách	
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Tìm mục kiểm tra số lượng	3.1. Hiển thị tất danh sách

Ngoại lệ	Không
----------	-------

3.2.11.Usecase 11: Tài khoản quản lý chi nhánh

Tên Usecase	Tài khoản quản lý chi nhánh
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Quản lý tất cả thông tin liên quan đến chi nhánh có quyền hạn cao nhất có thể thêm ,xóa ,sửa
Actor	Khách hàng
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập
Kết quả	

Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	
	3. lựa chọn	
Ngoại lệ	Không	

3.2.12.Usecase 12: Xóa thông tin chi nhánh

Tên Usecase	Xóa thông tin chi nhánh
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Khi chi nhánh không còn hoạt động nữa bộ phận quản lý sẽ xóa nó ra khỏi danh

	sách quán thuộc chi nhánh	
Actor	Quản lý chi nhánh	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả		
Luồng sự kiện	Actor	
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	
	2. Người dùng chọn đăng nhập	
	3. Xóa chi nhánh	

Ngoại lệ	Không
----------	-------

3.2.13.Usecase 13: Thêm thông tin chi nhánh

Tên Usecase	Thêm thông tin chi nhánh
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Thêm thông tin về địa chỉ số điện thoại ,cũng như
Actor	Quản lý
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập
Kết quả	

Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1 Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1 Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Người dùng chọn thêm thông tin	
Ngoại lệ	Không	

3.2.14.Usecase 14: Quản lý bán hàng của chi nhánh

Tên Usecase	Quản lý bán hàng của chi nhánh
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Quản lý toàn bộ các hoạt động liên quan

	dịch vụ bán hàng và kể cả thông tin	
Actor	Quản lý	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả		
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Người dùng chọn chức năng quản lý	

Ngoại lệ	Không
----------	-------

3.2.15.Usecase 15: Quản lý bán hàng

Tên Usecase	Quản lý bán hàng
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Quản lý tất cả các hoạt động liên quan đến hóa đơn , thanh toán và cả tiếp nhận món
Actor	Nhân viên
Điều kiện	Cho phép thống kê loại mặt hàng bán chạy của cửa hàng
Kết quả	Hiển thị danh sách sản phẩm bán chạy

Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Ấn vào mục Quản lý bán hàng	
Ngoại lệ	Không	

3.2.16.Usecase 16: Tạo hoá đơn

Tên Usecase	Tạo hoá đơn
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Cho phép tạo hoá đơn khi khách hàng thanh toán
Actor	Quản lý
Điều kiện	- Người dùng đảm bảo phải có kết nối

	internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập	
Kết quả	Người dùng đăng nhập thành công	
Luồng sự kiện	Actor 1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	Hệ thống 1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Tạo hóa đơn đã được khách hàng yêu cầu	
Ngoại lệ	Không	

3.2.17.Usecase 17: Lịch sử bán hàng

Tên Usecase	Lịch sử bán hàng
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt

Mô tả	Sẽ được hệ thống ghi lại khi khách hàng mua một món gì đó trong menu	
Actor	Quản lý	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả		
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống.	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập.
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Ấn nút remove tất cả khi có sự nhầm lẫn về số	

	lượng	
Ngoại lệ	Không	

3.2.18.Usecase 18: Thống kê sản phẩm bán chạy

Tên Usecase	Sản phẩm bán chạy
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Sản phẩm bán được nhiều nhất trong tháng, ngày, năm
Actor	Quản lý
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập

Kết quả		
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập và vào trang chủ
	3. Các sản phẩm bán chạy	
Ngoại lệ	Không	

3.2.19.Usecase 19: Quản lý khách hàng

Tên Usecase	Quản lý khách hàng
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt

Mô tả	Quản lý khách hàng có quyền thêm xóa sửa và phân loại các loại khách hàng thường và vip	
Actor	Quản lý	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập. 	
Kết quả		
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Ấn mục khách hàng	

	4. Quản lý ấn vào thông tin từng khách hàng	4.1 Hiện thị thông tin từng khách hàng
Ngoại lệ	Không	

3.2.20.Usecase 20: Thêm khách hàng

Tên Usecase	Thêm khách hàng
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Thêm khách hàng liên quan ,hoặc khách hàng Vip vào danh sách
Actor	Quản lý
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập

Kết quả	Người dùng cập nhật thành công	
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Ấn mục khách hàng	
	4. Ấn thêm khách hàng	4.1. Thông tin về khách muốn thêm khách hàng
Ngoại lệ	Không	

3.2.21.Usecase 21: Xóa khách hàng

Tên Usecase	Xóa khách hàng
-------------	----------------

Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản	
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt	
Mô tả	Xóa thông tin về ca làm đó khi nhân viên đó đi trễ hoặc là vi phạm	
Actor	Quản lý	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Người dùng cập nhật thành công	
Luồng sự kiện	Actor 1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	Hệ thống 1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập

	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Ấn mục chi tiết	
	4. Hiện thị nút xóa	4.1. Xóa thành công
Ngoại lệ	Không	

3.2.22.Usecase 22: Sửa thông tin khách hàng

Tên Usecase	Sửa thông tin khách hàng
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Lưu tất cả thay đổi ở mục thông tin khách hàng
Actor	Quản lý

Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Người dùng cập nhật thành công	
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Ấn mục doanh thu	
	4. Hiển thị chỉnh sửa	4.1. Ấn vào lưu thông tin
Ngoại lệ	Không	

3.2.23. Usecase 23: Quản lý lương nhân viên

Tên Usecase	Quản lý thông tin về lương của nhân viên	
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản	
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt	
Mô tả	Lương của nhân viên được tính theo số ca làm việc và có quy định về thời gian trong ca làm và lịch đăng ký ca làm	
Actor	Quản lý	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Người dùng cập nhật thành công	
Luồng sự kiện	Actor 1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	Hệ thống 1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Ấn mục thông tin nhân viên	
Ngoại lệ	Không	

3.2.24.Usecase 24: Lưu thông tin khách hàng

Tên Usecase	Lưu thông tin khách hàng	
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản	
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt	
Mô tả	Lưu tất cả thay đổi ở mục thông tin khách hàng	
Actor	Quản lý	
Điều kiện	- Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập	
Kết quả	Người dùng cập nhật thành công	
Luồng sự kiện	Actor 1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	Hệ thống 1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Ấn mục doanh thu	
	4. Hiện thị chính	4.1. Ấn vào lưu

	sửa	thông tin
Ngoại lệ	Không	

3.2.25.Usecase 25: Thông tin khách hàng

Tên Usecase	Thông tin khách hàng	
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản	
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt	
Mô tả	Gồm tên ,địa chỉ ,giới tính của khách hàng đó	
Actor	Khách hàng	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Người dùng đăng nhập thành công	
Luồng sự kiện	Actor 1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	Hệ thống 1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập

	3. Ấn vào biểu tượng mặt người	3.1. Hiện thông tin của thành viên nếu có
Ngoại lệ	Không	

3.2.26.Usecase 26: Xóa thông tin của khách hàng

Tên Usecase	Xóa thông tin của khách hàng	
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản	
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt	
Mô tả	Xóa thông tin của khách hàng khi có xảy ra sai sót về thông tin	
Actor	Khách hàng	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Người dùng đăng nhập thành công	
Luồng sự kiện	Actor 1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	Hệ thống 1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn	2.1. Hệ thống hiển

	đăng nhập	thị trang đăng nhập
	3. Ấn vào biểu tượng người	3.1. Ấn xoá thông tin muốn xoá
Ngoại lệ	Không	

3.2.27.Usecase 27: Thêm thông tin khách hàng

Tên Usecase	Thêm thông tin khách hàng	
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản	
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt	
Mô tả	Thêm thông tin muốn bổ sung về khách hàng	
Actor	Khách hàng	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Người dùng đăng nhập thành công	
Luồng sự kiện	Actor 1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	Hệ thống 1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập

	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Ấn vào biểu tượng người	3.1 Ấn vào chữ thêm
Ngoại lệ	Không	

3.2.28.Usecase 28: Lưu thông tin khách hàng

Tên Usecase	Lưu thông tin của khách hàng
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Lưu tất cả thay đổi ở mục thông tin khách hàng
Actor	Khách hàng
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập
Kết quả	Người dùng đăng nhập thành công

Luồng sự kiện	Actor 1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	Hệ thống 1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Ấn vào biểu tượng người	3.1. Lưu lại tất cả thông tin đã chỉnh sửa
Ngoại lệ	Không	

3.2.29.Usecase 29: Quản lý nhân viên

Tên Usecase	Quản lý nhân viên quán
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Quản lý toàn bộ nhân viên của một chi nhánh có thể thêm ,sửa và xóa

Actor	Quản lý	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả		
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Ấn vào biểu tượng người	3.1. Lưu lại tất cả thông tin nhân viên
Ngoại lệ	Không	

3.2.30.Usecase 30: Sửa thông tin nhân viên

Tên Usecase	Sửa thông tin nhân viên	
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản	
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt	
Mô tả	Sửa thông tin của nhân viên khi nhân viên đó bị thiếu thông tin và muốn bổ sung thông tin	
Actor	Quản lý	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Người dùng sửa thành công	
Luồng sự kiện	Actor 1. Người dùng phải truy cập vào hệ	Hệ thống 1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập

	thống	
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Người dùng nhập thứ cần cập nhật	
	4. Người dùng nhấn xác nhận	4.1. Hệ thống hiện ra thông báo thành công nếu nhập đúng
Ngoại lệ	Người dùng nhập sai hoặc thiếu thông tin	

3.2.31. Usecase 31: Thêm nhân viên

Tên Usecase	Thêm nhân viên
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản

Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt	
Mô tả	Thêm nhân viên vào doanh sách của quán và quán	
Actor	Quản lý	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Người dùng cập nhật thành công	
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập

	3. Ấn mục doanh thu	
	4. Hiện thị chỉnh sửa	4.1. Thêm thông tin về lương
Ngoại lệ	Không	

3.2.32.Usecase 32: Xóa nhân viên

Tên Usecase	Xóa nhân viên
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Xóa nhân viên ra khỏi danh sách của chi nhánh quán đó khi nhân viên không còn làm nữa
Actor	Quản lý

Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Người dùng cập nhật thành công	
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Ấn mục doanh thu	
	4. Hiển thị chỉnh sửa	4.1. Xóa thông tin về lương

Ngoại lệ	Không
----------	-------

3.2.33.Usecase 33: Đánh giá

Tên Usecase	Đánh giá
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Các actor thực hiện chức năng đánh giá mức độ hài lòng
Actor	Khách hàng
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập
Kết quả	Người dùng đã đánh giá thành công

Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1 Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Người dùng tìm mục đánh giá độ thân thiện hài lòng	Hiển thị mục ghi chú
Ngoại lệ	Không	

3.2.34. Usecase 34: Xem đánh giá

Tên Usecase	Đánh giá
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt

Mô tả	Các actor thực hiện chức năng đánh giá mức độ hài lòng	
Actor	Quản lý ,nhân viên	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Người dùng đã đánh giá thành công	
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1 Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Người dùng tìm mục đánh giá độ thân thiện hài lòng	Hiển thị mục ghi chú

Ngoại lệ	Không
----------	-------

3.2.35.Usecase 35: Tiếp nhận món

Tên Usecase	Tiếp nhận món
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Khi khách hàng không hài lòng về dịch vụ hoặc có ý kiến muốn góp ý
Actor	Nhân viên, quản lý
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập
Kết quả	Đã chọn món

Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Hiển thị mục gọi món nhấn vào	3.1. Hiển thị danh sách
Ngoại lệ	Không	

3.2.36. Usecase 36: Đặt món online

Tên Usecase	Đặt món
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Khách hàng muốn gọi món ăn hay thức

	uống	
Actor	Khách hàng	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Đã chọn món	
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Hiển thị mục gọi món nhấn vào	3.1. Hiển thị danh sách

Ngoại lệ	Không
----------	-------

3.2.37. Usecase 37: Tiếp nhận yêu cầu đặt bàn

Tên Usecase	Tiếp nhận yêu cầu gộp bàn
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	
Actor	Khách hàng
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập
Kết quả	Người dùng đã đặt bàn thành công

Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1 Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1 Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Người dùng chọn bàn muốn đặt và xem bàn còn trống hay không	
Ngoại lệ	Không	

3.2.38.Usecase 38: Yêu cầu đặt bàn

Tên Usecase	Tiếp nhận yêu cầu gộp bàn
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt

Mô tả	Tiếp nhận yêu cầu gộp bàn từ phía khách hàng	
Actor	Khách hàng	
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập 	
Kết quả	Người dùng đã đặt bàn thành công	
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1 Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1 Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Người dùng chọn bàn muốn đặt và xem bàn còn trống	

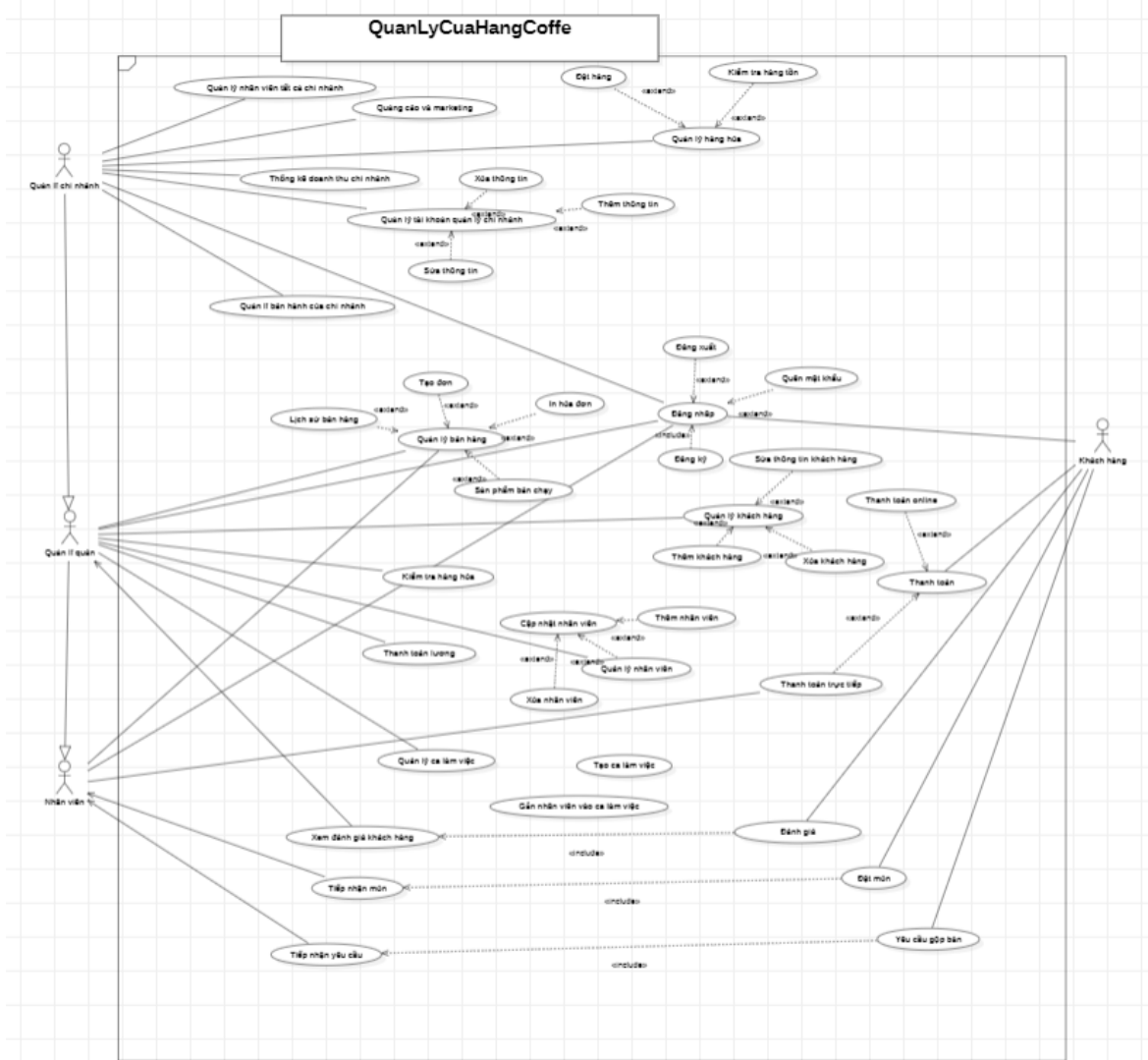
	hay không	
Ngoại lệ	Không	

3.2.39. Usecase 39: Thanh toán online

Tên Usecase	Thanh toán online
Ngữ cảnh	Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào và kích hoạt
Mô tả	Các actor thực hiện chức năng thanh toán khi order món
Actor	Khách hàng
Điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đảm bảo phải có kết nối internet và truy cập vào hệ thống - Người dùng đã phải có tài khoản đăng nhập

Kết quả	Người dùng đã thanh toán thành công	
Luồng sự kiện	Actor	Hệ thống
	1. Người dùng phải truy cập vào hệ thống	1.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	2. Người dùng chọn đăng nhập	2.1. Hệ thống hiển thị trang đăng nhập
	3. Quét mã QR	
Ngoại lệ	Không	

3.3. Usecase hệ thống



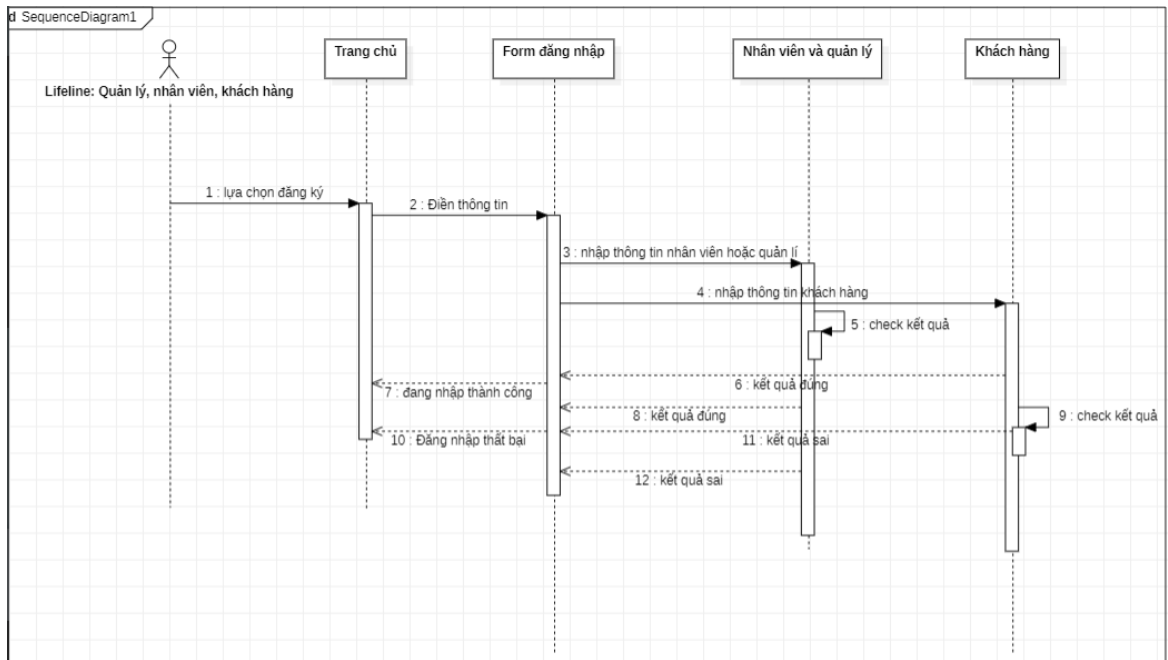
Hình 0-0-1. Sơ đồ Usecase tổng quát hệ thống

CHƯƠNG IV – SƠ ĐỒ HOẠT ĐỘNG

4. Sơ đồ hoạt động của hệ thống

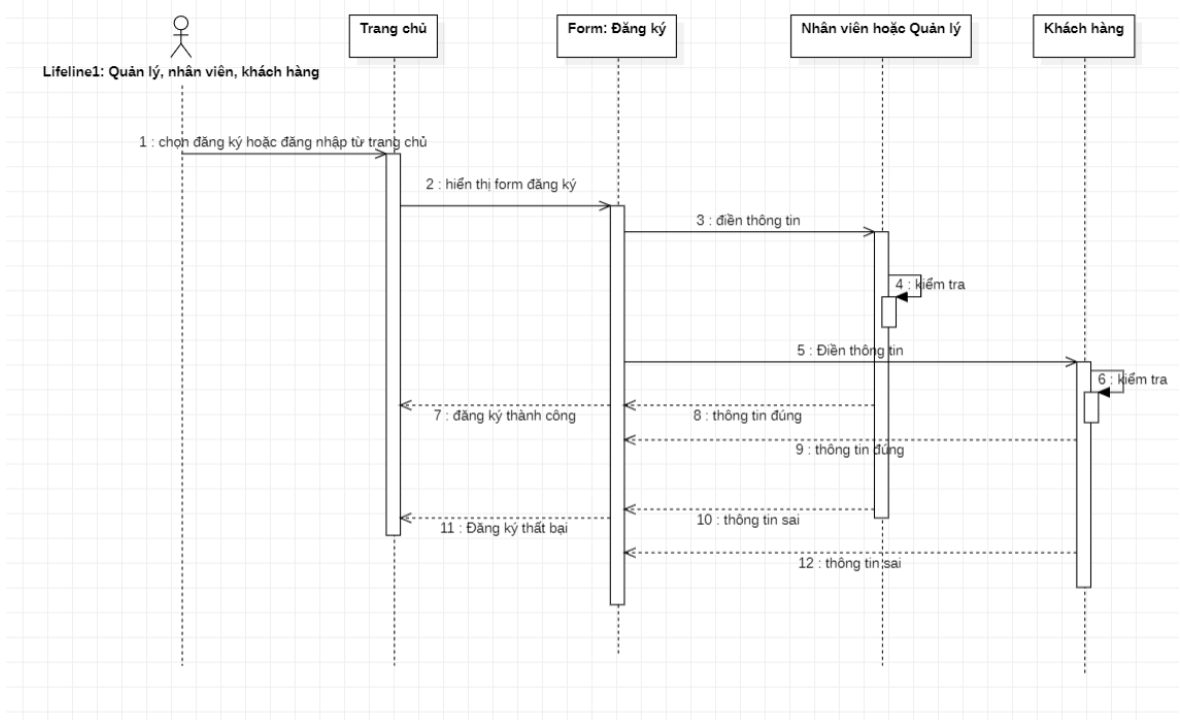
4.1. Sơ đồ tuần tự (Sequence Diagram)

4.1.1. Sơ đồ tuần tự chức năng đăng nhập



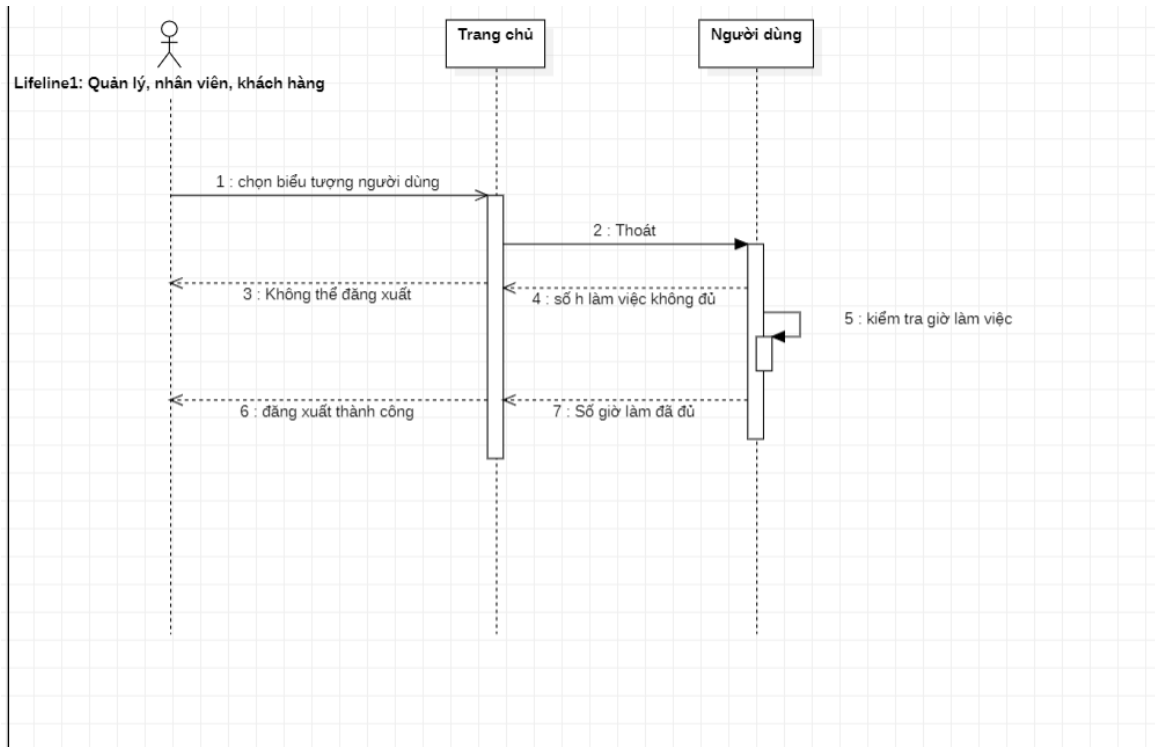
Hình 0-1. Sơ đồ tuần tự chức năng đăng nhập

4.1.2. Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký



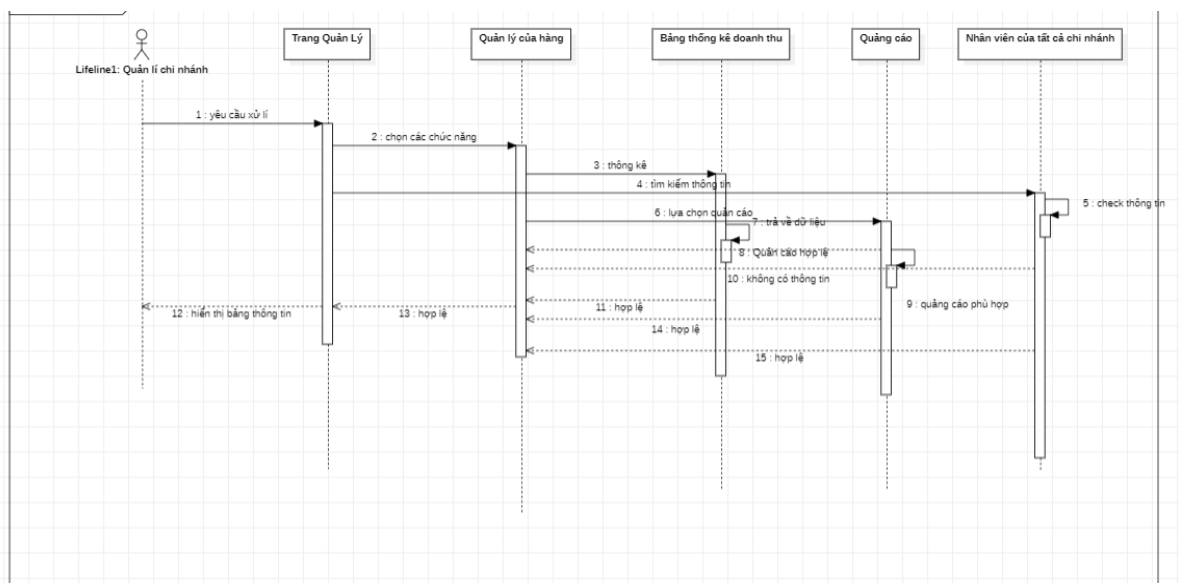
Hình 0-2. Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký

4.1.3. Sơ đồ tuần tự chức năng đăng xuất



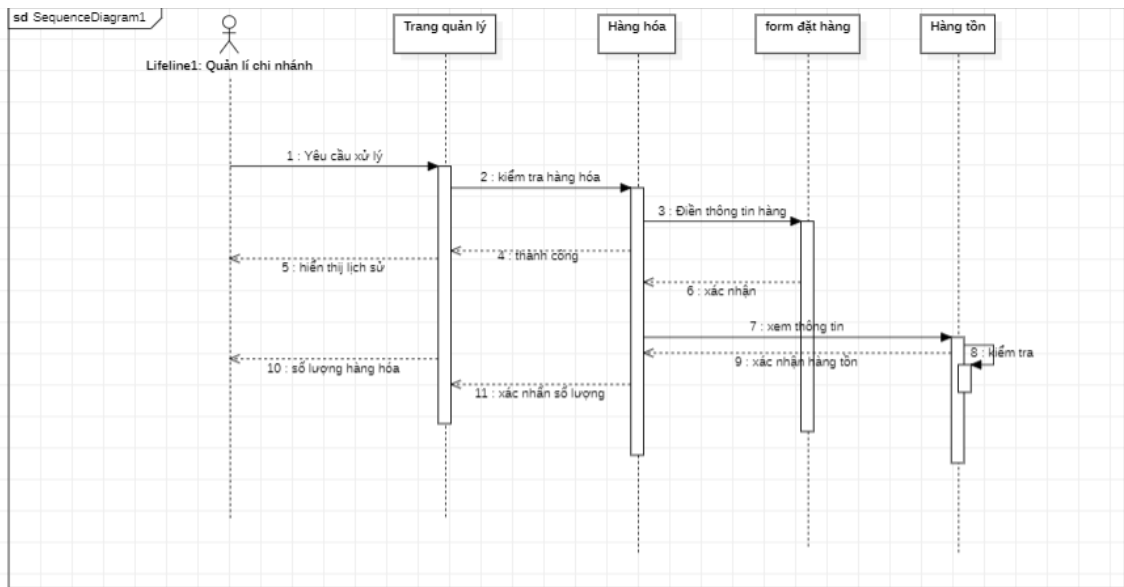
Hình 0-3. Sơ đồ tuần tự chức năng đăng xuất

4.1.4. Sơ đồ tuần tự chức năng quảng cáo và marketing



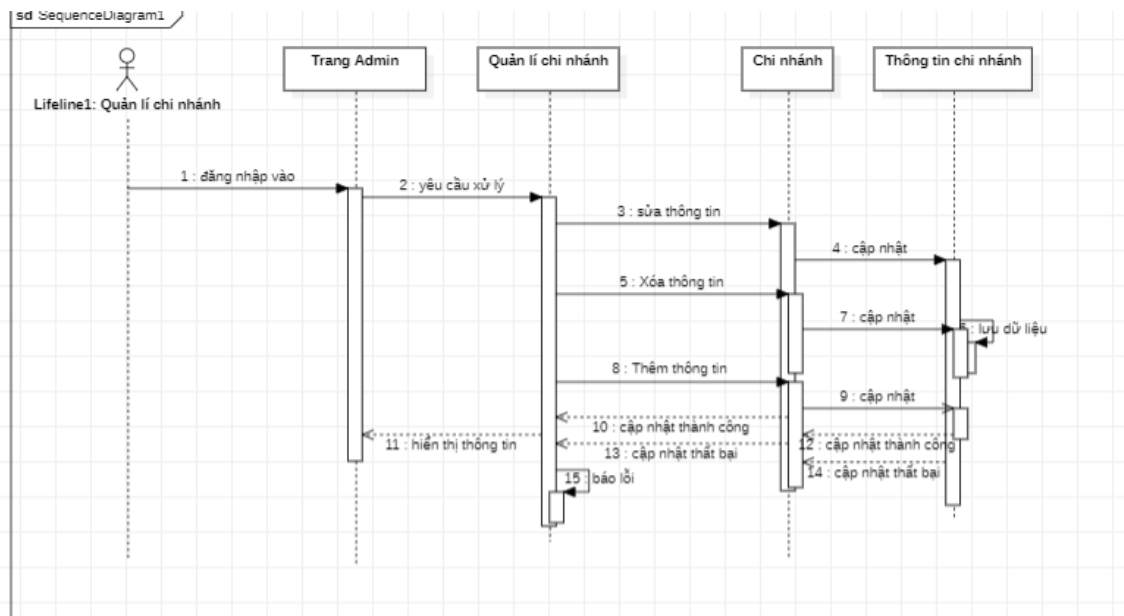
Hình 0-4. Sơ đồ tuần tự chức năng quảng cáo và marketing

4.1.5. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý hàng hóa



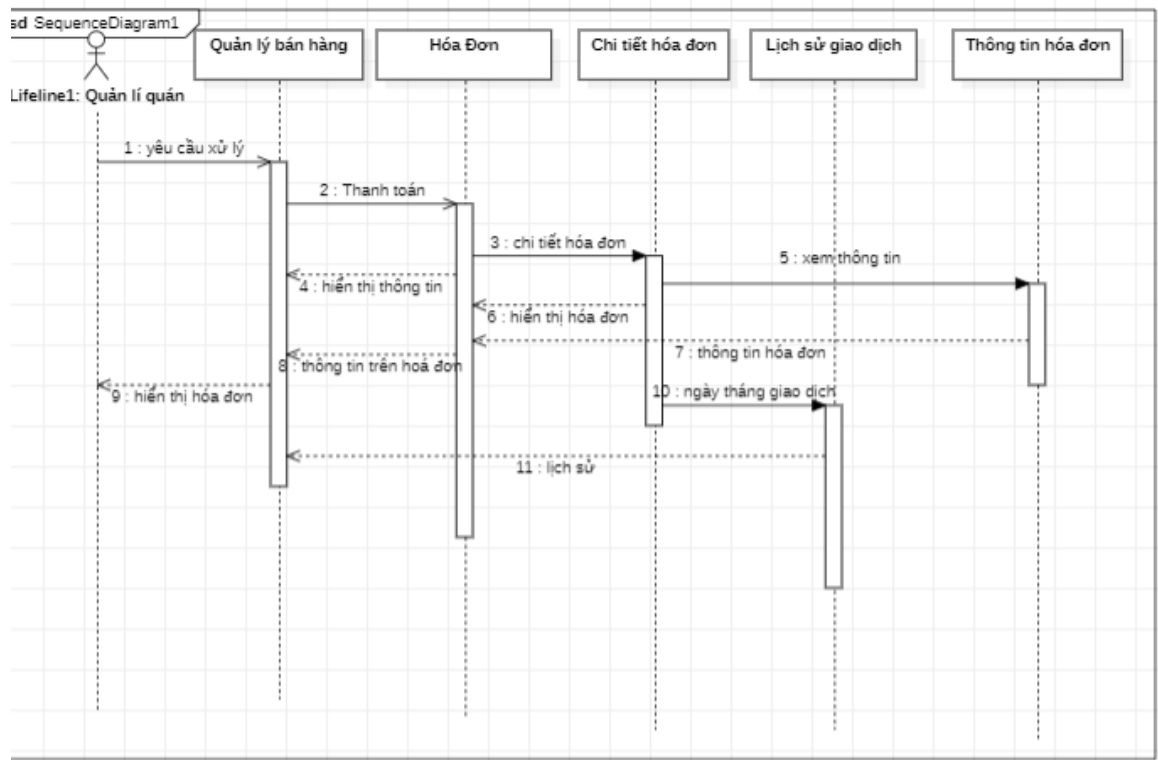
Hình 0-5. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý hàng hóa

4.1.6. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý từng chi nhánh



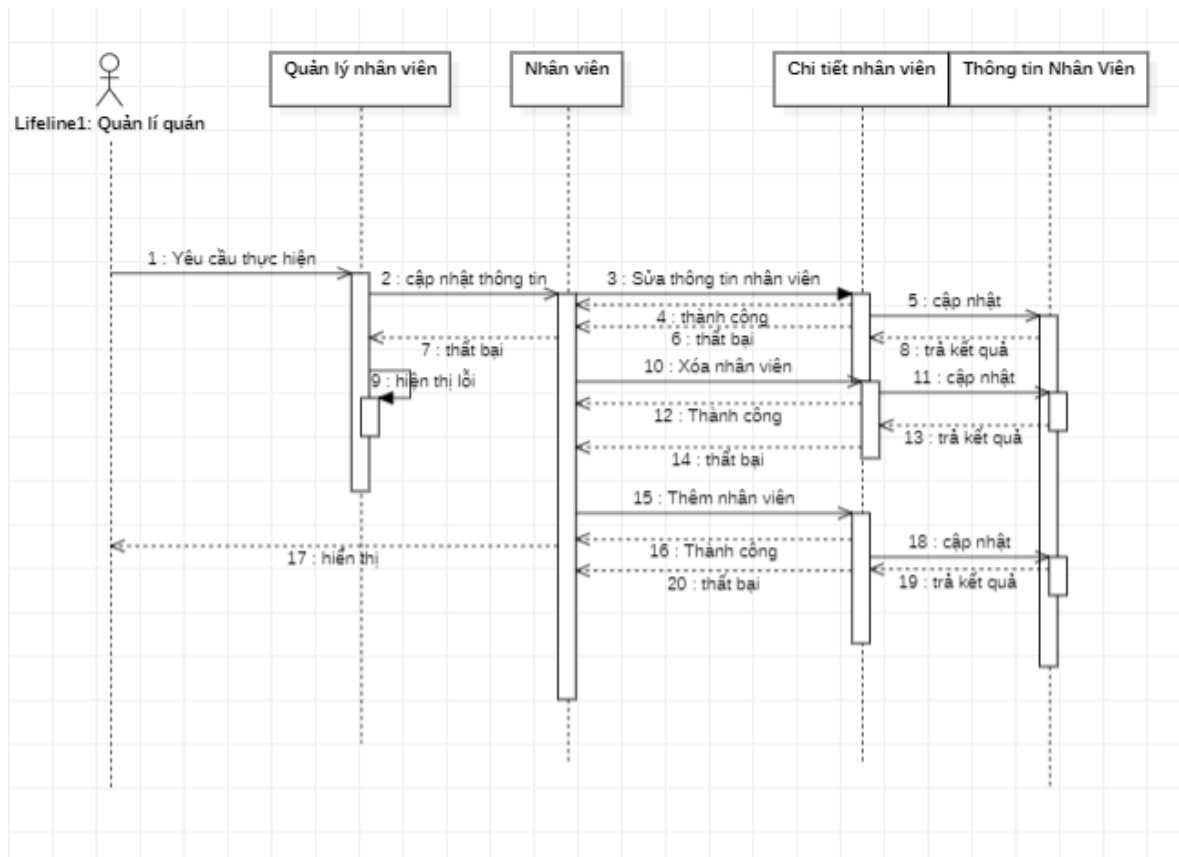
Hình 0-6. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý từng chi nhánh

4.1.7. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý bán hàng



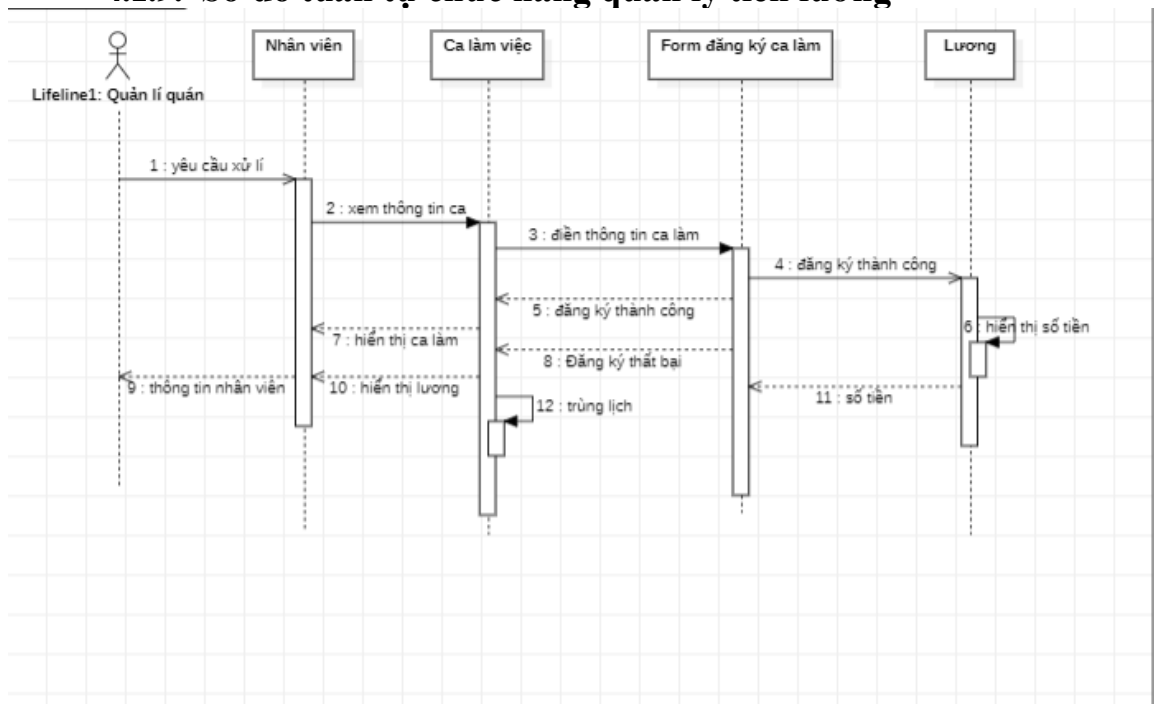
Hình 0-7. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý bán hàng

4.1.8. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý nhân viên



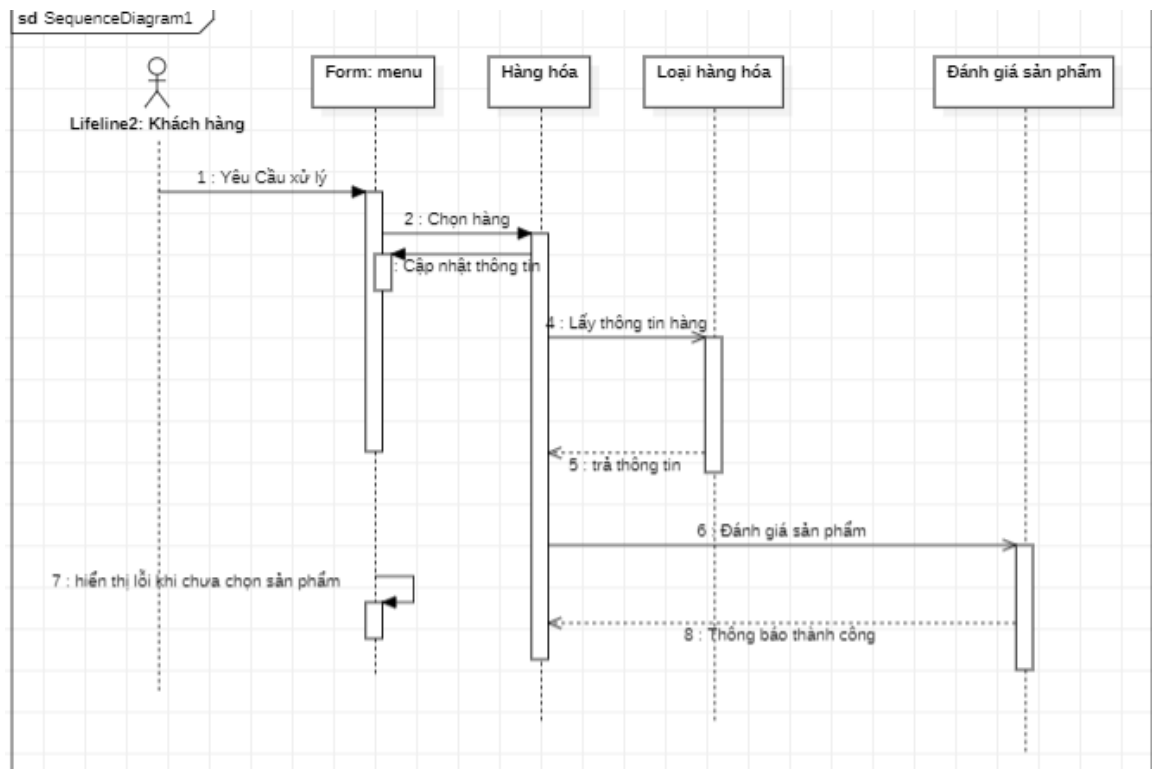
Hình 0-8. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý nhân viên

4.1.9. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý tiền lương



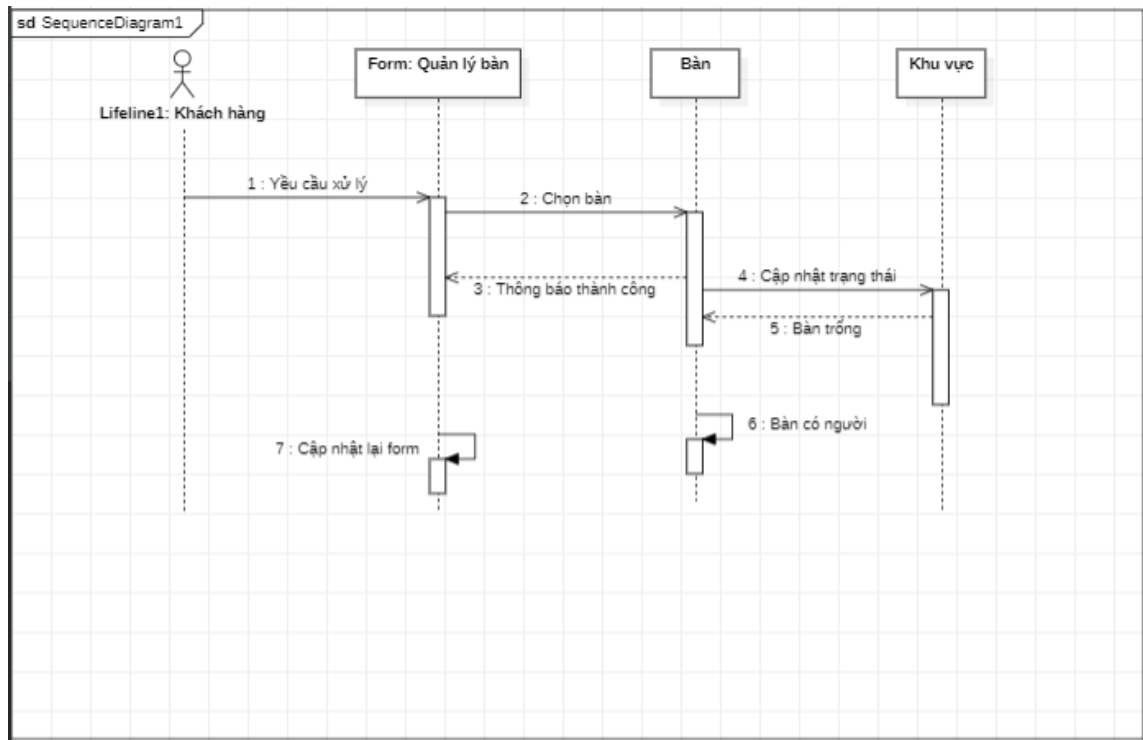
Hình 0-9. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý tiền lương

4.1.10. Sơ đồ tuần tự chức năng đánh giá sản phẩm



Hình 0-10. Sơ đồ tuần tự chức năng đánh giá sản phẩm

4.1.11. Sơ đồ tuần tự chức năng đặt bàn

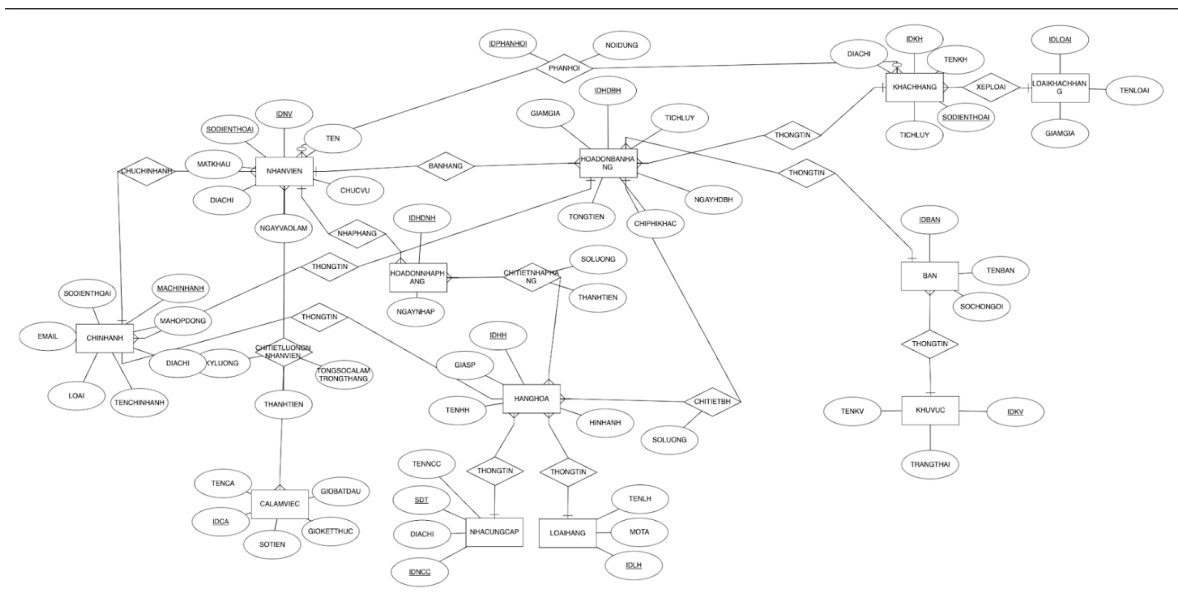


Hình 0-11. Sơ đồ tuần tự chức năng đặt bàn

4.1.12. Sơ đồ tuần tự chức năng quản lý thanh toán

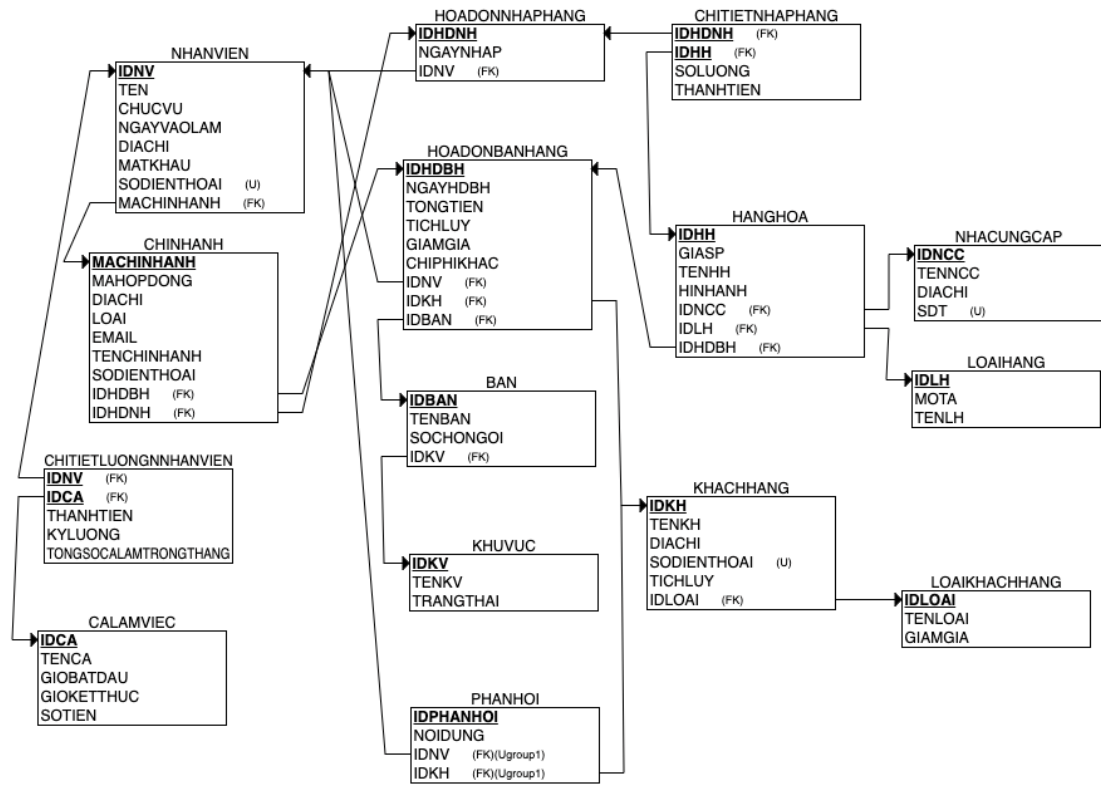
4.2. Sơ đồ ERD và Mô hình quan hệ

4.2.1. Sơ đồ ERD



Hình 0-13. Sơ đồ ERD

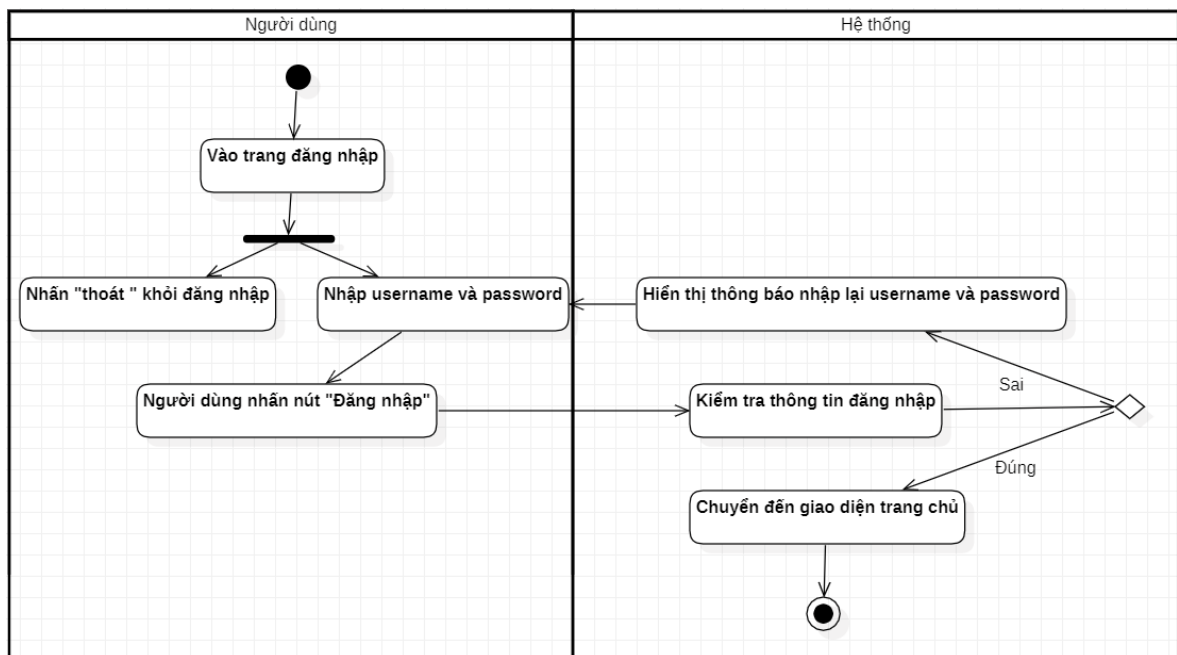
4.2.2. Mô hình quan hệ



Hình 0-14. Sơ đồ mô hình quan hệ

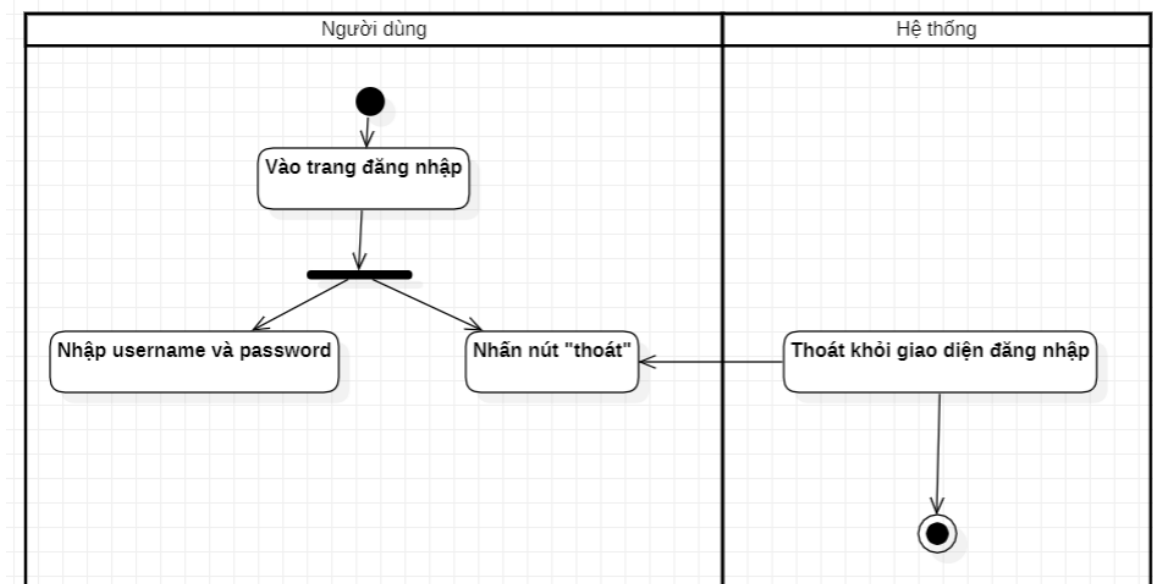
4.3. Sơ đồ hoạt động (Activity Diagram)

4.3.1. Sơ đồ hoạt động chức năng đăng nhập



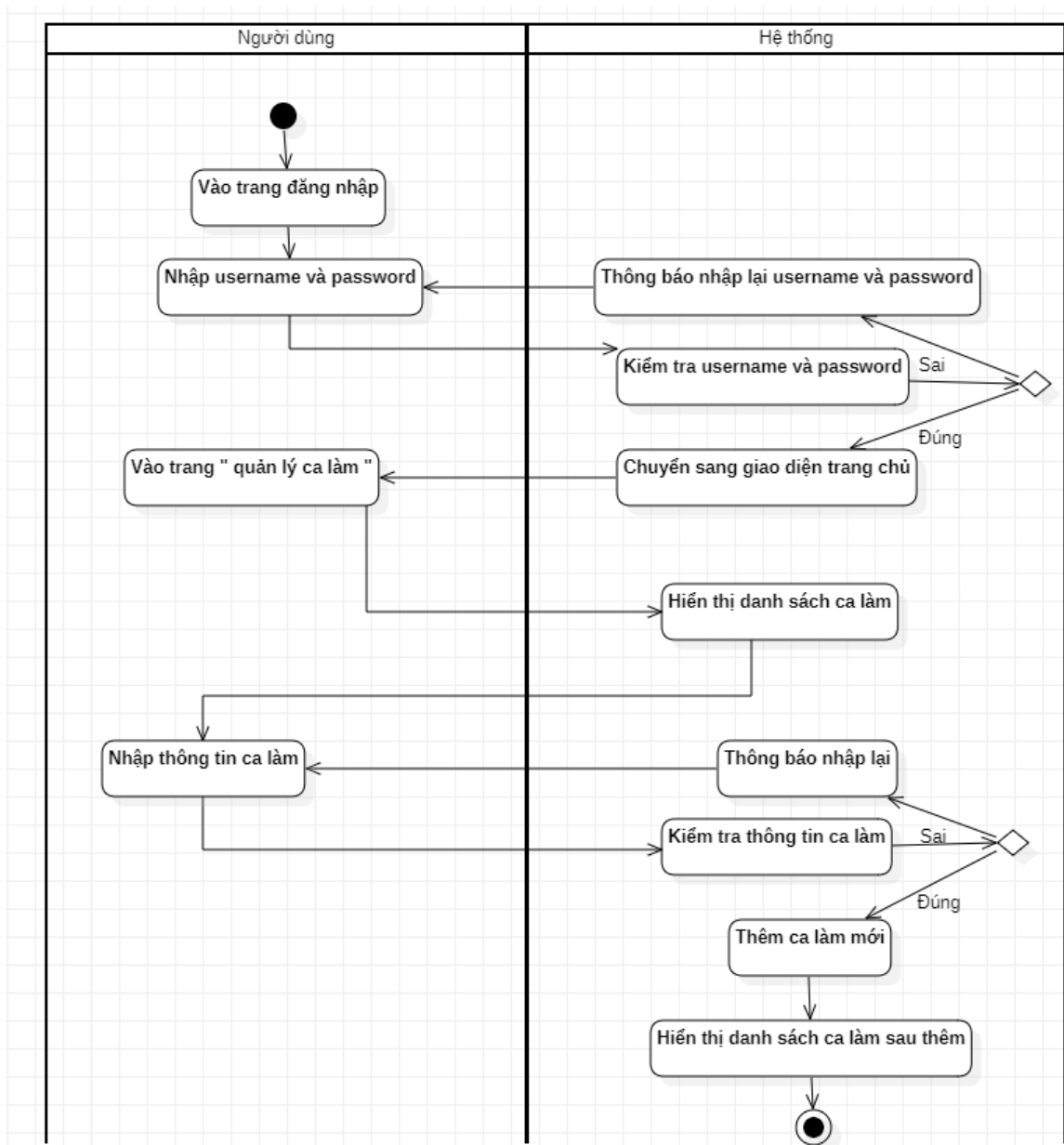
Hình 0-15. Sơ đồ hoạt động chức năng đăng nhập

4.3.2. Sơ đồ hoạt động chức năng đăng xuất



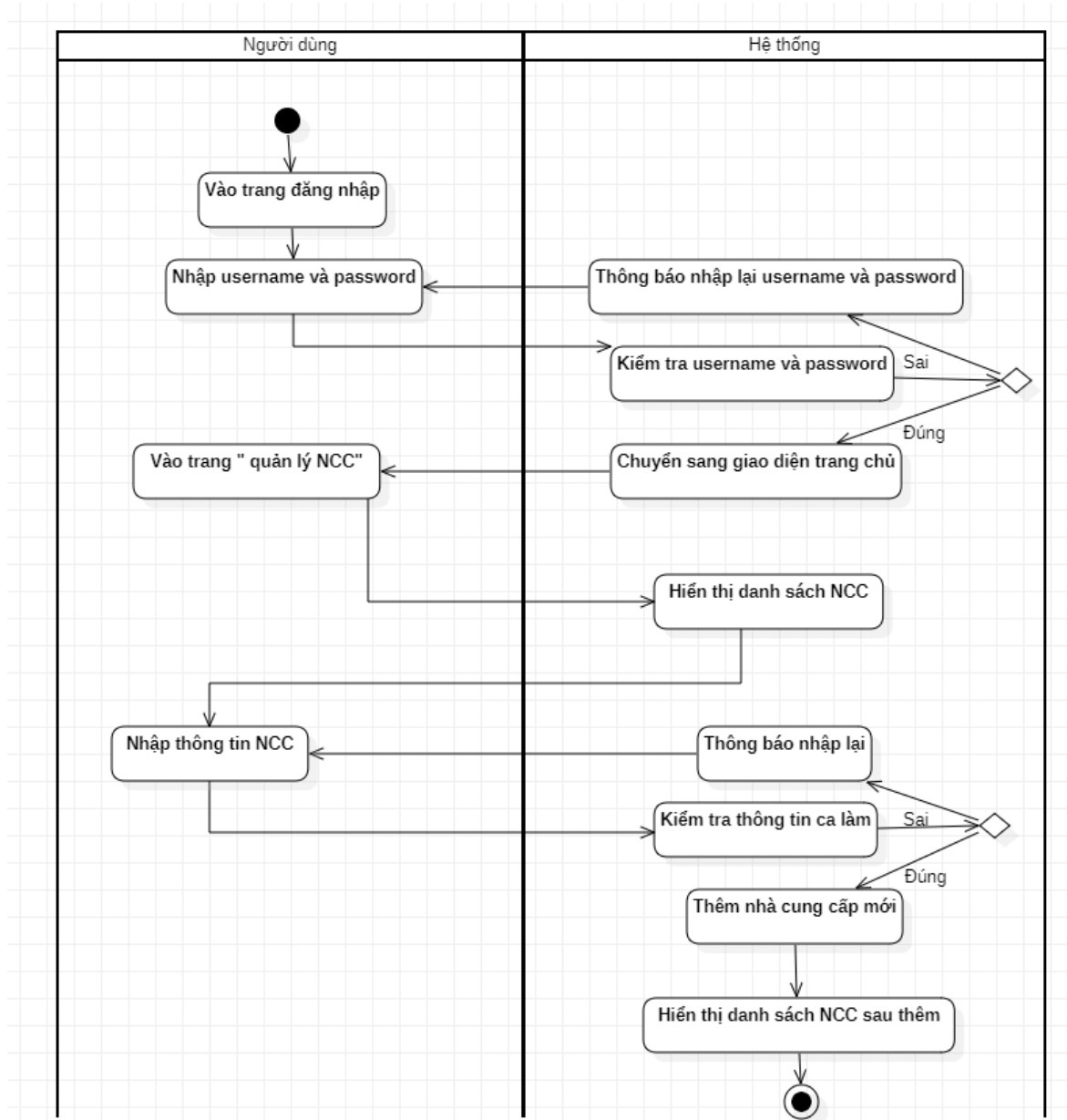
Hình 0-16. Sơ đồ hoạt động chức năng đăng xuất

4.3.3. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm ca làm



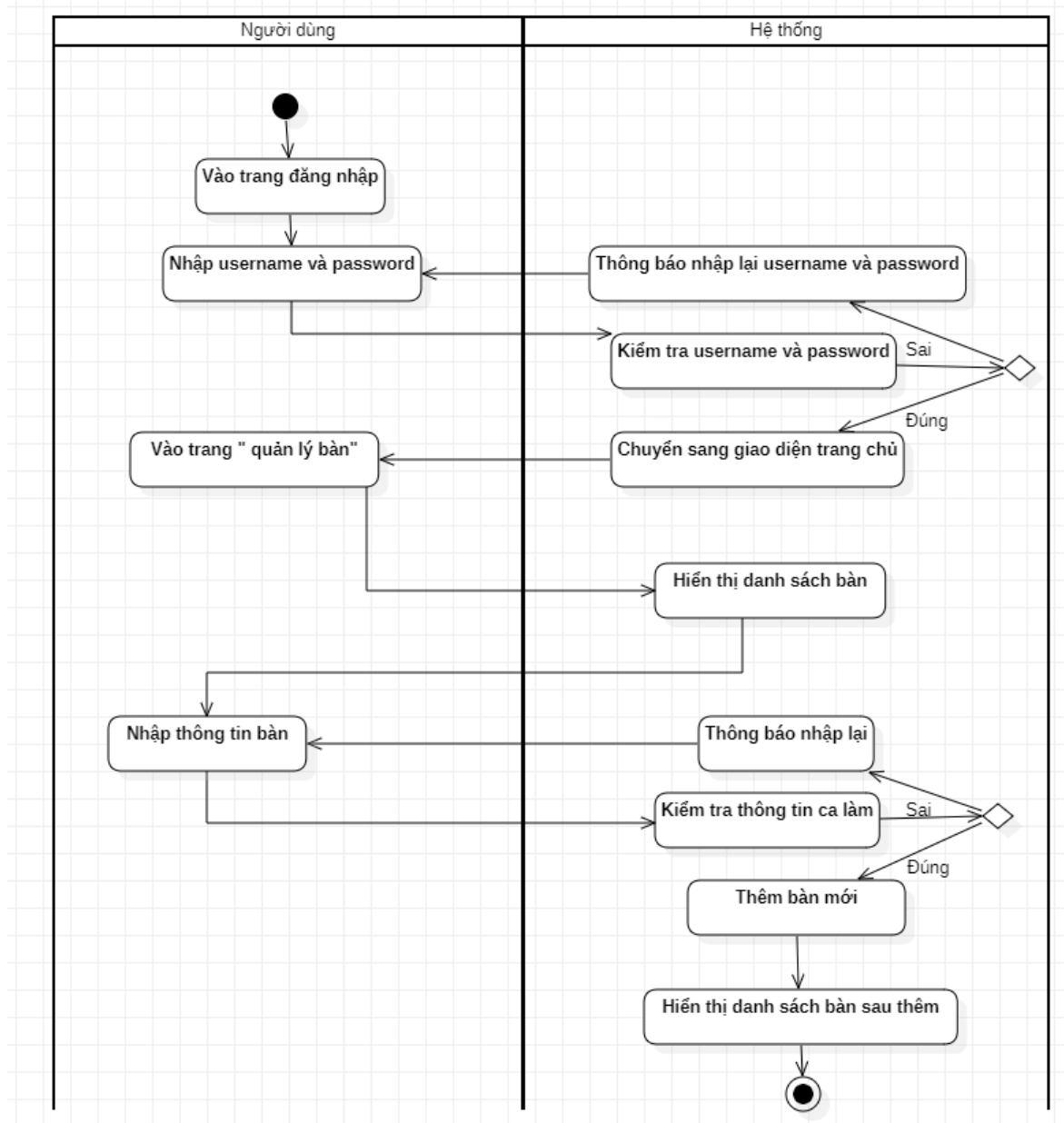
Hình 0-17. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm ca làm

4.3.4. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm nhà cung cấp



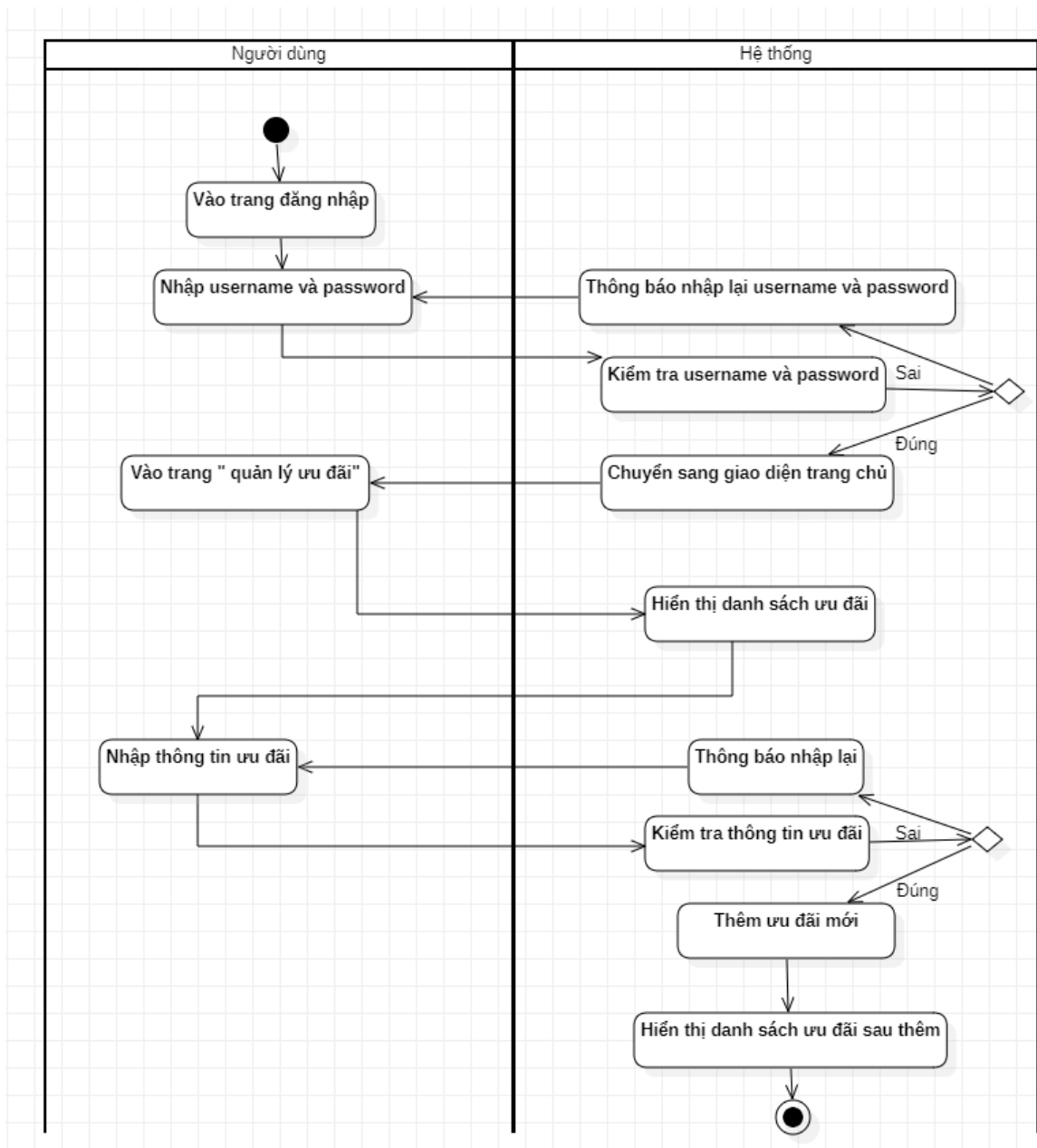
Hình 0-18. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm nhà cung cấp

4.3.5. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm bàn



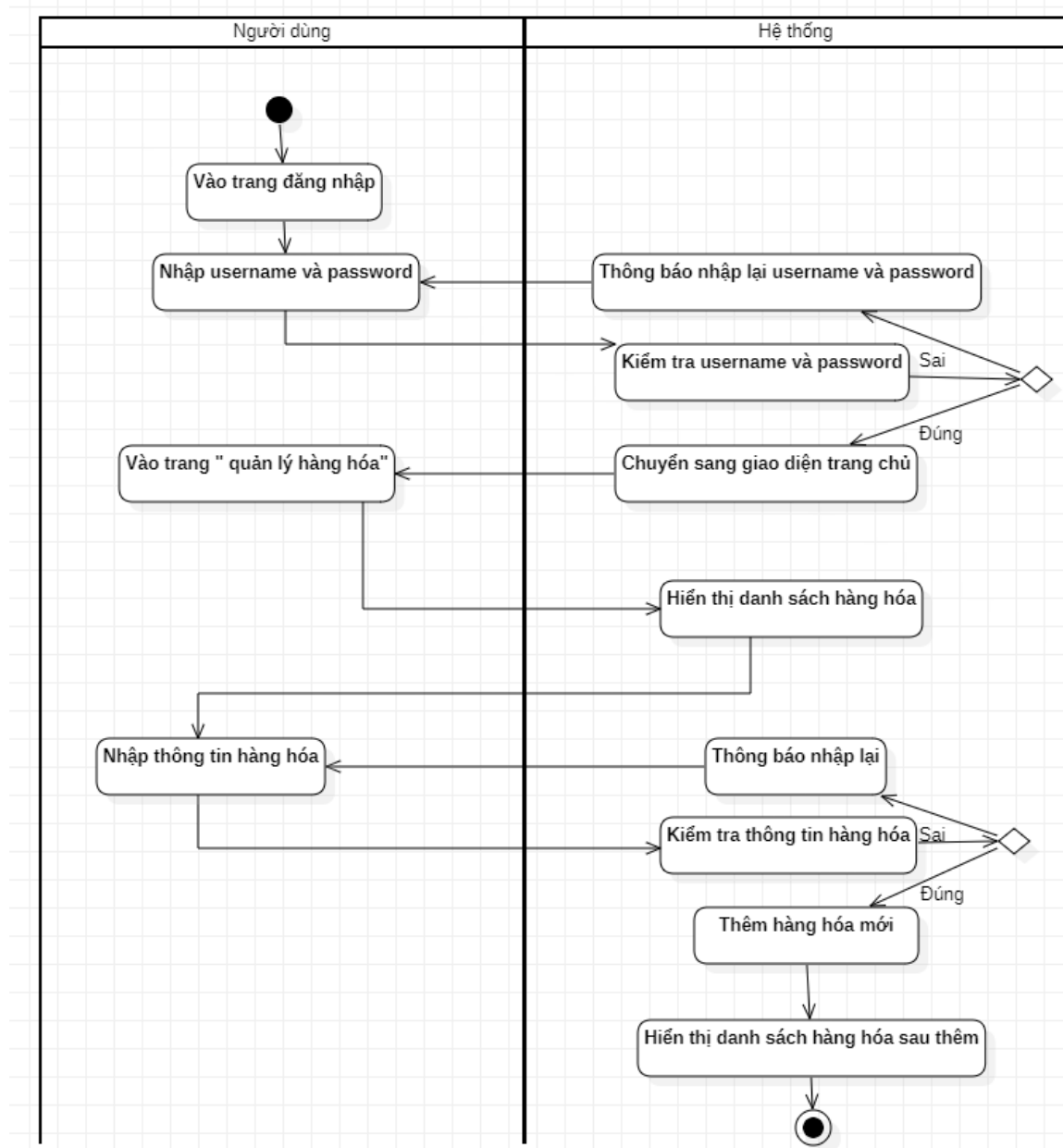
Hình 0-19. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm bàn

4.3.6. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm ưu đãi



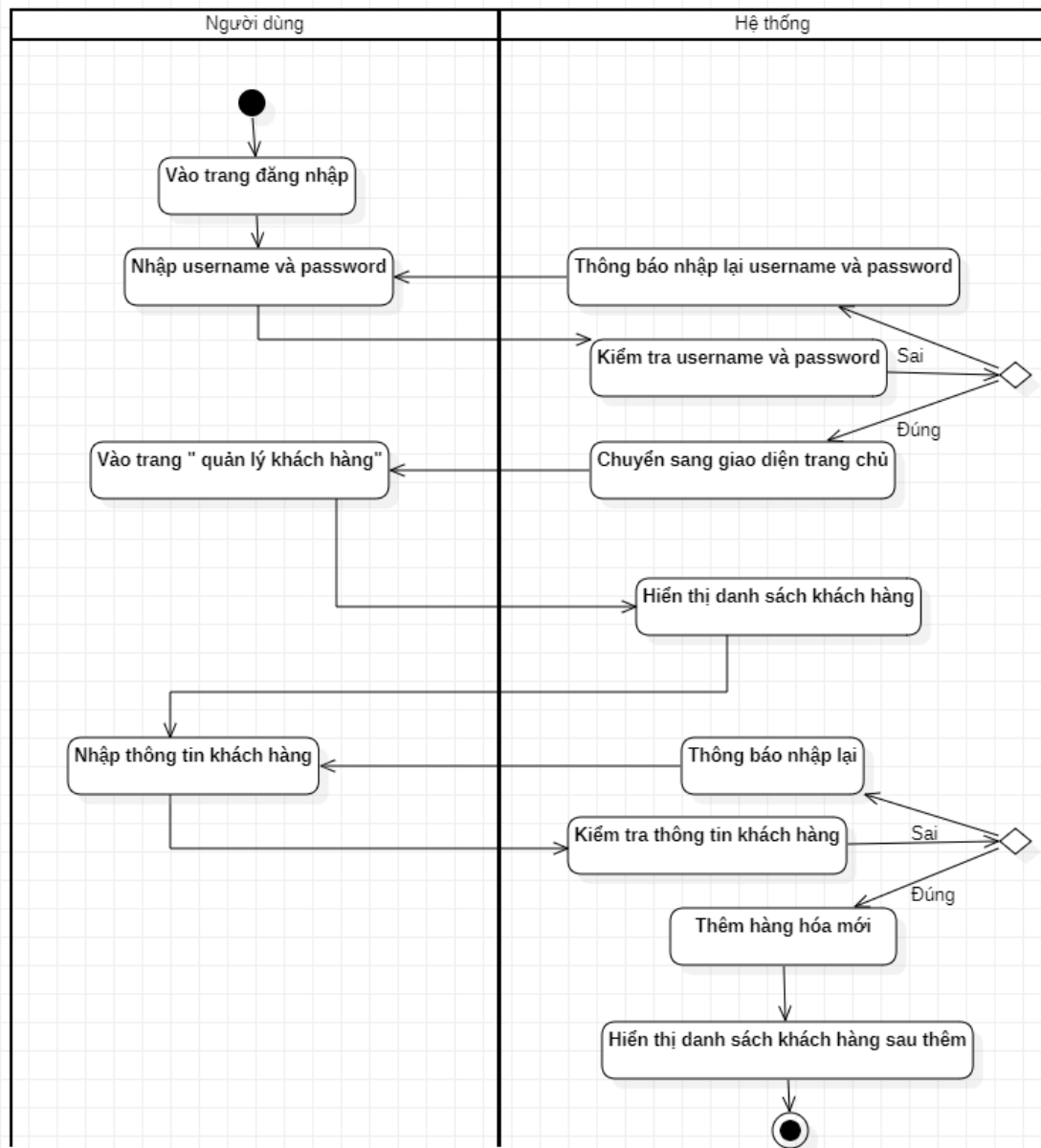
Hình 0-20. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm ưu đãi

4.3.7. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm hàng hóa



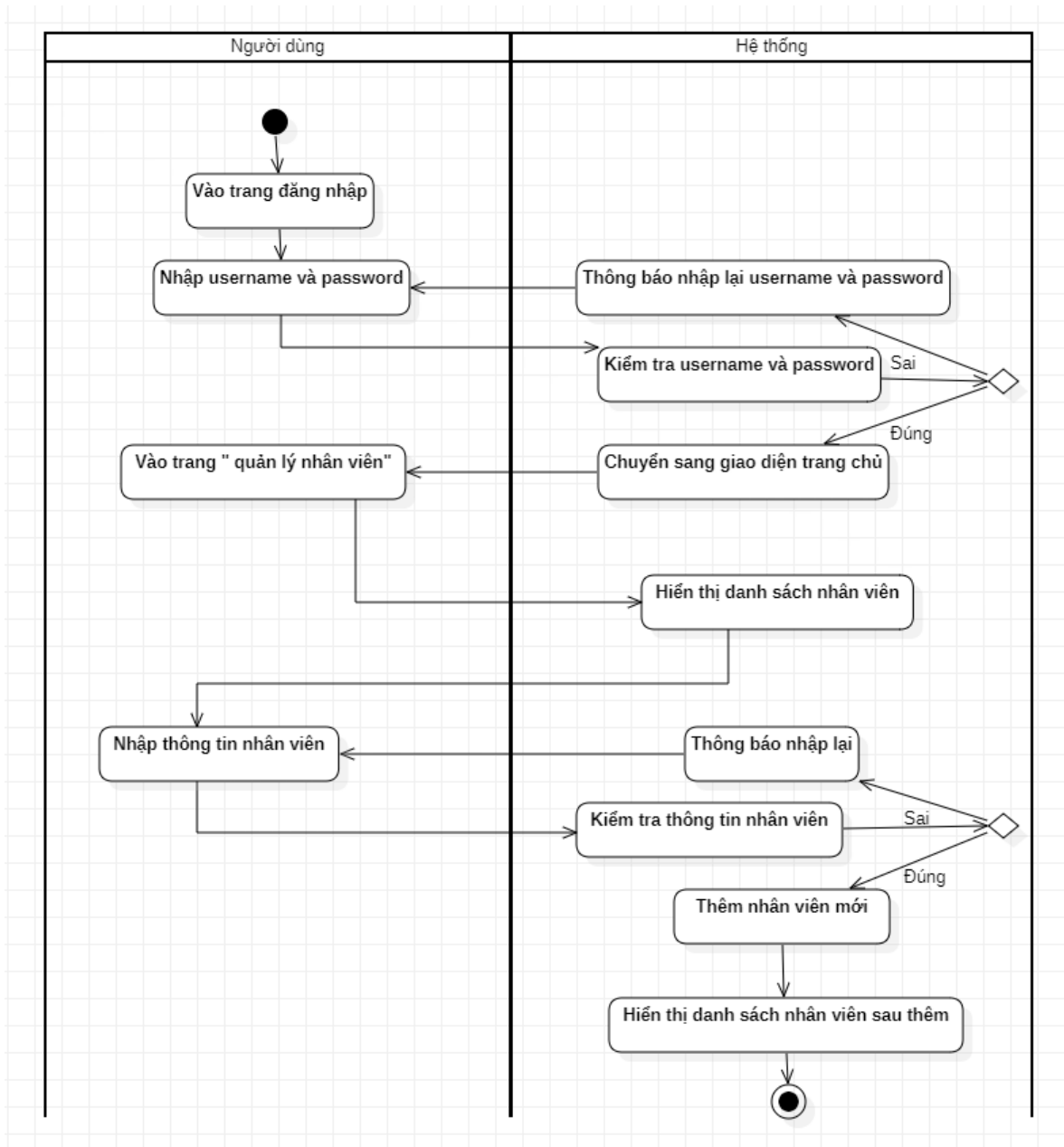
Hình 0-21. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm hàng hóa

4.3.8. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm khách hàng



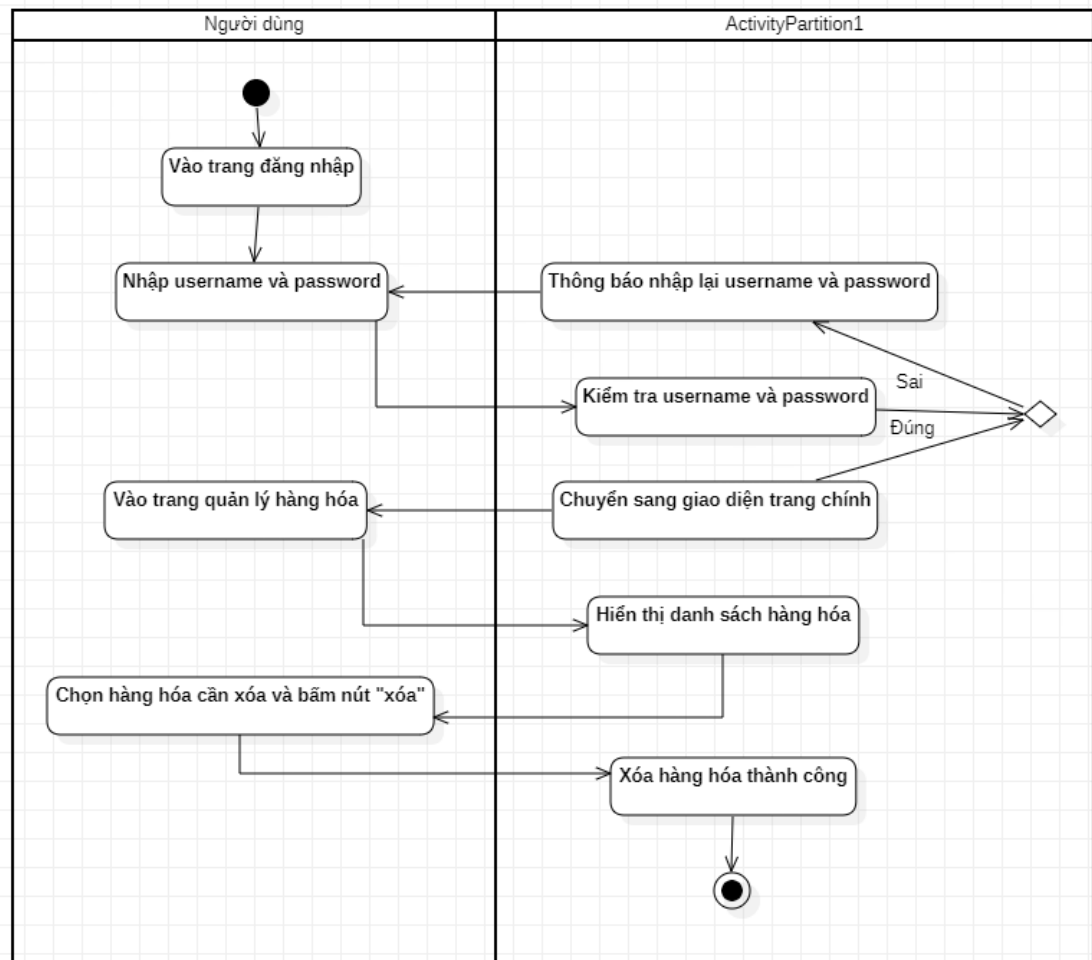
Hình 0-22. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm khách hàng

4.3.9. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm nhân viên



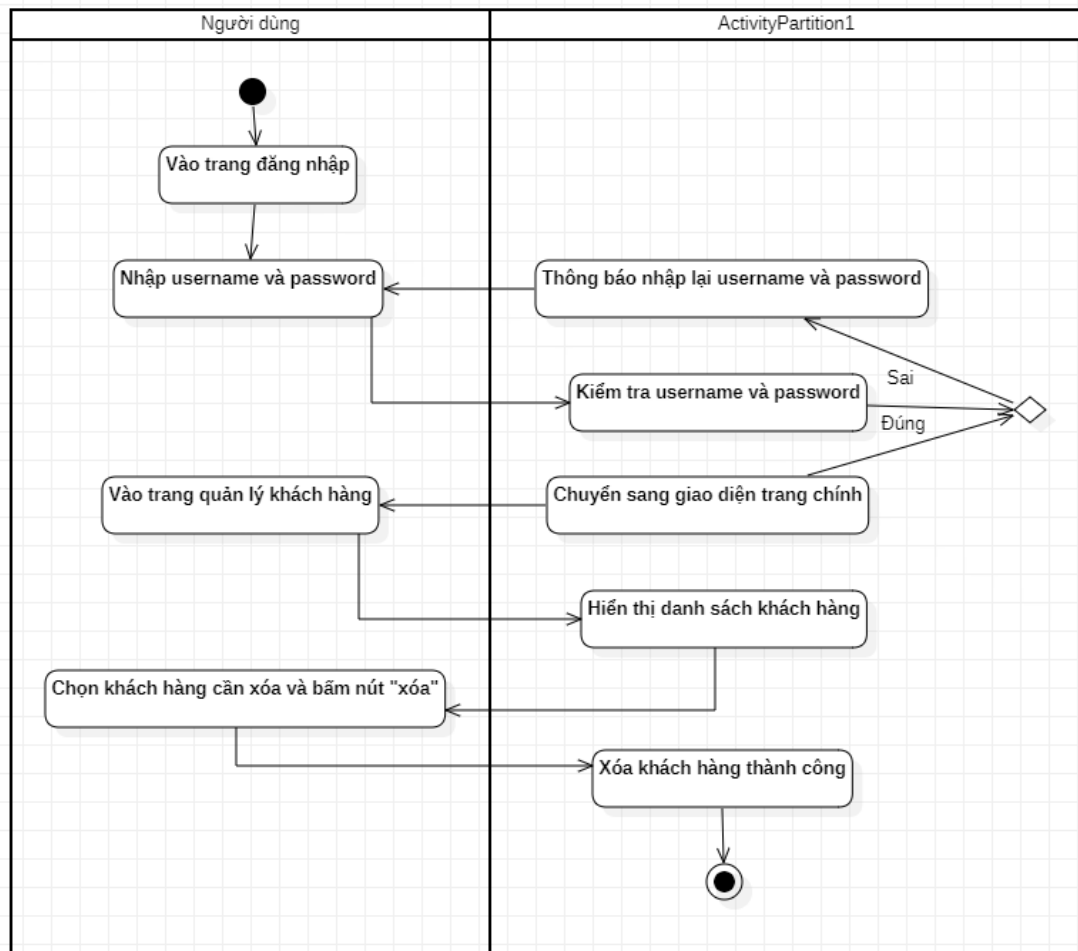
Hình 0-23. Sơ đồ hoạt động chức năng thêm nhân viên

4.3.10. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa hàng hóa



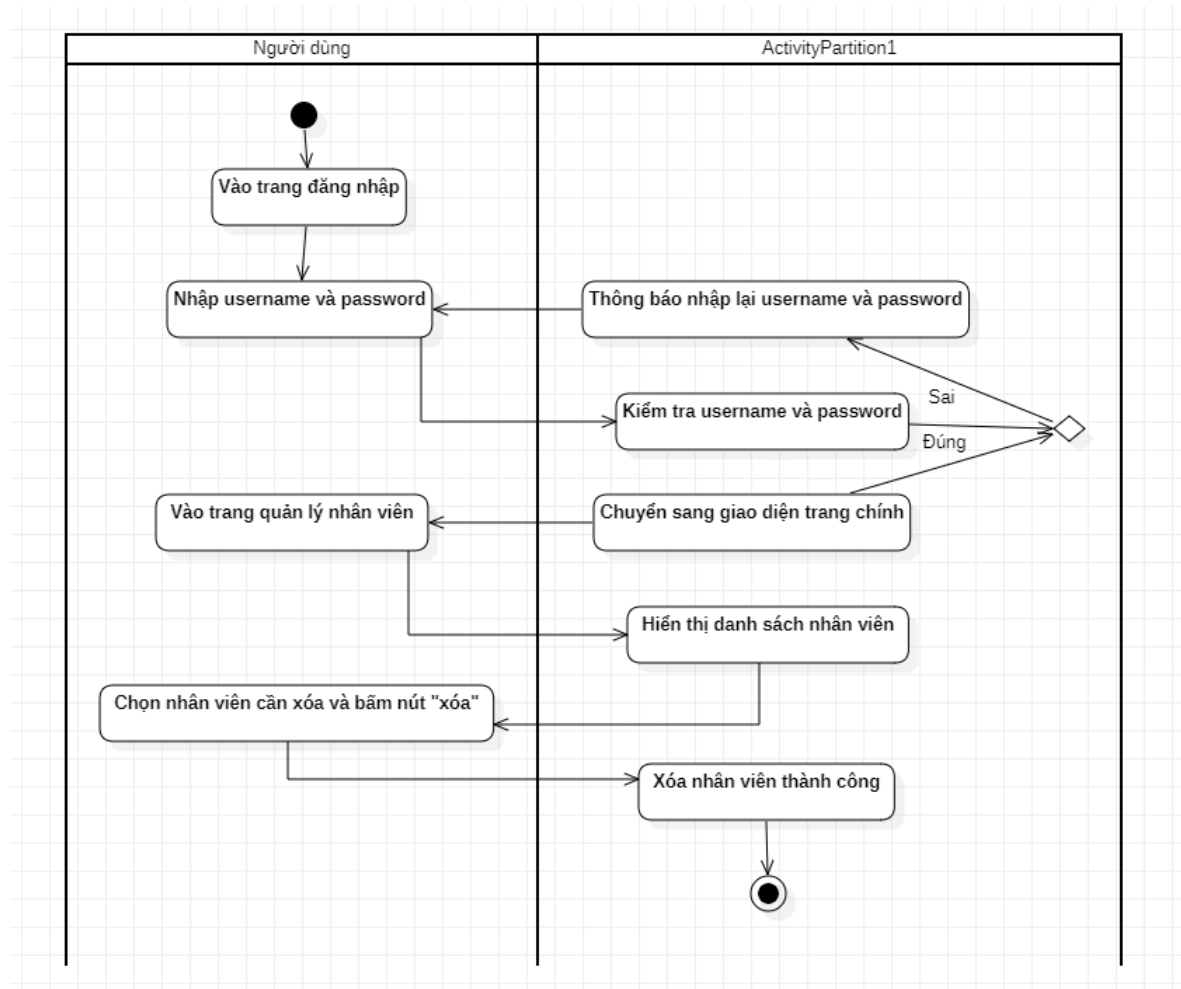
Hình 0-24. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa hàng hóa

4.3.11. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa thông tin khách hàng



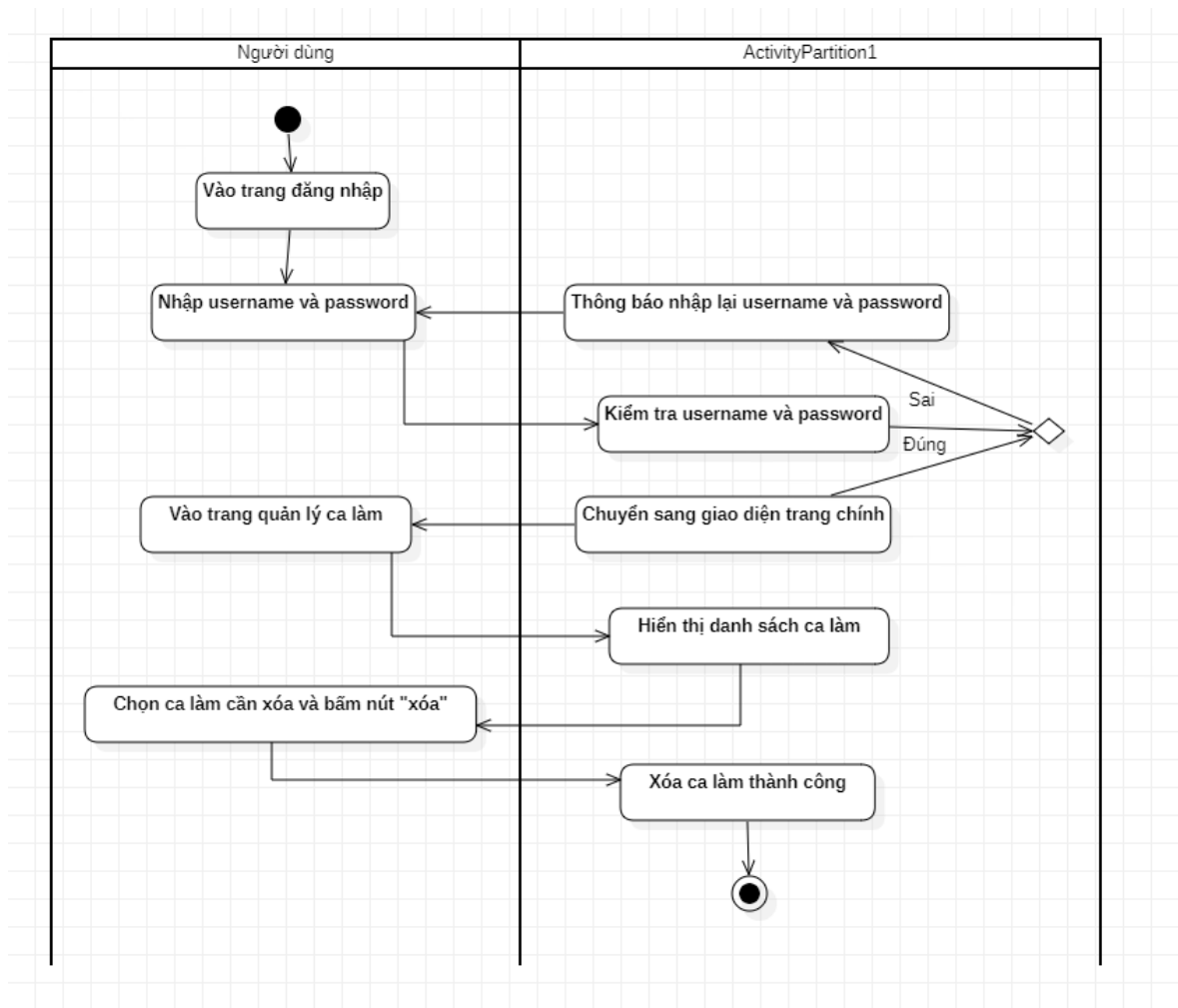
Hình 0-25. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa thông tin khách hàng

4.3.12. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa nhân viên



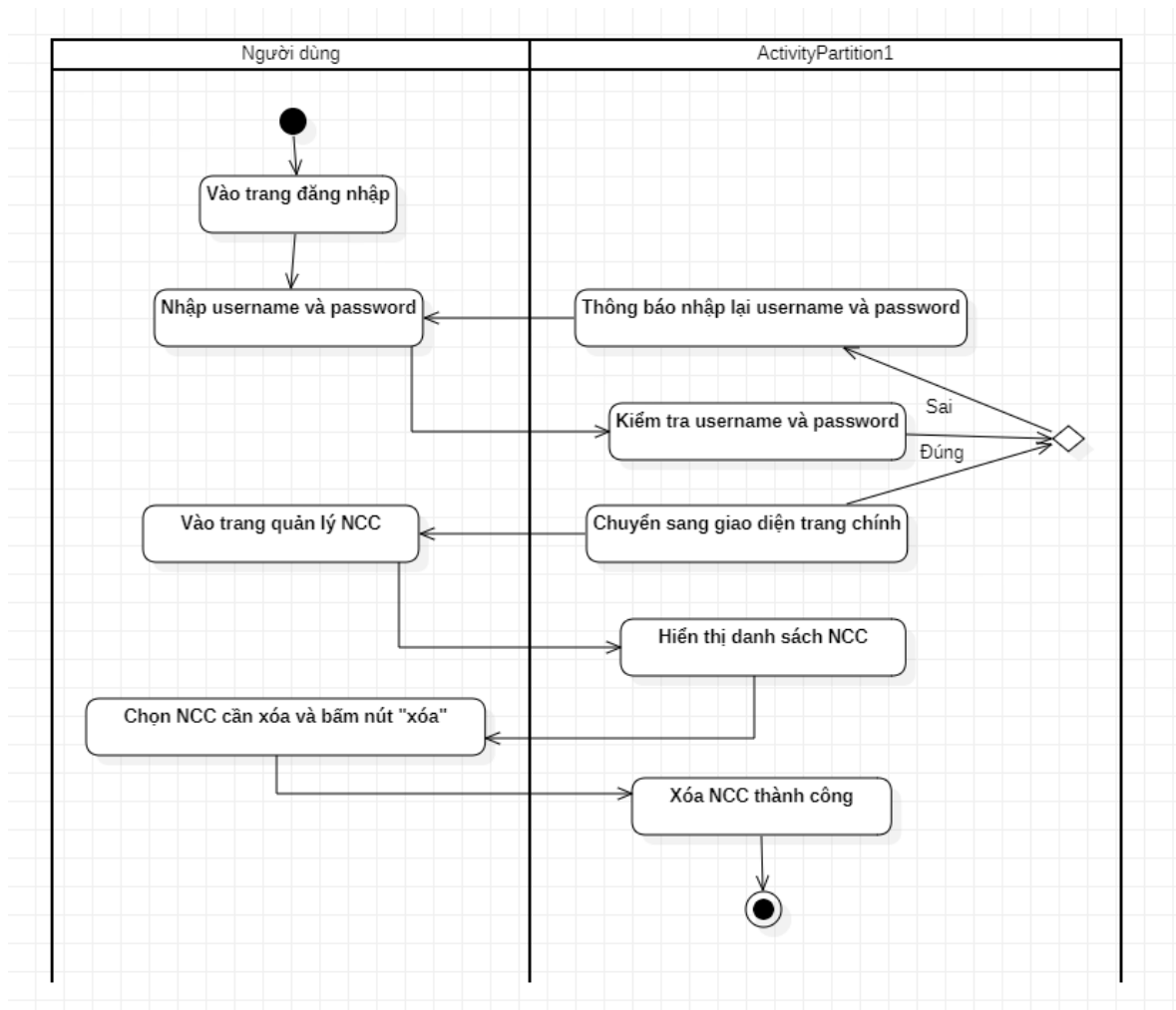
Hình 0-26. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa nhân viên

4.3.13. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa ca làm



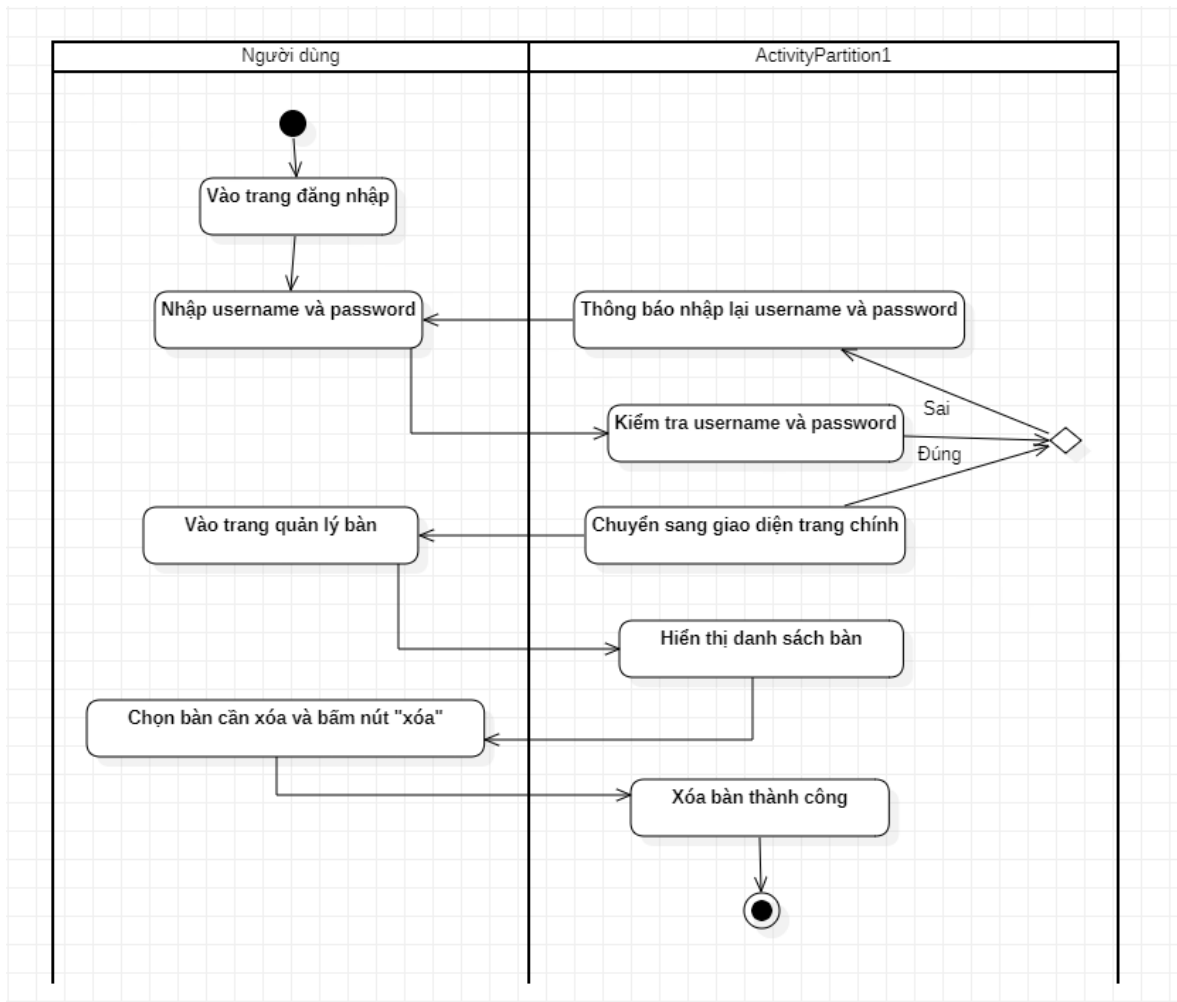
Hình 0-27. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa ca làm

4.3.14. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa thông tin nhà cung cấp



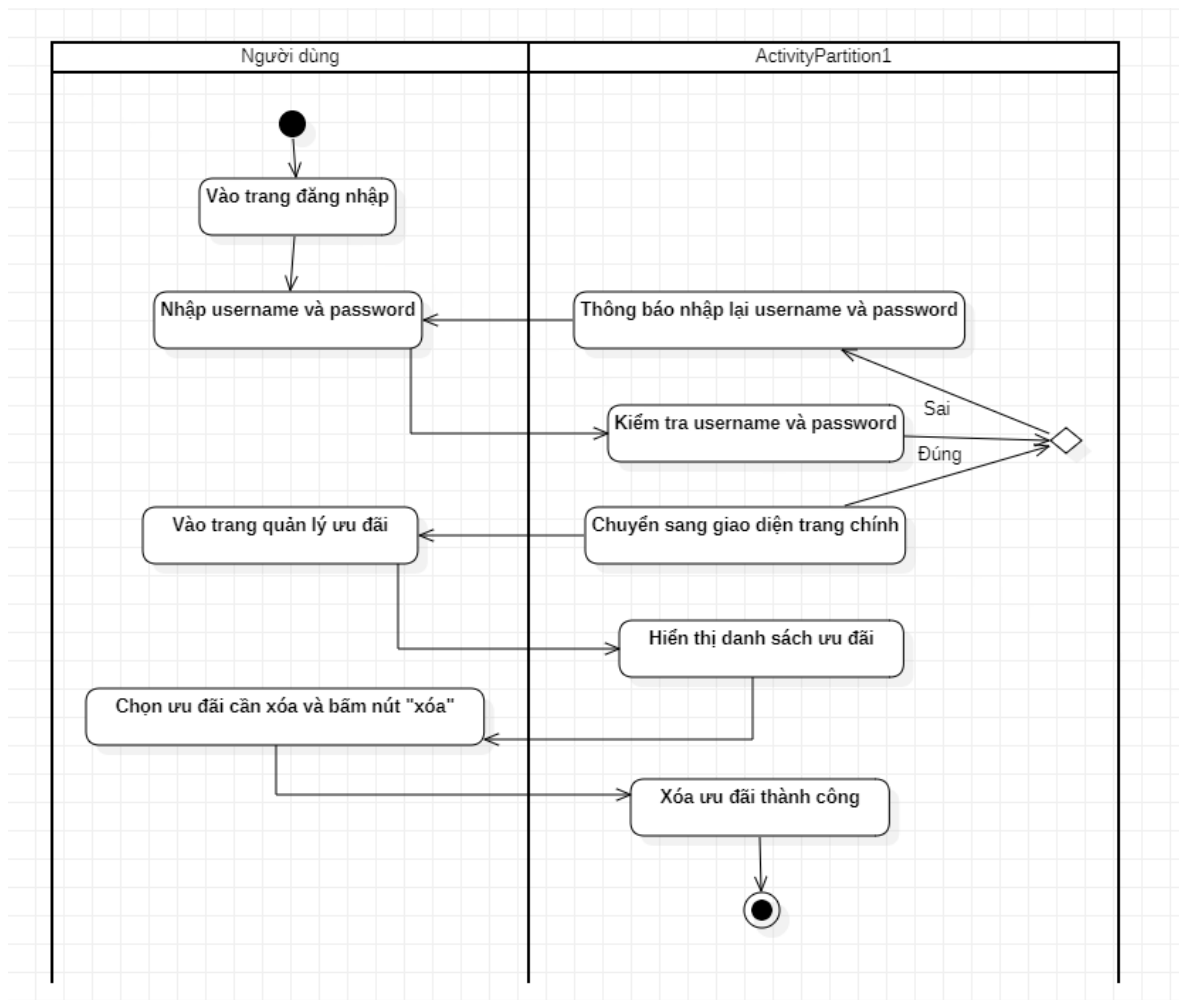
Hình 0-28. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa thông tin nhà cung cấp

4.3.15. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa bàn



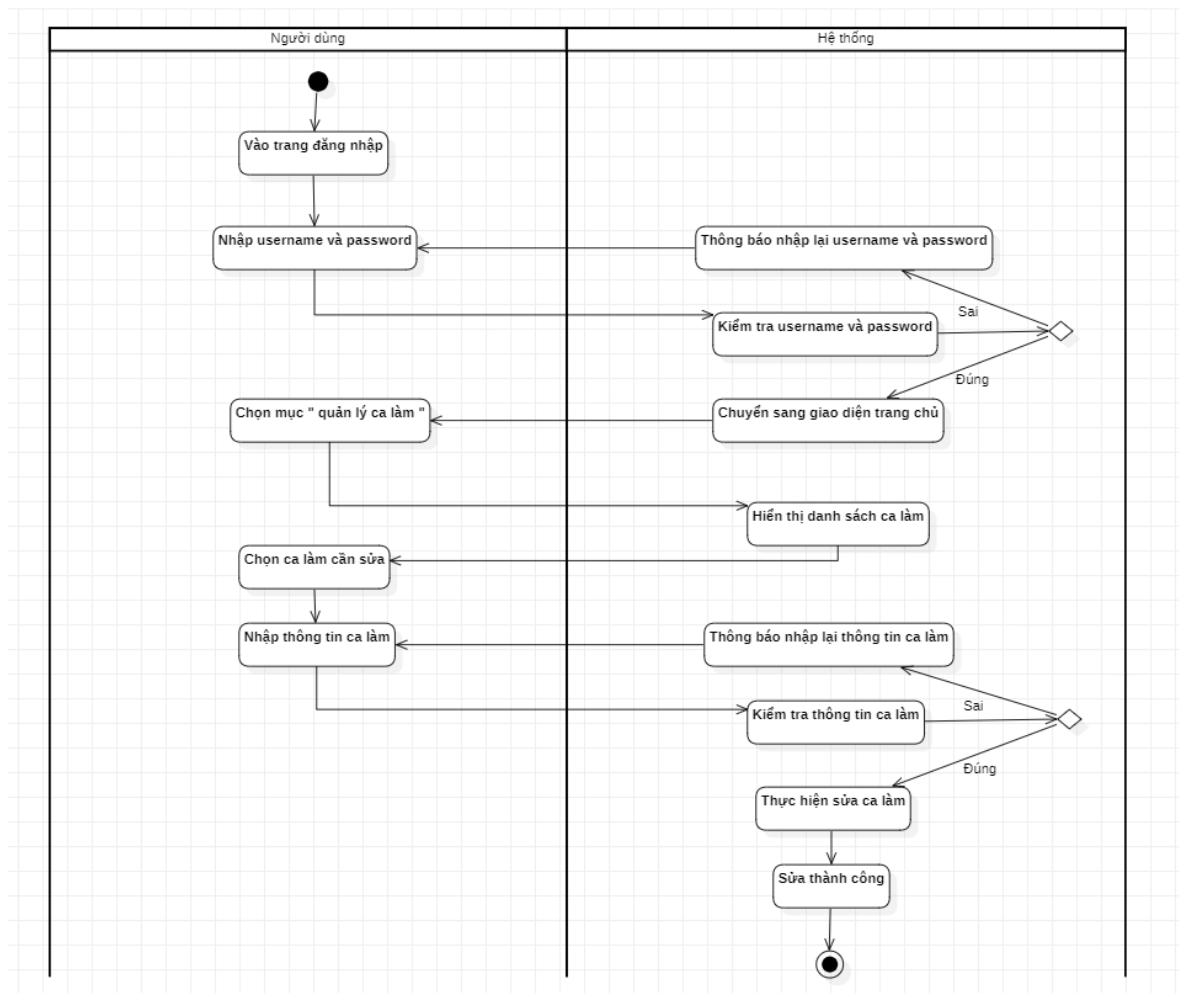
Hình 0-29. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa bài

4.3.16. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa thông tin ưu đãi



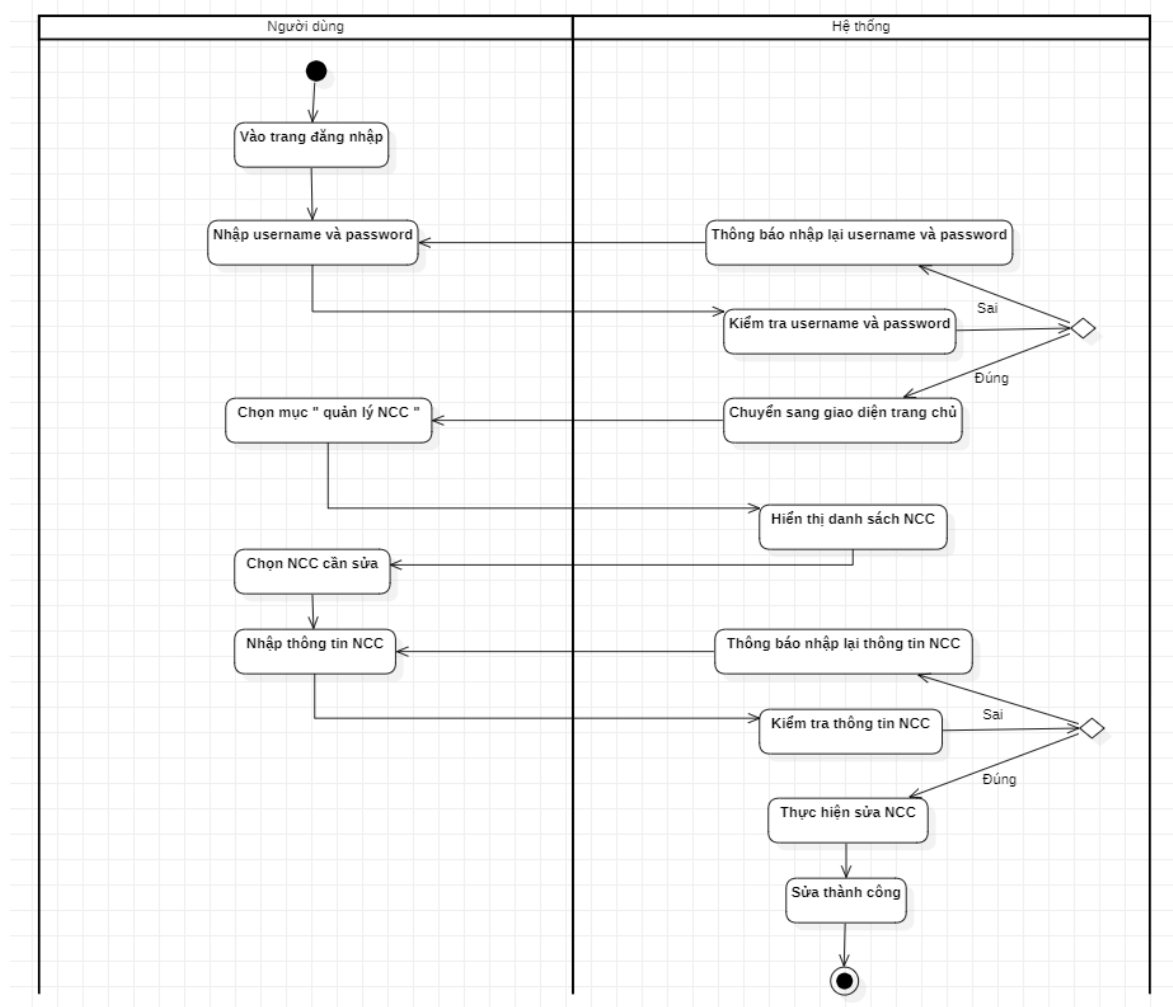
Hình 0-30. Sơ đồ hoạt động chức năng xóa thông tin ưu đãi

4.3.17. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin ca làm



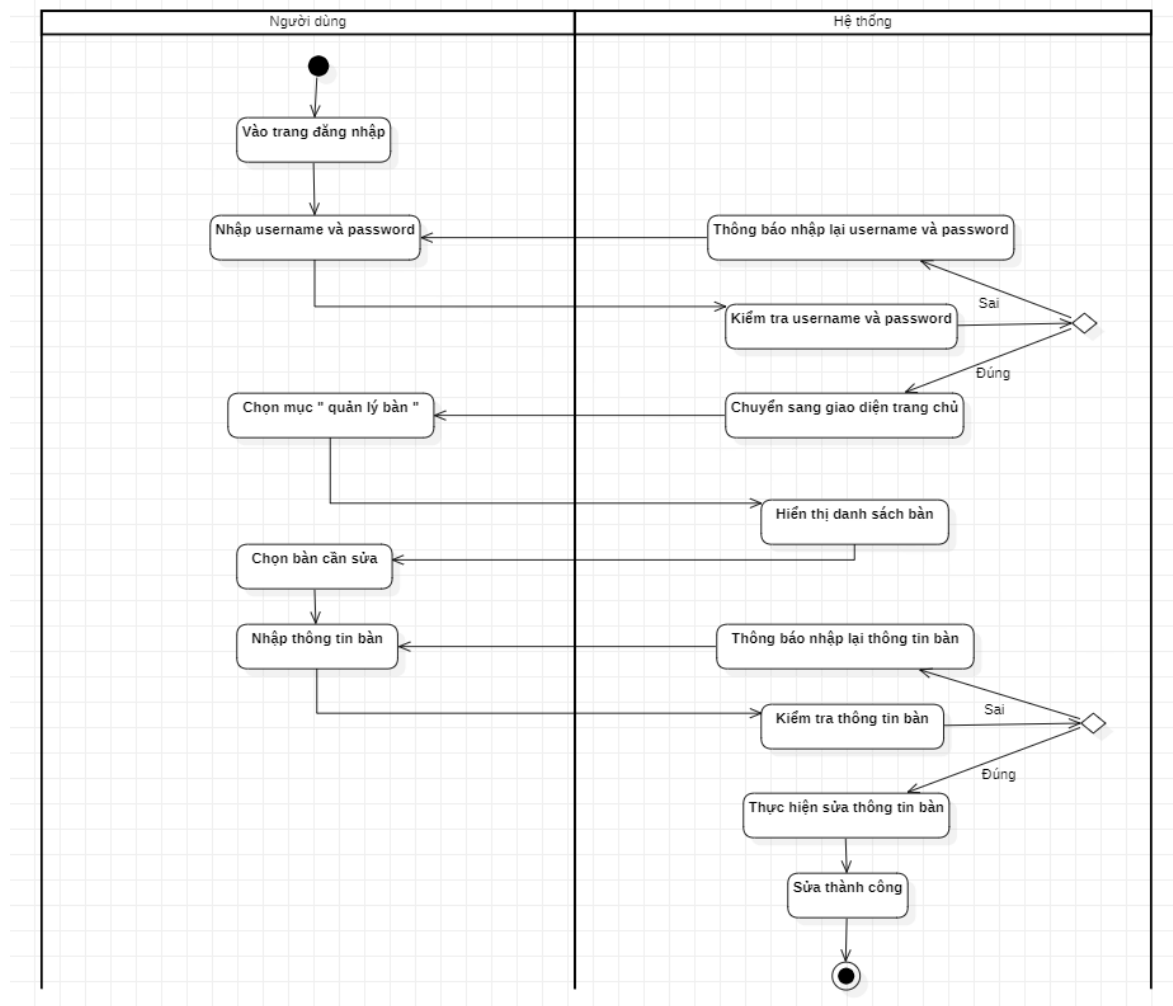
Hình 0-31. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin ca làm

4.3.18. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin nhà cung cấp



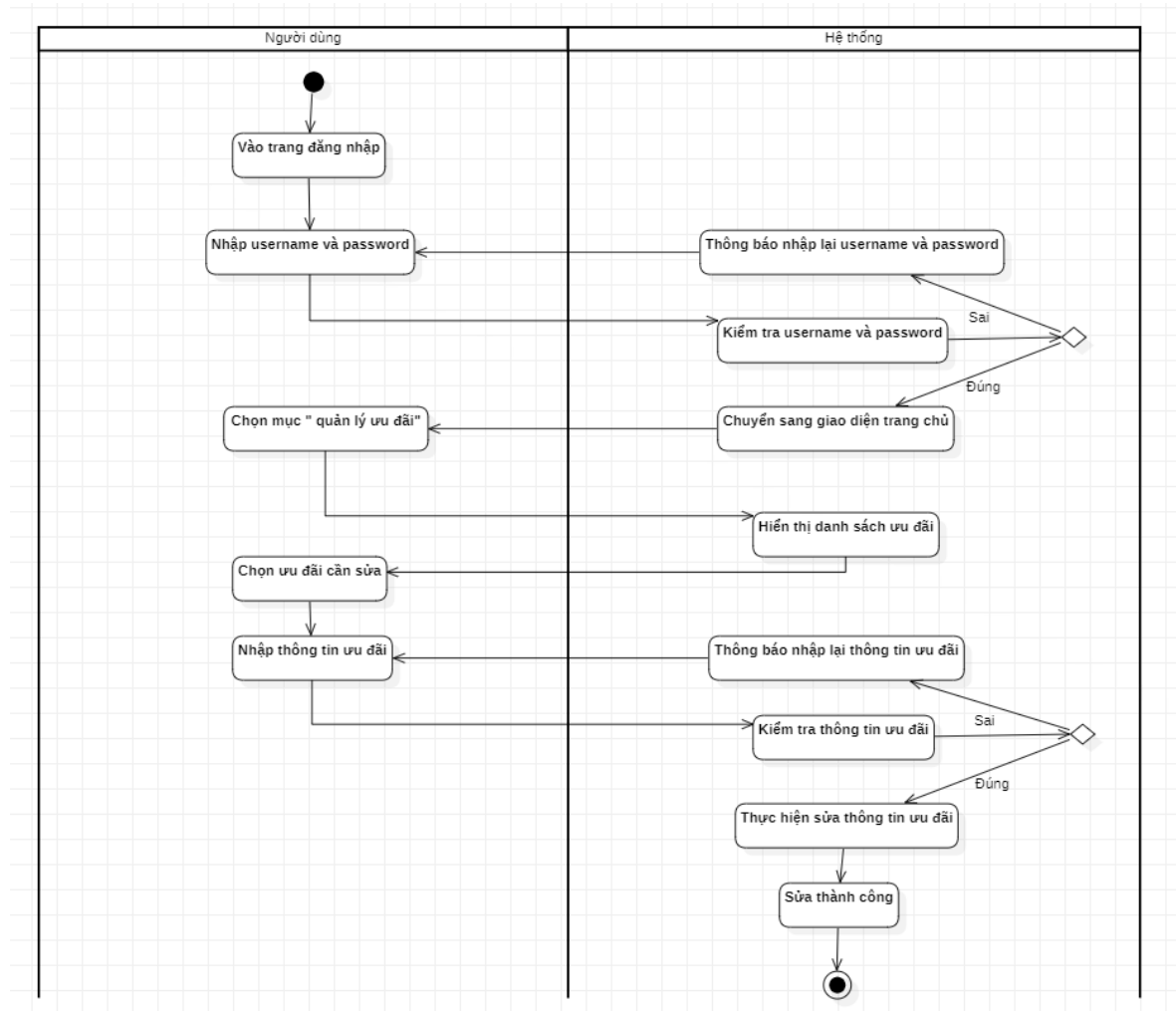
Hình 0-32. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin NCC

4.3.19. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin bàn



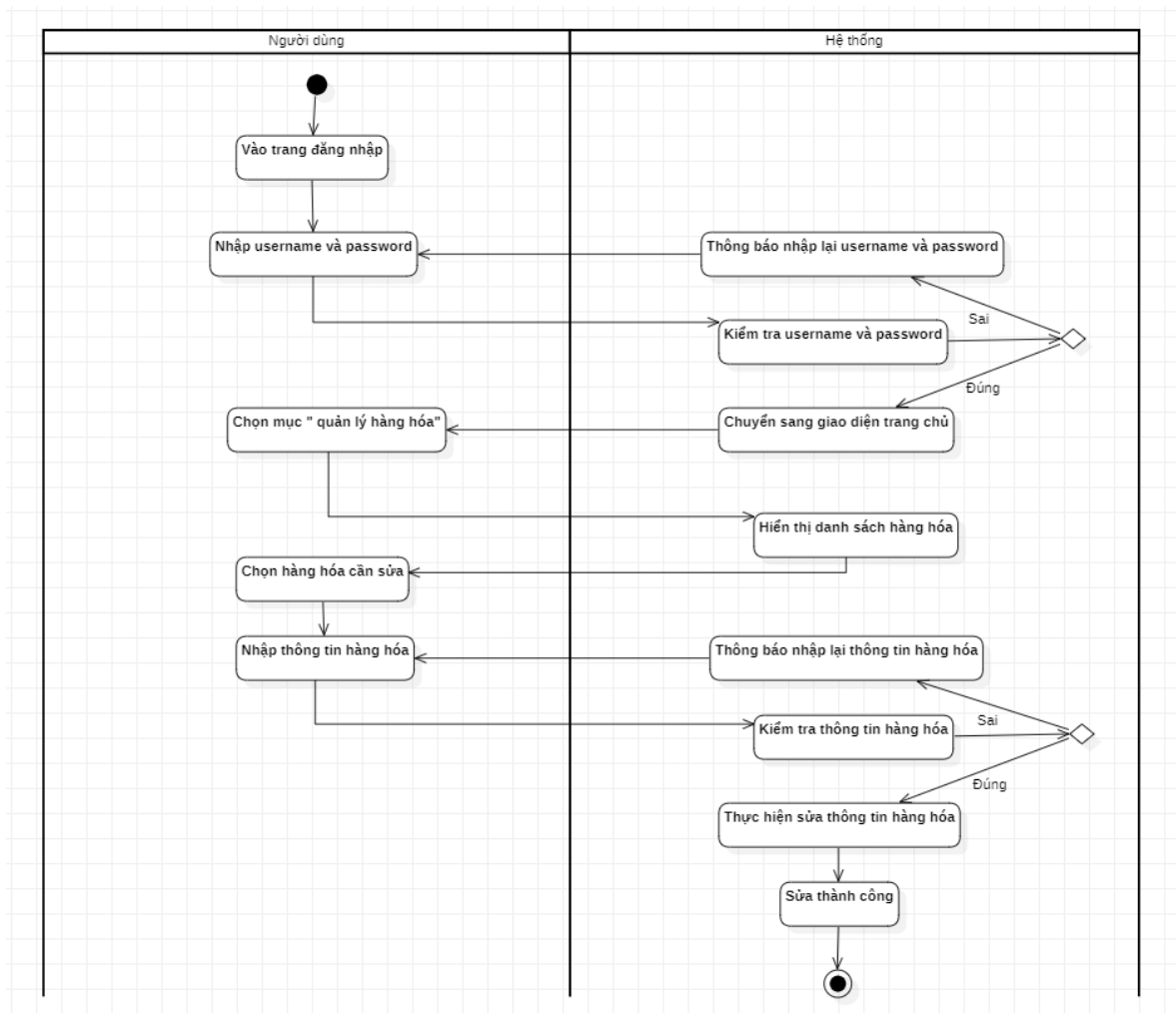
Hình 0-33. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin bản

4.3.20. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin ưu đãi



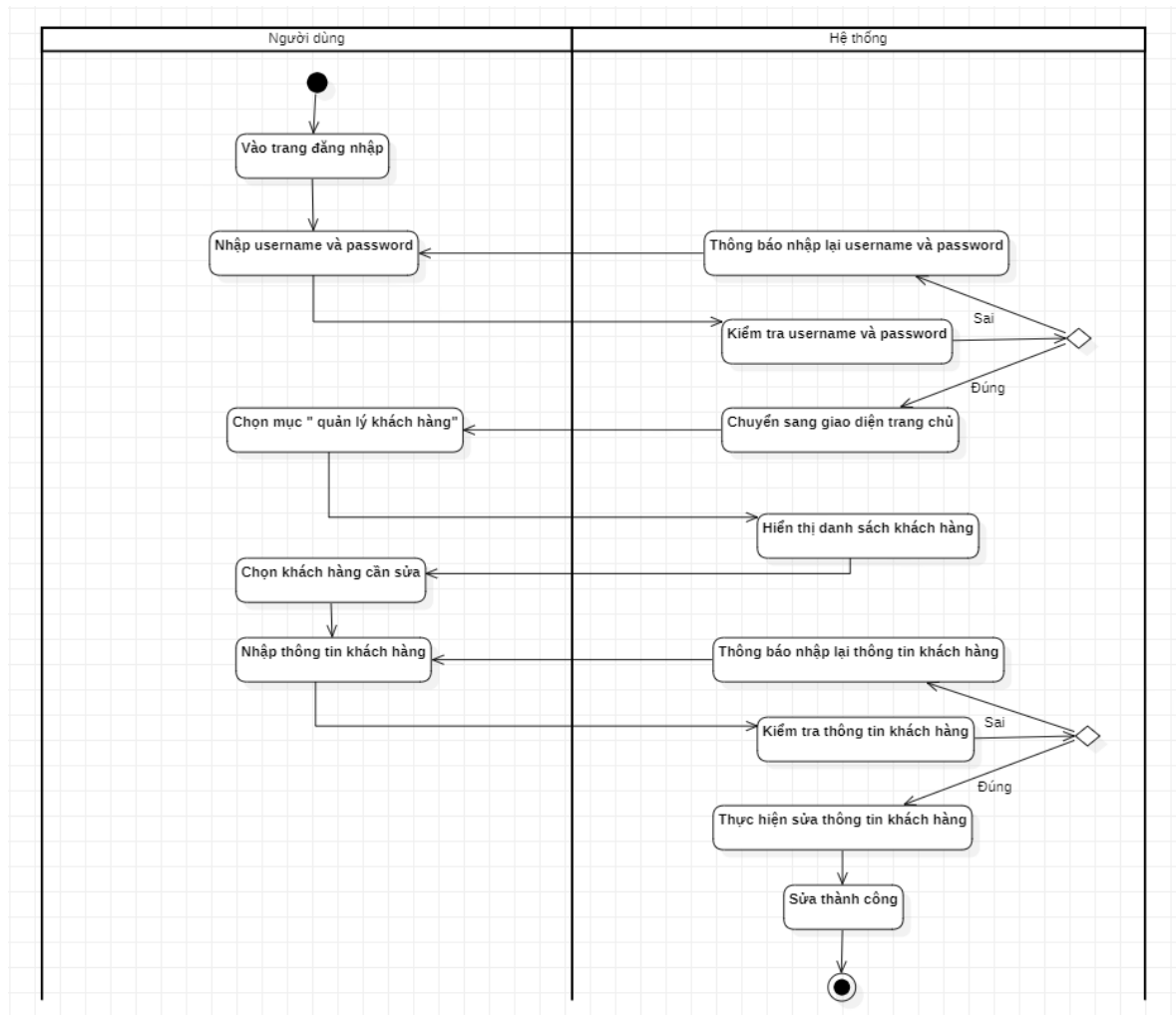
Hình 0-34. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin ưu đãi

4.3.21. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin hàng hóa



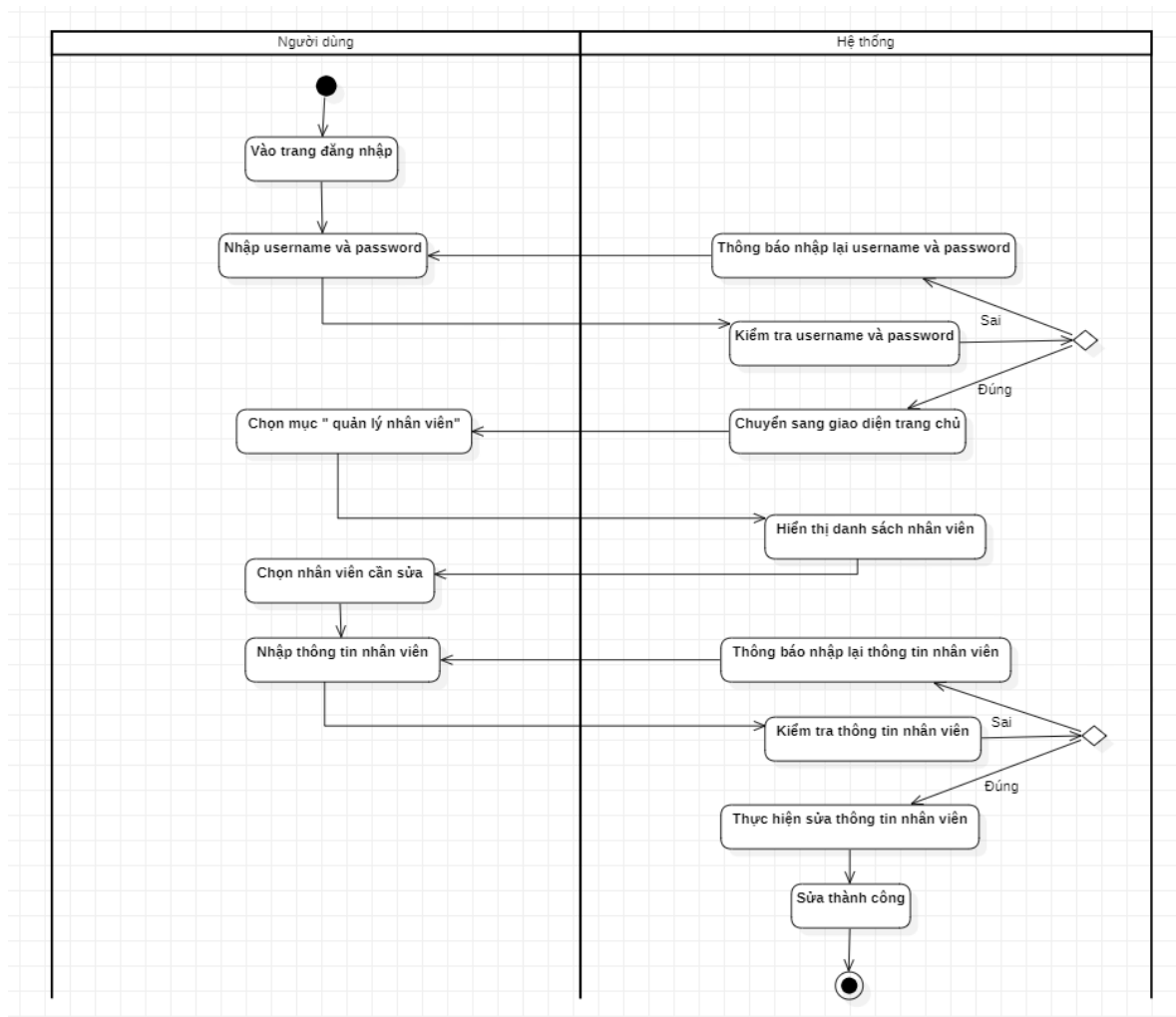
Hình 0-35. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin hàng hóa

4.3.22. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin khách hàng



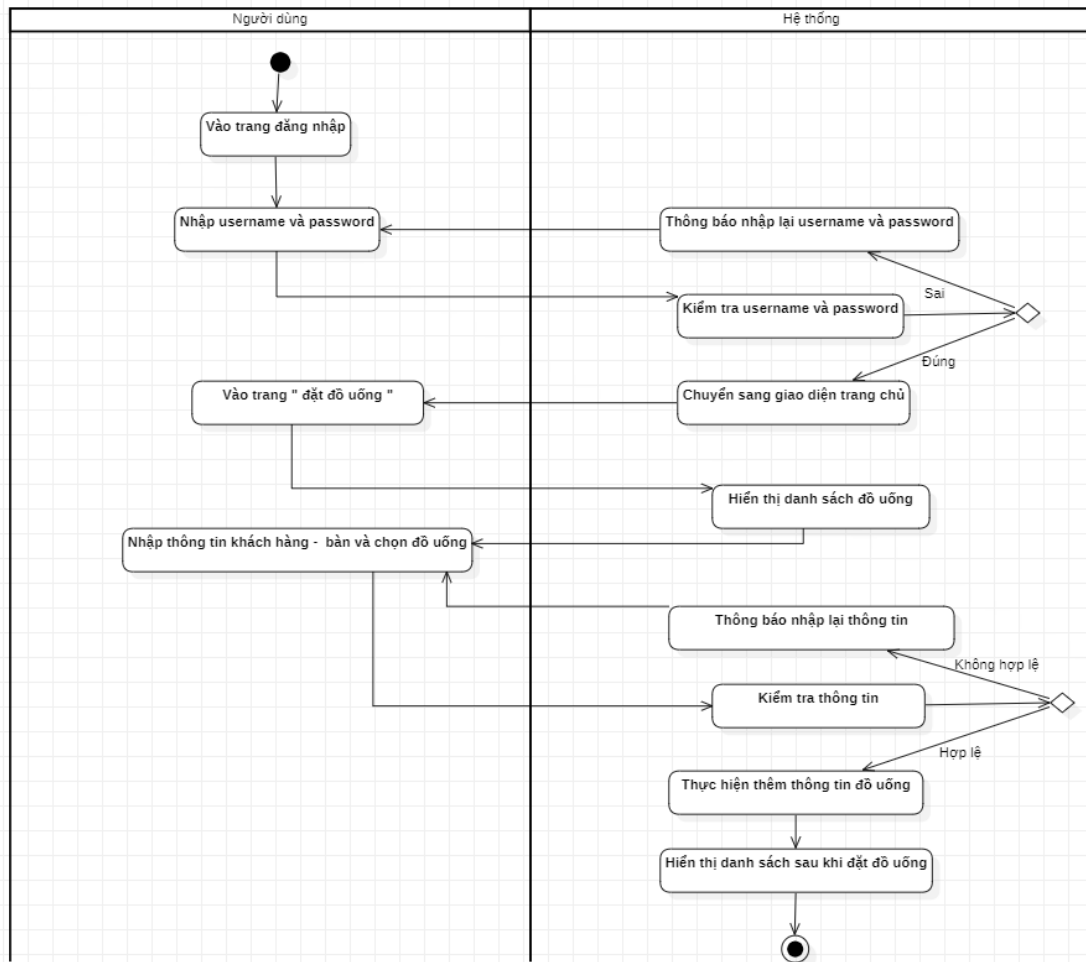
Hình 0-36. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin KH

4.3.23. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin nhân viên



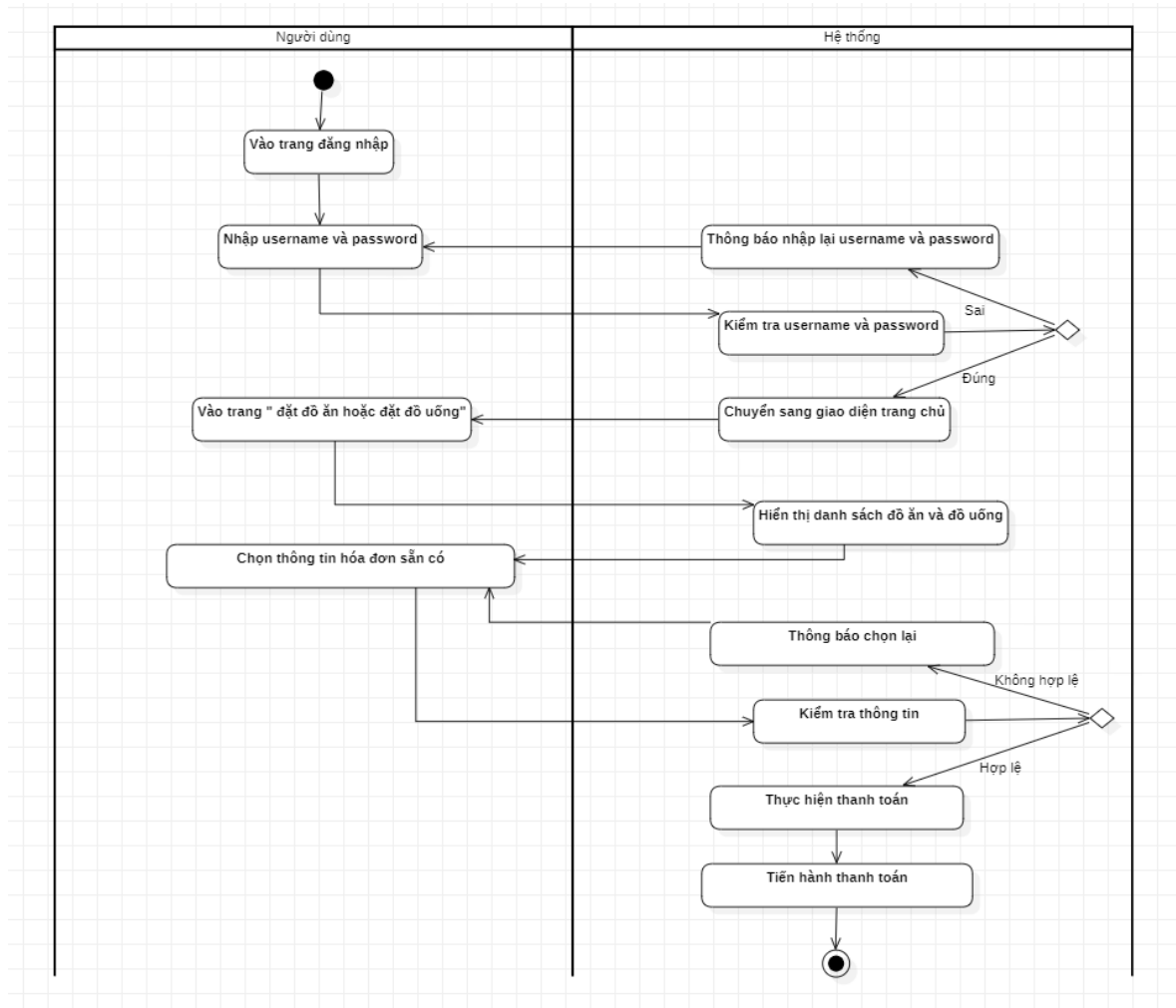
Hình 0-37. Sơ đồ hoạt động chức năng sửa thông tin NV

4.3.24. Sơ đồ hoạt động chức năng đặt đồ uống



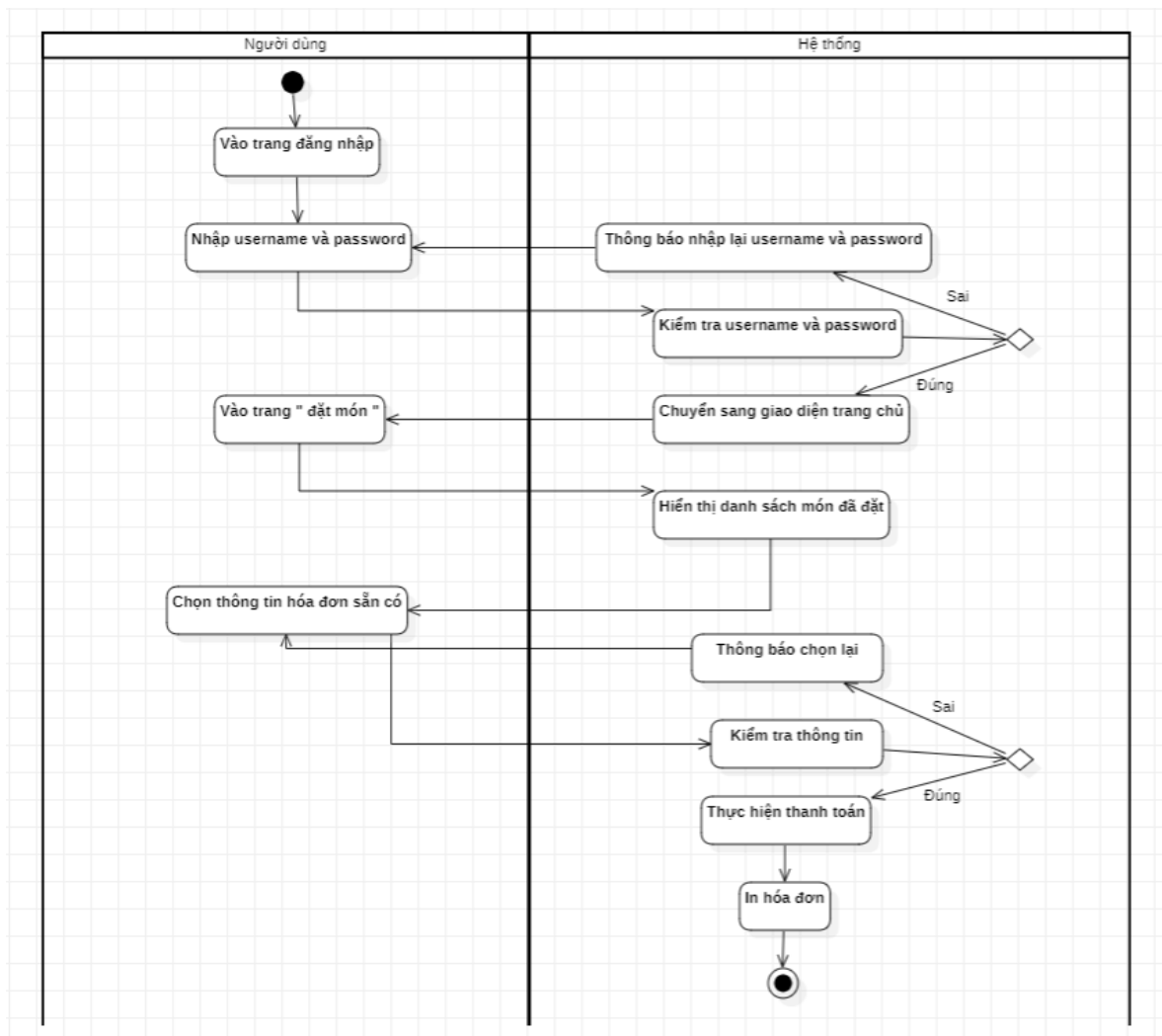
Hình 0-38. Sơ đồ hoạt động chức năng đặt đồ uống

4.3.25. Sơ đồ hoạt động chức năng thanh toán



Hình 0-39. Sơ đồ hoạt động chức năng thanh toán

4.3.26. Sơ đồ hoạt động chức năng lập hóa đơn



Hình 0-40. Sơ đồ hoạt động chức năng lập hóa đơn